



CÔNG TY CP VẬN TẢI
SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp Hồ Chí Minh.

Công ty : Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế.
Mã chứng khoán : GSP.
Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.
Điện thoại : 028 222 05388, Fax: 028 222 05367.
Người CBTT : Ông Lê Anh Nam.
Địa chỉ : Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.
Điện thoại : 028 222 05388.
Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ.

Nội dung thông tin công bố:

Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 số 01/BB-VTSPK-ĐHĐCĐ ngày 08/4/2021.

Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2021 số 02/NQ-VTSPK-ĐHĐCĐ ngày 08/4/2021.

Báo cáo họp và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên trên cũng được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày /4/2021 tại đường dẫn <http://www.gasshipping.com.vn/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin-du-lieu-1>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 4 năm 2021
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- Lưu: VT, TCKT(1b).

Đính kèm:

- Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021.
- Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2021

Lê Anh Nam

**BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ.**

Trụ sở Công ty : Tầng 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
Mã số DN : 0305390530, cấp lần đầu ngày 24/12/2007, đăng ký thay đổi lần 08
ngày 08 / 05 /2020.
Thời gian tổ chức : 08 giờ 30 phút, ngày 08/04/2021.
Địa điểm tổ chức : Khách sạn Sofitel, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành
phố Hồ Chí Minh.

THÀNH PHẦN THAM DỰ:

1. Chủ tọa Đại hội:

Chủ tịch HĐQT Công ty - Ông Mai Thế Toàn

2. Cổ đông tham dự:

ĐHĐCĐ đã nghe Ông Võ Vĩnh Đạt – Tổ kiểm tra tư cách Cổ đông công bố kết quả xác nhận tư cách cổ đông dự họp theo danh sách cổ đông chốt ngày 02/03/2021.

Tổng số cổ đông có mặt tại đại hội là 41 cổ đông (trong đó cổ đông tham dự trực tiếp là 21 cổ đông, tham dự tham qua ủy quyền là 20 cổ đông) đại diện cho 28,919,076 cổ phần, chiếm 80,33% số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông chốt ngày 02/03/2021.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 145 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 về điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông: “Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết”. Vì vậy, ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Vận tải Sản Phẩm Khí Quốc tế đủ điều kiện tiến hành.

3. Đoàn chủ tịch, Tổ Thư ký và Tổ kiểm phiếu:

Ban tổ chức Đại hội đã giới thiệu và toàn thể Đại hội đã thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch, Tổ Thư ký và Tổ Kiểm phiếu như sau:

❖ **Đoàn Chủ tịch:**

1. Ông Mai Thế Toàn - Chủ tịch HĐQT;
2. Ông Nguyễn Duyên Hiếu - TV. HĐQT, Giám đốc Công ty;

❖ **Tổ Thư ký Đại hội:**

1. Ông Dương Đình Quốc Hưng;
2. Bà Hồ Huỳnh Kim Phụng;

❖ **Tổ thẩm tra tư cách cổ đông và Tổ kiểm phiếu:**

1. Ông Võ Vĩnh Đạt - Tổ trưởng;
2. Ông Đinh Thiện Phúc - Thành viên;
3. Ông Lê Huy Thông - Thành viên;

DIỄN BIÊN ĐẠI HỘI:

A. Công tác tổ chức Đại hội:

1. Ông Võ Vĩnh Đạt – Tổ trưởng Tổ thẩm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.
2. Ông Võ Vĩnh Đạt báo cáo dự thảo Quy chế làm việc tại Đại hội và đề nghị Đại hội thông qua.
Đại hội đã nhất trí thông qua và biểu quyết bằng hình thức giơ tay.
3. Ông Võ Vĩnh Đạt báo cáo Thẻ lệ biểu quyết tại Đại hội và đề nghị Đại hội thông qua.
Đại hội đã nhất trí thông qua và biểu quyết bằng hình thức giơ tay.
4. Bà Nguyễn Hồ Thủy - Đại diện Ban tổ chức, giới thiệu Đoàn chủ tịch, Tổ thư ký, Tổ kiểm phiếu và đề nghị Đại hội thông qua.
Đại hội đã nhất trí thông qua và biểu quyết bằng hình thức giơ tay.

B. Nội dung Đại hội:

1. Đại hội đã nghe ông Đoàn Đức Trọng – Phó Giám đốc Công ty trình bày dự thảo:
 - Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Giám đốc
 - Tờ trình về Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020.
 - Tờ trình thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ 360 tỷ đồng lên 560 tỷ đồng;
 - Tờ trình thông qua Dự án đầu tư mua tàu dầu/hóa chất trọng tải khoảng 20.000 DWT.
2. Đại hội đã nghe Bà Phạm Thị Trúc – Phó chủ tịch HĐQT Công ty trình bày dự thảo:
 - Báo cáo hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của Hội đồng quản trị.
 - Tờ trình về Thù lao, tiền lương, tiền thưởng của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020 và Kế hoạch năm 2021
 - Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2020.
 - Tờ trình về sửa đổi Điều lệ Công ty
 - Tờ trình sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
 - Tờ trình sửa đổi Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị Công ty.
3. Đại hội đã nghe Bà Nguyễn Thị Thu Sương – Trưởng Ban kiểm soát Công ty trình bày dự thảo:
 - Báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính năm 2020. Báo cáo hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của Ban kiểm soát.

- Tờ trình về lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021
 - Tờ trình về sửa đổi Quy chế hoạt động Ban kiểm soát.
4. Sau khi phân báo cáo của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Đoàn chủ tịch đã trao đổi, thảo luận các ý kiến với cổ đông.
- Bà Nguyễn Kế Huệ - Cổ đông Công ty đã đặt câu hỏi với Đoàn chủ tịch về việc làm rõ hơn về vấn đề tỉ lệ phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2021 của Công ty”.

Ông Nguyễn Duyên Hiếu – Đại diện Đoàn Chủ tịch phản hồi như sau:

- o Chương trình tăng vốn điều lệ thêm 200 tỷ từ 360 tỷ lên 560 tỷ đồng theo tỉ lệ thực hiện quyền mua dự kiến là 9:5 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền mua, cứ 09 quyền mua sẽ được mua 05 cổ phiếu mới).

C. Kết quả biểu quyết tại Đại hội:

Đại hội đã thông qua kết quả biểu quyết do Tổ trưởng Tổ kiểm phiếu công bố tại Đại hội với kết quả cụ thể như sau:

I. Kết quả các nội dung biểu quyết tại ĐHĐCĐ năm 2021 như sau:

- Tổng số phiếu phát ra: 45 phiếu, đại diện cho 28,919,076 CP
- Tổng số phiếu thu về: 42 phiếu, đại diện cho 28,914,062 CP
- Tổng số phiếu hợp lệ: 41 phiếu, đại diện cho 28,914,038 CP
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 01 phiếu, 24 CP

Kết quả kiểm phiếu các nội dung cụ thể như sau:

1. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Giám đốc:

Kết quả biểu quyết:

Nội dung	Số cổ phần	Tỷ lệ biểu quyết
1. Số phiếu biểu quyết đồng ý	28,914,038	99,98%
2. Số phiếu biểu quyết không đồng ý	0	0%
3. Số phiếu biểu quyết không có ý kiến	0	0%

2. Tờ trình về phê duyệt kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020:

Kết quả biểu quyết:

Nội dung	Số cổ phần	Tỷ lệ biểu quyết
1. Số phiếu biểu quyết đồng ý	28,914,038	99,98%
2. Số phiếu biểu quyết không đồng ý	0	0%
3. Số phiếu biểu quyết không có ý kiến	0	0%

3. Báo cáo kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của Hội đồng quản trị:

Kết quả biểu quyết:

Nội dung	Số cổ phần	Tỷ lệ biểu quyết
1. Số phiếu biểu quyết đồng ý	28,914,038	99,98%
2. Số phiếu biểu quyết không đồng ý	0	0%
3. Số phiếu biểu quyết không có ý kiến	0	0%

4. Tờ trình Thù lao, tiền lương, tiền thưởng của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020 và Kế hoạch năm 2021:

Kết quả biểu quyết:

Nội dung	Số cổ phần	Tỷ lệ biểu quyết
1. Số phiếu biểu quyết đồng ý	28,914,038	99,98%
2. Số phiếu biểu quyết không đồng ý	0	0%
3. Số phiếu biểu quyết không có ý kiến	0	0%

5. Tờ trình Phương án Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2020:

Kết quả biểu quyết:

Nội dung	Số cổ phần	Tỷ lệ biểu quyết
1. Số phiếu biểu quyết đồng ý	28,914,038	99,98%
2. Số phiếu biểu quyết không đồng ý	0	0%
3. Số phiếu biểu quyết không có ý kiến	0	0%

6. Tờ trình sửa đổi Điều lệ Công ty:

Kết quả biểu quyết:

Nội dung	Số cổ phần	Tỷ lệ biểu quyết
1. Số phiếu biểu quyết đồng ý	28,914,038	99,98%
2. Số phiếu biểu quyết không đồng ý	0	0%
3. Số phiếu biểu quyết không có ý kiến	0	0%

7. Tờ trình sửa đổi Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty:

Kết quả biểu quyết:

Nội dung	Số cổ phần	Tỷ lệ biểu quyết
1. Số phiếu biểu quyết đồng ý	28,914,038	99,98%
2. Số phiếu biểu quyết không đồng ý	0	0%
3. Số phiếu biểu quyết không có ý kiến	0	0%

8. Tờ trình sửa đổi Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị Công ty:

Kết quả biểu quyết:

Nội dung	Số cổ phần	Tỷ lệ biểu quyết
1. Số phiếu biểu quyết đồng ý	28,914,038	99,98%
2. Số phiếu biểu quyết không đồng ý	0	0%
3. Số phiếu biểu quyết không có ý kiến	0	0%

9. Tờ trình phê duyệt Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2021:

Kết quả biểu quyết:

Nội dung	Số cổ phần	Tỷ lệ biểu quyết
1. Số phiếu biểu quyết đồng ý	28,914,038	99,98%
2. Số phiếu biểu quyết không đồng ý	0	0%
3. Số phiếu biểu quyết không có ý kiến	0	0%

10. Tờ trình phê duyệt Dự án đầu tư mua tàu dầu/hóa chất trọng tải khoảng 20.000 DWT:

Kết quả biểu quyết:

Nội dung	Số cổ phần	Tỷ lệ biểu quyết
1. Số phiếu biểu quyết đồng ý	28,914,038	99,98%
2. Số phiếu biểu quyết không đồng ý	0	0%
3. Số phiếu biểu quyết không có ý kiến	0	0%

11. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát:

Kết quả biểu quyết:

Nội dung	Số cổ phần	Tỷ lệ biểu quyết
1. Số phiếu biểu quyết đồng ý	28,914,038	99,98%
2. Số phiếu biểu quyết không đồng ý	0	0%
3. Số phiếu biểu quyết không có ý kiến	0	0%

12. Tờ trình sửa đổi Quy chế hoạt động Ban kiểm soát:

Kết quả biểu quyết:

Nội dung	Số cổ phần	Tỷ lệ biểu quyết
1. Số phiếu biểu quyết đồng ý	28,914,038	99,98%
2. Số phiếu biểu quyết không đồng ý	0	0%
3. Số phiếu biểu quyết không có ý kiến	0	0%

13. Tờ trình về lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021:

Kết quả biểu quyết:

Nội dung	Số cổ phần	Tỷ lệ biểu quyết
1. Số phiếu biểu quyết đồng ý	28,914,038	99,98%
2. Số phiếu biểu quyết không đồng ý	0	0%
3. Số phiếu biểu quyết không có ý kiến	0	0%

D. Thông qua Biên bản, Dự thảo Nghị quyết đại hội:

Ông Dương Đình Quốc Hưng đại diện Tổ thư ký báo cáo dự thảo Biên bản và Nghị quyết tại Đại hội.

Đại hội đã nhất trí thông qua và biểu quyết bằng hình thức giơ tay

Đại hội bế mạc lúc 11 giờ 30 phút cùng ngày 08/04/2021. Biên bản này được lập thành hai (02) bản, có giá trị pháp lý như nhau.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI

Hồ Huỳnh Kim Phụng

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

Mai Thế Toàn

★ G.P ★ H.V.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN
PHẨM KHÍ QUỐC TẾ**

Địa chỉ: Tầng 9 Tòa nhà Green Power, 35 Tôn
Đức Thắng, P.Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM
Mã số DN: 0305390530

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02 /NQ-VTSPK-ĐHĐCĐ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 04 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế;
- Căn cứ Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 số 01/BB-VTSPK-ĐHĐCĐ ngày 08/04/2021 của Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1 : Thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Giám đốc (Phụ lục 01).
2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020 (Phụ lục 02).
3. Báo cáo kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của Hội đồng quản trị (Phụ lục 03).
4. Thù lao, tiền lương, tiền thưởng của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020 và Kế hoạch năm 2021 (Phụ lục 04).
5. Phương án Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2020 (Phụ lục 05).
6. Sửa đổi Điều lệ Công ty.
7. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
8. Sửa đổi Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị Công ty.
9. Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2021. (Phụ lục 06).
10. Phê duyệt Dự án đầu tư mua tàu dầu/hóa chất trọng tải khoảng 20.000 DWT. (Phụ lục 07).
11. Báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính năm 2020. Báo cáo hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của Ban kiểm soát (Phụ lục 08).
12. Sửa đổi Quy chế hoạt động Ban kiểm soát.
13. Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 (Phụ lục 09).



Điều 2: Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm chỉ đạo, triển khai thực hiện các nội dung đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 quyết nghị trên cơ sở tuân thủ pháp luật của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

Điều 3: Nghị quyết này đã được ĐHĐCĐ thường niên Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm Khí Quốc tế năm 2021 thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận: 

- HDQT Công ty;
- BKS, GD Công ty;
- Các cổ đông của Công ty (trên website);
- Lưu VT, TK-HDQT.

Đính kèm: Các Phụ lục

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI SẢN PHẨM
KHÍ QUỐC TẾ

Mai Thế Toàn



PHỤ LỤC 01

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020, KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021.

(Đính kèm Nghị quyết số 02/NQ-VTSPK-ĐHĐCĐ ngày 08 tháng 04 năm 2021)

Phần I

TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

I. Tình hình chung:

Năm 2020, đại dịch COVID-19 bùng phát làm đứt gãy các chuỗi cung ứng, thu hẹp cả tổng cung và tổng cầu, đẩy kinh tế thế giới vào vòng suy thoái, nguy cơ khủng hoảng kinh tế - xã hội toàn diện. Theo báo cáo của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) cho biết, kinh tế toàn cầu có thể phải trải qua cuộc khủng hoảng tài chính lớn nhất kể từ cuộc đại suy thoái diễn ra vào những năm 1930 và có thể tăng trưởng âm 4,9% trong năm 2020.

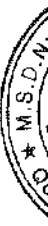
Giá dầu thô và giá các sản phẩm dầu thế giới đều giảm mạnh từ cuối tháng 01/2020, đặc biệt giảm sâu trong tháng 3/2020 (giảm từ 68,4 USD/thùng ngày 31/12/2019 xuống chỉ còn 22,2 USD/thùng ngày 23/3/2020, đặc biệt lần đầu tiên trong lịch sử giá dầu thô WTI giao tháng 5 ở mức giá âm 37,63 USD/thùng khi chốt phiên giao dịch ngày 20/4/2020) do nhu cầu của thị trường giảm bởi tác động sâu rộng và chưa được kiểm soát của dịch bệnh.

Đối với thị trường vận tải LPG, nhu cầu tiêu thụ giảm đã kéo theo nhu cầu vận tải giảm trên toàn cầu. Do Châu Âu và Mỹ sớm bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi dịch bệnh, thị trường khai thác khó khăn ngay từ đầu năm, nên một loạt các tàu đã dịch chuyển hoạt động về phía Đông, càng gây ra tình trạng dư tàu ở Đông Bắc Á.

Nhu cầu cũng như sản xuất giảm, giá vận chuyển spot tốt hơn nên các Charterer đã và đang trả các tàu thuê TC. Thị trường hiện nay ghi nhận một số lượng tàu định áp lớn đang được chào trên thị trường. Điều này cho thấy sự cạnh tranh lớn trên thị trường tàu định áp trong giai đoạn hiện nay.

Do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19, các đơn vị kinh doanh LPG tại thị trường nội địa cũng giảm khoảng 20% sản lượng so với giai đoạn chưa có dịch bệnh; Cộng với sự cạnh tranh khốc liệt về giá của các đơn vị kinh doanh LPG từ Nam Trung Quốc nên đơn vị bán nguồn như PVGas Trading và BSR cũng đã chịu những áp lực không nhỏ.

Do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19, đã phát sinh thêm một số khoản chi phí trong quá trình cung ứng vật tư và dịch vụ khí tàu hoạt động quốc tế; Việc thăm tàu, tổ chức huấn luyện đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ kỹ thuật, an toàn tại tàu cho thuyền viên theo kế hoạch năm 2020 bị gián đoạn.



II. Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2020:

1. Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh:

Nhận thức sớm các khó khăn của dịch bệnh COVID-19 cũng như sự suy giảm giá dầu, Gas Shipping đã nhanh chóng xây dựng cho mình các kịch bản cụ thể và đưa ra các giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu tối đa tác động của cuộc khủng hoảng kép này. Bám sát định hướng và các chỉ đạo của Tổng Công ty, tiếp cận giải quyết các vấn đề chủ động, trực tiếp và với những nỗ lực hết mình, Gas Shipping đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 được giao và đạt được một số kết quả chính như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Tỷ lệ so sánh
1	Tổng doanh thu	1.250	1.568	125%
2	Lợi nhuận trước thuế	66	75	114%
3	Lợi nhuận sau thuế	53	60	114%
4	Tỷ suất LNTT/VĐL	18%	21%	116%
5	Tỷ suất LNST/VĐL	15%	17%	113%
6	Nộp ngân sách Nhà nước	31	18	56%

2. Công tác khai thác đội tàu:

Gas Shipping tiếp tục làm tốt vai trò đầu mối vận tải LPG cho PVGas và phối hợp với NVTrans vận chuyển an toàn, kịp thời 100% khối lượng LPG cho Công ty Lọc hoá dầu Bình Sơn.

Tàu Đà Nẵng Gas, tàu Thăng Long Gas vẫn tiếp tục hoạt động khai thác chuyển quốc tế, không xảy ra off-hire/dừng tàu ngày nào. Khai thác an toàn, hiệu quả các tàu Sài Gòn Gas, Cửu Long Gas và các tàu thuê ngoài, kết hợp hiệu quả các chuyến quốc tế phù hợp cho đội tàu. Tàu Việt Gas/Hồng Hà Gas vẫn đảm bảo hiệu suất khai thác theo hợp đồng định hạn với khách hàng truyền thống PV Gas Trading.

Xây dựng các phương án khai thác tối ưu để giảm tối đa thời gian chờ làm hàng do lỗi chủ quan, số ngày offhire. Liên tục cập nhật và dự báo tình hình dịch bệnh, thị trường/giá dầu để có phương án khai thác phù hợp.

Năm 2020, đội tàu Gas Shipping vận chuyển được 1.010 chuyến hàng với tổng khối lượng vận chuyển khoảng 1.200.000 tấn LPG (trong đó 171 chuyến Quốc tế với khối lượng 310.771 tấn LPG và 839 chuyến nội địa với khối lượng 889.229 tấn LPG). Đối với vận chuyển nội địa, trong năm vận chuyển 799 chuyến cho khách hàng KDK (khối lượng đạt khoảng 823.229 tấn); 40 chuyến nội địa cho khách hàng BSR (khối lượng đạt 66.000 tấn).

Hoạt động kinh doanh vận tải LPG của Nhà máy GPP Cà Mau đã được thực hiện an toàn, hiệu quả. Trung bình mỗi tháng Công ty thực hiện vận chuyển khoảng 4.500 tấn bằng tàu và 2.000 tấn đường bộ, tổng lượng hàng cả năm 2020 là 71.000 tấn LPG.

3. Dịch vụ vận tải LPG đường bộ bằng xe bồn và thương mại:

Phối hợp với PVGas Trading xây dựng và thực hiện thành công phương án bán hàng mới là giao hàng tận kho cho khách hàng bằng xe bồn. Việc này không những giúp cho Gas Shipping gia tăng sản lượng vận chuyển mà còn hỗ trợ PVGas Trading cạnh tranh ở các thị

trường mục tiêu, không lãng phí nguồn lực với việc chỉ sử dụng phương án bán FOB như trước kia.

Hệ thống khách hàng cũng được mở rộng và đa dạng hơn, Gas Shipping cung cấp dịch vụ cho các khách hàng trong nước như: PVGas LPG, Saigon Petro, Petrolimex... cho đến các khách hàng nước ngoài như: Total Gas, Phoenix Việt Nam. Năm 2020, đã thực hiện vận chuyển 4.690 chuyến xe bồn với khối lượng 80.000 tấn LPG.

4. Công tác đầu tư:

Năm 2020, Gas Shipping có kế hoạch tăng vốn để đầu tư 01 tàu VLGC nhưng chưa thực hiện được, nguyên nhân chính là do tác động COVID-19, thị trường rung lắc, huy động tín dụng khó khăn và những rủi ro phải cân nhắc khi thực hiện dự án đầu tư rất lớn.

Trong trường hợp năm 2021, trong trường hợp việc đầu tư tàu VLGC chưa thuận lợi, Đơn vị sẽ tính toán phương án đầu tư thay thế bằng 02 tàu chở dầu sản phẩm/hóa chất có tải trọng khoảng 20.000 DWT để gia tăng quy mô, năng lực cạnh tranh của đơn vị, phối hợp hỗ trợ các đơn vị khác trong cùng Tổng công ty và tối đa hóa lợi ích cho các cổ đông của Công ty.

5. Công tác quản lý kỹ thuật vật tư, quản lý chất lượng, an toàn:

Hệ thống quản lý an toàn theo ISM Code, công ước LĐHH theo MLC 2006 liên tục được Công ty cập nhật, cải tiến thường xuyên và hiện đã bổ sung các quy trình về quản lý an toàn tàu VLGC, tàu dầu/hóa chất. Kết hợp với việc tổ chức huấn luyện, đào tạo kiến thức chuyên môn nghiệp vụ về tàu VLGC, tàu dầu/hóa chất cho cán bộ nhân viên và thuyền viên, đảm bảo sẵn sàng chủ động quản lý kỹ thuật, an toàn các loại tàu này khi Công ty đầu tư.

Thỏa mãn 100% các yêu cầu của khách hàng thuê tàu về tình trạng kỹ thuật và an toàn đội tàu; Thể hiện qua việc tổ chức thành công toàn bộ 16 cuộc vetting sire và non-sire đội tàu đạt kết quả tốt và đáp ứng thỏa mãn toàn bộ hơn 70 lần screening đội tàu của các chủ hãng dầu có yêu cầu khắt khe về kỹ thuật, an toàn trong và ngoài nước như PVN, Petronas, Idemitsu, Total, Exxon Mobil, Chevron...

Duy trì hiệu lực và cập nhật cải tiến thường xuyên Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, đáp ứng thỏa mãn các yêu cầu kiểm tra, đánh giá của Đăng kiểm DNV.

Xây dựng, ban hành và kiểm soát chặt chẽ việc tuân thủ các quy trình, các quy định, các kịch bản về chủ động phòng ngừa và ứng phó với dịch bệnh COVID-19. Toàn bộ cán bộ nhân viên/thuyền viên Công ty được kiểm tra, chăm sóc sức khỏe và đã kiểm soát không một ai bị lây nhiễm COVID-19.

Hoàn thành sửa chữa docking trung gian tàu Việt Gas và Hồng Hà Gas an toàn, chất lượng, tiến độ và không vượt ngân sách được phê duyệt.

Rà soát, bổ sung và hoàn thiện các định mức kinh tế kỹ thuật, đặc biệt chú trọng công tác quản lý tiêu hao nhiên liệu, vật tư phụ tùng với mục tiêu tiết kiệm so với định mức/kế hoạch ngân sách đã được duyệt. Cải tiến rút ngắn quá trình sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị và xây dựng phương án cấp phát vật tư, phụ tùng hiệu quả, đảm bảo tiết giảm chi phí và tránh tổn động vốn. Cắt giảm/giãn tiến độ đối với các công tác mua sắm chưa thực sự cần thiết.

6. Công tác quản trị, tái cơ cấu:

Bên cạnh việc tập trung vào công tác khai thác, vận hành đội tàu hiệu quả, an toàn, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch, Gas Shipping luôn đề cao việc thực hiện cải tiến, tái cơ cấu nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý, quản trị và năng lực cạnh tranh.

Xây dựng và cập nhật hệ thống quy trình/quy chế, phân công nhiệm vụ rõ ràng đầy đủ, có sự gắn kết phối hợp và kiểm soát chéo giữa các bộ phận liên quan trên nguyên tắc không để bất cứ công việc nào chỉ có một người làm và phải có người chịu trách nhiệm ở bất cứ khâu nào.

Tiếp tục thực hiện giao khoán nhiên liệu cho từng tàu, từng chuyến, đồng thời cập nhật và hoàn chỉnh các chỉ tiêu khoán cho phù hợp nhằm tăng cường kiểm soát chặt chẽ chi phí khai thác tàu. Tiếp tục kiểm soát chặt chẽ chi phí sửa chữa, bảo dưỡng kỹ thuật, nhiên liệu, dầu nhớt của đội tàu theo từng chuyến/tháng.

Làm việc với Ngân hàng Shinhan để giảm lãi suất cho vay tàu Thăng Long và Đà Nẵng với mức giảm 0,3%/năm trong các tháng đầu năm 2020.

Luôn rà soát định mức hành chính/công tác phí đảm bảo tiết kiệm, đúng đối tượng, chỉ thực hiện mua sắm trang thiết bị văn phòng khi thật sự cần thiết. Hạn chế tối đa việc tổ chức hội nghị/hội thảo; Đối với các hội nghị/hội thảo mang tính bắt buộc, triệt để tiết kiệm chi phí và lồng ghép các nội dung để rút ngắn tối đa thời gian. Phát động phong trào thi đua trong toàn Công ty, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật đi đôi với thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, đạt mục tiêu cắt giảm tối thiểu 5-10% chi phí.

7. Công tác lao động, đào tạo:

Tổng số lao động Công ty đến 31/12/2020 là 209 người, trong đó có 162 thuyền viên. Công ty đã tuyển dụng bổ sung 26 thuyền viên, trong đó có 11 sỹ quan trẻ có trình độ ngoại ngữ tốt và kinh nghiệm làm việc quốc tế nhằm xây dựng, phát triển lực lượng lao động trực tiếp đủ về số lượng và chất lượng, kịp thời đáp ứng yêu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Công tác tuyển dụng kịp thời đã từng bước cụ thể hoá chiến lược chuyên nghiệp và chuyên biệt hoá lực lượng thuyền viên. Công ty đẩy mạnh việc đào tạo và phát triển nội bộ, tạo điều kiện cho đội ngũ thuyền viên trẻ phát triển chức danh cao hơn, bổ nhiệm 02 thuyền trưởng, 01 máy trưởng, 09 sỹ quan cấp quản lý và vận hành trẻ.

Tổ chức các khóa huấn luyện đào tạo bồi dưỡng, cập nhật kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng công tác: đào tạo đánh giá viên nội bộ hệ thống quản lý an toàn và chất lượng; Huấn luyện về an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy; Huấn luyện kỹ năng sử dụng hải đồ điện tử cho sỹ quan boong; Kiểm tra trình độ tiếng Anh cho CBCNV và thuyền viên; Kỹ năng nghiệp vụ quản lý tài chính, thương mại phù hợp với yêu cầu mới... Tổng số khoá đào tạo đã thực hiện là 121 khoá với 303 lượt người, trong đó đào tạo cho thuyền viên là 101 khóa với 201 người.

8. Công tác an sinh xã hội, hoạt động của các tổ chức đoàn thể:

Công tác an sinh xã hội vẫn luôn được Ban Lãnh đạo và các Tổ chức Đoàn thể trong Công ty quan tâm, tạo môi trường làm việc đoàn kết, gắn bó giữa người lao động với Công ty.

Công ty cũng duy trì công tác hỗ trợ các khu vực có hoàn cảnh khó khăn: quyên góp cho Trường tiểu học xã Ma Lé, huyện Đông Văn, tỉnh Hà Giang; Ủng hộ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn tại Xã Tân Phước, Huyện Đông Phú, Tỉnh Bình Phước và các dụng cụ học tập cho các em nhỏ có gia đình khó khăn của Trường Mầm non Tân Phước; Ủng hộ Quỹ phòng chống dịch COVID-19 của UBMTTQ.

III. Những thành tích nổi bật:

Năm 2020 là một năm hết sức khó khăn với nền kinh tế thế giới nói chung và ngành vận tải biển nói riêng, tuy nhiên với sự quyết tâm/đồng lòng của Ban Lãnh đạo và toàn thể CBCNV, Công ty Gas Shipping đã đạt được các thành tích nổi bật sau:

1. **Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu SXKD được giao:** Tổng doanh thu đạt 1.579 tỷ đồng, đạt 126% kế hoạch, trong đó cơ cấu doanh thu thương mại chỉ còn chiếm khoảng 30%; Lợi nhuận trước thuế 75 tỷ đồng, đạt 114% kế hoạch. Năm 2020, Gas Shipping đạt thêm một cột mốc mới nữa về số lượng chuyến tàu và khối lượng vận chuyển với 1.010 chuyến hàng được vận chuyển an toàn, tổng khối lượng vận chuyển 1.200.000 tấn LPG.
2. **Cùng với Công ty Nhật Việt giữ vững vị thế chi phối ở thị trường nội địa:** Tiếp tục làm tốt vai trò đầu mối vận tải LPG cho PVGas và phối hợp với NVTrans vận chuyển an toàn, kịp thời 100% khối lượng LPG cho Công ty Lọc hoá dầu Bình Sơn, sản lượng vận chuyển đạt 889.200 tấn LPG với hơn 839 chuyến tàu an toàn. Gas Shipping đã thực hiện thuê TC in 03-04 tàu của các chủ tàu ngoài nhằm chủ động điều phối, khai thác.
3. **Đẩy mạnh phát triển ra thị trường quốc tế:** Tàu Đà Nẵng Gas và Thăng Long Gas hoạt động khai thác liên tục cho khách hàng PNX Singapore/Itochu Singapore với 2 lần gia hạn và không off-hire ngày nào; Số chuyến khai thác quốc tế của tàu Sài Gòn Gas và Cửu Long Gas gia tăng đáng kể. Trong năm 2020, đội tàu của Gas Shipping đã thực hiện vận chuyển 171 chuyến quốc tế (tăng 3 lần so với năm 2019), gần đạt đến cơ cấu 50/50 giữa thị trường quốc tế và nội địa. Việc gia tăng khai thác quốc tế giúp Công ty tăng nguồn thu ngoại tệ, xây dựng thương hiệu Gas Shipping trên thị trường quốc tế, có dư địa để ứng phó với các thay đổi của thị trường trong nước.
4. **Công tác quản lý kỹ thuật và an toàn đã thích ứng với hoàn cảnh khó khăn của đại dịch:** Tình trạng kỹ thuật đội tàu trong năm đảm bảo hoạt động liên tục, đáp ứng các yêu cầu khai thác; Tổ chức thành công toàn bộ 16 đợt vetting, hơn 70 lần screening của các chủ hãng dầu có yêu cầu khắt khe về kỹ thuật và an toàn. Về quản lý quản trị, Gas Shipping cũng đã rà soát, bổ sung và hoàn thiện một loạt quy chế, quy định để kiểm soát rủi ro và sử dụng hiệu quả các nguồn lực. Năm 2020, Công ty tiếp tục được Tổ chức uy tín Vietnam Report đánh giá và xếp hạng 4 trong “Top 10 Công ty uy tín Ngành Logistics năm 2020”, đồng thời ghi danh trong Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR500).
5. **Việc làm của người lao động được đảm bảo:** Trong bối cảnh khó khăn của đại dịch thu nhập người lao động bình quân vẫn đạt trên 24 triệu đồng/người/tháng, góp phần tạo điều kiện cho người lao động yên tâm gắn bó với Công ty.

IV. Những hạn chế - nguyên nhân:

Bên cạnh những thành công đạt được, vẫn còn một số tồn tại mà Công ty cần thẳng thắn nhìn nhận để đưa ra các giải pháp khắc phục phù hợp.

1. Dự án đầu tư tàu VLGC chưa thể triển khai được trong giai đoạn hiện nay, nguyên nhân chính là do tác động COVID-19, thị trường rung lắc, huy động tín dụng khó khăn và những rủi ro phải cân nhắc khi thực hiện dự án đầu tư rất lớn. Tuy nhiên Đơn vị chưa nhanh chóng nắm bắt cơ hội triển khai dự án đầu tư khác ngay trong năm để thay thế dự án có trong kế hoạch.
2. Quy mô đội tàu và sự đa dạng về size tàu của Công ty chưa đáp ứng được các nhu cầu của khách hàng trong một số thời điểm nhất định, Công ty cũng đã chủ động thuê bổ sung tàu ngoài nhưng chỉ là giải pháp ngắn hạn, không làm gia tăng năng lực cạnh tranh của Công ty.

Để vượt qua những khó khăn do sự bất ổn của thị trường/dịch bệnh và các nguy cơ tiềm ẩn trong năm 2021, dựa trên kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực khai thác đội tàu và am hiểu thị trường, Công ty đã xây dựng các phương án khai thác mới linh hoạt, hiệu quả và đưa vào kế hoạch, nhiệm vụ trọng tâm năm 2021 để triển khai thực hiện.

PHẦN 2

KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2021

I. Dự kiến đặc điểm tình hình chính năm 2021:

Năm 2021, mặc dù đã có vaccine phòng COVID-19, nhưng do chưa thể phân phối trên diện rộng và hiệu quả cũng chưa cao nên dự báo ảnh hưởng của dịch bệnh sẽ còn kéo dài ở hầu hết các quốc gia.

Nổi lên như một điểm sáng của thế giới, Việt Nam được đánh giá là quốc gia ứng phó thành công nhất với dịch COVID-19. Sự chuẩn bị kỹ càng, tích cực, chủ động vào cuộc ngay từ đầu của cả hệ thống chính trị, thông tin minh bạch là những yếu tố tạo nên sự thành công của Việt Nam.

Về thị trường dầu mỏ:

Thị trường dầu mỏ cũng chịu ảnh hưởng gián tiếp từ dịch COVID-19 khi nhu cầu thị trường sụt giảm, tuy nhiên các nhà phân tích dự báo nhu cầu sẽ tăng dần lên trong năm 2021. Bên cạnh đó, các yếu tố gây ảnh hưởng đến giá dầu vẫn còn tiềm ẩn như xung đột ở một số điểm nóng tại khu vực Trung Đông, nguy cơ thỏa thuận hạt nhân với Iran đổ vỡ, tình hình căng thẳng ở khu vực biển Đông...

Giá dầu thô trong năm 2021 cũng được Cơ quan Thông tin Năng lượng Hoa Kỳ dự báo duy trì quanh mức 50 - 55 USD/thùng, có thể vượt mức 55 USD/thùng nếu dịch COVID-19 được khống chế sớm.

Về thị trường vận tải hàng hải trong nước và quốc tế:

Thị trường tiêu thụ sụt giảm, kéo theo nhu cầu vận tải cũng bị tác động theo, các quốc gia hạn chế hàng hóa xuất nhập khẩu trong giai đoạn này. Bên cạnh đó, các quy định

cách ly, kiểm tra, kiểm dịch... đối với các phương tiện vận tải để phòng chống dịch bệnh cũng gây rất nhiều khó khăn cho các đơn vị vận tải.

Thị trường tàu định áp (giá cước và giá bán) được duy trì ổn định ở mức như 2 năm qua. Giá cước vận tải bằng tàu VLGC dự kiến tiếp tục tăng tuy nhiên vẫn không tương xứng với giá trị đầu tư, giá mua bán tàu VLGC có xu hướng tăng nhưng vẫn ở mức thấp so với giai đoạn trước. Giá cước tàu vận chuyển dầu sản phẩm/hóa chất size nhỏ đến khoảng 20.000 DWT tương đối ổn định nhờ vào việc ít bị ảnh hưởng trong giai đoạn khủng hoảng vừa qua.

Sự gia tăng số lượng tàu của các chủ tàu sẽ gây áp lực cho việc duy trì và bảo vệ vị thế thị trường của Gas Shipping.

Thị trường LPG so với năm 2020 dự kiến duy trì ổn định. BSR sau khi kết thúc bảo dưỡng định kỳ hoạt động bình thường; GPP Cà Mau sẽ dừng bảo dưỡng định kỳ khoảng 30 ngày; NSRP tiếp tục vận hành thương mại, tuy nhiên sản lượng LPG bán ra thị trường vẫn ở mức thấp; Nguồn LPG từ Nhà máy Chế biến khí Dinh Cố và Kho lạnh Thị Vải vẫn duy trì bình thường.

Về tình hình kinh tế trong nước:

Ở trong nước, ổn định vĩ mô tiếp tục được duy trì. Trong trường hợp dịch bệnh được kiểm soát, nền kinh tế phục hồi nhanh chóng và tốc độ tăng trưởng kỳ vọng đạt 6,8% (theo dự báo của Ngân hàng Phát triển Châu Á).

Lãi suất, tỷ giá được điều hành linh hoạt phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, lạm phát, thị trường tiền tệ. Việc hạn chế cho vay bằng USD từ cuối năm 2019 của NHNN sẽ ảnh hưởng không nhỏ tới kế hoạch đầu tư phát triển đội tàu và hiệu quả đầu tư của các dự án mới.

Về Công ty Gas Shipping:

Là công ty niêm yết trên sàn chứng khoán TP HCM, hiệu quả SXKD từ khi thành lập cho đến nay tương đối tốt, có tiềm lực về tài chính tốt, dễ huy động vốn thông qua việc phát hành cổ phiếu và dễ tiếp cận được các nguồn vốn vay với lãi suất cạnh tranh.

Mối quan hệ với mạng lưới các brokers và các chủ hàng/chủ tàu quốc tế đã được xây dựng từ trước nên Gas Shipping có khách hàng/thị trường riêng để thực hiện các hoạt động charter in/charter out hay swap tàu vận chuyển.

II. Kế hoạch, nhiệm vụ trọng tâm năm 2021:

- Sắp xếp, bố trí phương tiện vận tải một cách tối ưu, tiếp tục duy trì cơ chế phối hợp và xây dựng kế hoạch khai thác cụ thể với Tổng Công ty và các ĐV thành viên. Kết hợp vận chuyển trong nước và quốc tế để gia tăng hiệu quả của đội tàu Công ty.
- Thực hiện tốt vai trò đầu mối huy động phương tiện vận tải đường thủy và đường bộ vận chuyển sản phẩm LPG của Nhà máy GPP Cà Mau.
- Duy trì kinh doanh các loại hình dịch vụ khác trên cơ sở đảm bảo hiệu quả, bảo toàn vốn, kiểm soát chặt chẽ công nợ.
- Tăng vốn điều lệ bằng phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, đảm bảo chuẩn bị đủ nguồn vốn thực hiện dự án đầu tư.

- Nâng cao công tác quản lý, quản trị tại đơn vị, đặc biệt tăng cường nâng cao chất lượng công tác quản lý an toàn, quản lý kỹ thuật. Thực hành tiết kiệm, quản lý và kiểm soát chặt chẽ chi phí nhiên liệu, chi phí quản lý kỹ thuật, hao hụt hàng hóa trong các hoạt động sản xuất kinh doanh. Duy trì được SIRE với các chủ hàng lớn (Oil Majors) đáp ứng yêu cầu khai thác trên thị trường quốc tế. Sẵn sàng đánh giá DOC bổ sung cho loại tàu mới.
- Tổ chức sửa chữa định kỳ (SS) các tàu Cửu Long Gas, Sài Gòn Gas, Thăng Long Gas, Đà Nẵng Gas; Kết hợp với việc trang bị hệ thống xử lý nước Ballast cho các tàu đáp ứng yêu cầu của IMO, đảm bảo đúng tiến độ, tiết kiệm chi phí và phù hợp với tình hình khai thác.
- Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý điều hành, rà soát nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường công tác đào tạo, tuyển dụng để bổ sung nguồn nhân lực có trình độ, kinh nghiệm, đồng thời nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ công nhân viên để đáp ứng yêu cầu phát triển của đơn vị.
- Quản lý chặt chẽ tình hình công nợ, đảm bảo không để phát sinh công nợ khó đòi, không để phát sinh những khoản nợ xấu.
- Thực hiện nghiêm các giải pháp ứng phó với dịch bệnh COVID-19.
- Tích cực tham gia công tác an sinh xã hội.

1. Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

Số liệu SXKD chính dự kiến năm 2021 như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2021	Ghi chú
1	Vốn Điều lệ	560	
2	Doanh thu	1.300	
3	Lợi nhuận trước thuế	65	
4	Lợi nhuận sau thuế	52	
5	Nộp ngân sách Nhà nước	15	
6	Đầu tư XDCB và mua sắm trang thiết bị, trong đó:	988	
	- Vốn chủ sở hữu	314	
	- Vốn vay + khác	674	

2. Các giải pháp chính thực hiện kế hoạch:

2.1. Giải pháp về kinh doanh, khai thác:

- Sắp xếp, bố trí tàu và phương tiện vận tải khác một cách tối ưu, tiếp tục duy trì cơ chế phối hợp và xây dựng kế hoạch khai thác cụ thể với Công ty Nhật Việt nhằm giữ vững thị trường vận tải LPG nội địa.
- Đẩy mạnh vận chuyển LPG xuất nhập khẩu cho PVGas Trading đi các nước trong khu vực và vận tải trên thị trường quốc tế.
- Theo dõi sát diễn biến thị trường mua bán tàu; Tích cực làm việc với các nhà môi giới, các chủ hàng trong khu vực để có thông tin diễn biến thị trường mua bán tàu, thị trường cước tàu, yêu cầu quản lý và các yếu tố chi phí để hoàn tất dự án đầu tư.

- Tiếp tục duy trì đưa các tàu tham gia vận chuyển trên thị trường quốc tế, đặc biệt là khu vực Đông Nam Á và Bắc Á nhằm mục tiêu mở rộng thị trường.
- Tăng cường công tác marketing, xây dựng và mở rộng mối quan hệ, phối hợp với: khách hàng, cảng vụ, đăng kiểm, kho cảng, đại lý, mạng lưới brokers...

2.2. Giải pháp về quản lý, tổ chức:

- Tăng cường công tác bảo dưỡng, sửa chữa và cung cấp kịp thời vật tư trang thiết bị, đảm bảo các điều kiện kỹ thuật của đội tàu luôn ở trạng thái tốt, hạn chế đến mức thấp nhất thời gian tàu dừng vì lý do kỹ thuật. Duy trì SIRE của các Oil Major cho đội tàu Công ty.
- Tập trung hoàn thiện và nâng cao công tác quản lý, quản trị và bộ máy tổ chức tại Gas Shipping. Tiếp tục rà soát, bổ sung và hoàn thiện quy chế, quy định, các định mức kinh tế kỹ thuật, Hệ thống quản lý an toàn (ISM code) và MLC 2006, nâng cấp Hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001:2015) để góp phần giảm chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tăng cường tiết kiệm chi phí, công tác kiểm tra/kiểm soát, quản lý chặt chẽ tình hình công nợ, đảm bảo không để phát sinh công nợ khó đòi, không để phát sinh những khoản nợ xấu.
- Xây dựng, cải thiện môi trường làm việc tốt để CBCNV được đóng góp và phát huy hết năng lực. Tích cực thu hút lao động giỏi, quan tâm và cải thiện đời sống vật chất và văn hóa tinh thần cho người lao động, tạo môi trường làm việc đoàn kết, gắn bó trong Công ty.

PHỤ LỤC 02

PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2020.

(Đính kèm Nghị quyết số 02/NQ-VTSPK-ĐHĐCĐ ngày 08 tháng 04 năm 2021)

I/ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán:

Trên cơ sở Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 02/NQ-VTSPK-ĐHĐCĐ ngày 19/6/2020, trong đó có nội dung thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán BCTC năm 2020. Trong năm 2020, Công ty đã tiến hành ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với Công ty TNHH Deloitte Việt Nam. Báo cáo Tài chính năm 2020 của Công ty đã được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán và phát hành báo cáo như đính kèm.

II/ Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020:

Căn cứ báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế thì kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2020 như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Tỷ lệ so sánh (%)
1	Tổng doanh thu	1.250,0	1.567,6	125%
2	Lợi nhuận trước thuế	66,0	75,2	114%
3	Lợi nhuận sau thuế	52,8	60,0	114%
4	Nộp ngân sách Nhà nước	31,3	17,5	56%

cl

PHỤ LỤC 03
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2020
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CTY CP VẬN TẢI SP KHÍ QUỐC TẾ
(Đính kèm Nghị quyết số 02/NQ-VTSPK-ĐHĐCĐ ngày 08 tháng 04 năm 2021)

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2020:

1. Các thành viên Hội đồng Quản trị:

Hội đồng Quản trị của công ty CP Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (Gas Shipping) bao gồm 05 thành viên, cụ thể như sau:

- | | |
|--------------------------|-----------------------------|
| 1. Ông Mai Thế Toàn | - Chủ tịch HĐQT. |
| 2. Bà Phạm Thị Trúc | - Phó Chủ tịch HĐQT. |
| 3. Ông Nguyễn Duyên Hiếu | - Thành viên HĐQT/Giám đốc. |
| 4. Ông Nguyễn Thế Anh | - Thành viên HĐQT. |
| 5. Bà Vũ Thị Phương Nga | - Thành viên HĐQT. |

Hội đồng Quản trị Công ty Gas Shipping hoạt động theo Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT và sự phối hợp giữa HĐQT và Giám đốc Công ty.

2. Hoạt động của HĐQT Công ty:

Từ đầu năm 2020, trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh covid lan nhanh, nhận thức được những khó khăn mà Gas Shipping sẽ phải gặp phải trong bối cảnh chung của thị trường vận tải trong nước và quốc tế, HĐQT đã tích cực phối hợp cùng Ban điều hành tập trung giải quyết những vấn đề trọng tâm của Công ty; Trong đó tập trung vào việc đảm bảo duy trì khai thác và quản lý tốt đội tàu hiện hữu, tránh dịch bệnh bị lây nhiễm cho CBCNV nói chung và đặc biệt cho thuyền viên đội tàu; Tiếp tục nghiên cứu thị trường vận tải VLGC và vận tải sản phẩm dầu, hoá chất; Giám sát chặt chẽ công tác quản lý vốn và quản trị hệ thống quản lý tại đơn vị.

HĐQT đã thực hiện đầy đủ chức năng đại diện của các chủ sở hữu trong việc giám sát hoạt động điều hành của công ty, định hướng phù hợp và chỉ đạo kịp thời đảm bảo sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đạt được các chỉ tiêu do ĐHCĐ giao, trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty.

Bên cạnh việc thực hiện chức năng quản lý, giám sát công tác điều hành của Ban điều hành, HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với Ban giám đốc tìm kiếm những giải pháp tháo gỡ khó khăn trong sản xuất kinh doanh năm 2020.

Với tinh thần trách nhiệm cao, đoàn kết, hợp tác thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cần trọng vì lợi ích của Cổ đông và Công ty, HĐQT đã triển khai các giải pháp quyết liệt trong công tác Quản trị, điều hành của HĐQT, chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện các nghị quyết ĐHCĐ, các Nghị quyết của HĐQT và kết quả năm 2020 Công ty đã hoàn thành vượt mức tất cả các các chỉ tiêu kế hoạch được ĐHCĐ giao.

3. Hoạt động của các thành viên HĐQT:

Trong năm, các thành viên HĐQT đã tích cực hoạt động theo chức năng nhiệm vụ đã được phân công, tham gia đầy đủ và có ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, cụ thể như sau:

1. Ông Mai Thế Toàn - Chủ tịch Hội đồng Quản trị:
 - Chịu trách nhiệm chung trong điều hành hoạt động công tác của Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.
 - Chỉ đạo, hỗ trợ, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ được phân công của các thành viên HĐQT.
 - Lĩnh vực chiến lược.
 - Công tác tái cấu trúc doanh nghiệp.
 - Thực hiện công việc khác không phân công cho các thành viên HĐQT.
2. Bà Phạm Thị Trúc - Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị:
 - Việc xây dựng các Quy chế, Quy định quản lý nội bộ.
 - Công tác phát triển nguồn nhân lực.
 - Công tác Quản trị rủi ro.
 - Công tác phối hợp với các tổ chức Đoàn thể trong Công ty.
 - Thực hiện công việc khác theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT.
3. Ông Nguyễn Duyên Hiếu, Thành viên Hội đồng Quản trị:
 - Công tác sản xuất - kinh doanh.
 - Công tác tài chính kế toán.
 - Công tác đối ngoại, nội chính, hợp tác kinh doanh.
 - Công tác kế hoạch, nhân sự.
 - Công tác xây dựng, phát triển thương hiệu.
4. Ông Nguyễn Thế Anh - Thành viên Hội đồng Quản trị:
 - Công tác sản xuất - kinh doanh, phát triển thị trường.
 - Công tác định mức kinh tế kỹ thuật.
5. Bà Vũ Thị Phương Nga - Thành viên Hội đồng Quản trị:
 - Công tác đầu tư.
 - Công tác quan hệ cổ đông, đổi mới doanh nghiệp.
 - Công tác công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Các thành viên HĐQT đã thực hiện tốt vai trò và nhiệm vụ của mình theo quy định của luật Doanh nghiệp, Điều lệ hoạt động của Công ty, quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định pháp luật khác có liên quan, hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công.

4. Các quyết định của HĐQT năm 2020:

Trong năm 2020, Hội đồng Quản trị đã thực hiện việc họp, trao đổi, bàn bạc cùng Giám đốc, chủ trì/dồng chủ trì một số cuộc họp, hội nghị quan trọng liên quan đến các hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong năm, HĐQT đã họp và ra 26 Nghị quyết; Phê duyệt nội dung tài liệu, kế hoạch tổ chức ĐHCĐ thường niên 2020.

5. Công tác quản lý, giám sát hoạt động đối với Giám đốc và bộ máy điều hành:

Hội đồng Quản trị giám sát điều hành hoạt động của Ban điều hành trên cơ sở Điều lệ Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Quy chế hoạt động và phối hợp giữa HĐQT và Giám đốc và các quy chế nội bộ khác của Công ty Gas Shipping. Hội đồng Quản trị Công ty đã thường xuyên thực hiện công tác quản lý, giám sát hoạt động điều hành của Giám đốc Công ty tại các cuộc họp sơ kết/tổng kết, các cuộc họp nội bộ của Công ty để nắm bắt tình hình hoạt động và chỉ đạo xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong hoạt động SXKD qua các báo cáo, tờ trình của Giám đốc và Ban điều hành.

Các hoạt động giám sát của HĐQT đối với Giám đốc trong năm 2020 gồm các nội dung chính như sau:

- Giám sát công tác điều hành của Ban Giám đốc trong việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT;
- Giám sát công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh;
- Giám sát công tác tổ chức bộ máy nhân sự, ban hành các quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- Giám sát công tác triển khai an toàn, phòng chống dịch bệnh.

Năm 2020, Ban Giám đốc đã nỗ lực và quyết liệt điều hành mọi mặt hoạt động của Công ty, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ và các Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT ban hành. Với các chỉ tiêu đạt được, HĐQT đánh giá Ban điều hành đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ trong năm tài chính 2020, cụ thể là:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, an toàn, không có cá nhân nào hoặc đội ngũ thuyền viên lây /mắc dịch bệnh covid, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực.
- Đảm bảo thu nhập, đời sống người lao động; xây dựng và đào tạo được đội ngũ cán bộ lãnh đạo, người lao động có trình độ phù hợp, nhiệt huyết tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững trong các năm tiếp theo.
- Thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước theo quy định, chính sách điều hành minh bạch có sự phân công, phân cấp rõ ràng trong bộ máy điều hành.

Công ty hoàn thành vượt mức tất cả các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh mà ĐHĐCĐ đã phê duyệt, kết quả đó chứng tỏ sự cố gắng, nỗ lực và quyết tâm của toàn bộ tập thể Ban Giám đốc và tập thể cán bộ công nhân viên trong Công ty.

Bên cạnh những thành tích đã đạt được vẫn còn một số hạn chế cần được Ban điều hành khắc phục trong năm 2021 như nghiên cứu thị trường để mở rộng hoạt động SXKD, phát triển đào tạo đội ngũ nhân lực sẵn sàng cho việc mở rộng thị trường; đảm bảo duy trì tốc độ phát triển Công ty.

6. Công tác đầu tư:

Năm 2020, mặc dù trước diễn biến khó lường của thị trường do ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh, công tác đầu tư vẫn được xem xét thận trọng với mục đích cần thiết đầu tư mang lại hiệu quả ngay và cũng trong mục tiêu phải trẻ hoá đội tàu trong thời gian tới, HĐQT vẫn đang cùng ban Điều hành tiếp tục nắm bắt thị trường để có thể đề nghị ĐHĐCĐ xem xét phê duyệt phương án tăng vốn, đầu tư, phát triển thị trường.

HĐQT giao cho Giám đốc tiếp tục nghiên cứu và đề xuất dự án đầu tư tàu VLGC, đề xuất các phương án thu xếp vốn và huy động vốn cho dự án mới. Tuy nhiên, việc đầu tư VLGC cần lượng vốn lớn, thị trường bất ổn và cần cân nhắc, thận trọng, do vậy việc triển khai đầu tư chưa đạt kế hoạch đề ra trong năm 2020 và dự kiến chuyển tiếp trong các năm tiếp theo và/hoặc chuyển hướng đầu tư sang thị trường sản phẩm dầu hoá chất có suất đầu tư nhỏ hơn, xem xét cơ hội và đảm bảo an toàn vốn.

7. Quan hệ cổ đông:

Công ty vẫn duy trì công tác quan hệ với các cổ đông, tiếp xúc và cung cấp các thông tin cho cổ đông theo yêu cầu và tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước và Điều lệ, Quy chế Quản trị của Công ty.

Các cổ đông đều được thông báo đầy đủ các thông tin liên quan đến công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2020, các công bố thông tin theo quy định của pháp luật, kịp thời xin ý kiến cổ đông để đảm bảo công tác SXKD của công ty.

II. PHƯƠNG HƯỚNG TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021:

Dịch bệnh virus COVID-19 gây ra ảnh hưởng đến toàn bộ các ngành nghề của kinh tế Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung. Hiện vẫn diễn biến rất phức tạp, do vậy HĐQT đặt ra nhiệm vụ trọng tâm như sau:

- Tiếp tục đảm bảo duy trì khai thác và quản lý tốt đội tàu hiện hữu, tránh dịch bệnh bị lây nhiễm cho CBCNV nói chung và đặc biệt cho thuyền viên đội tàu.
- Tiếp tục nghiên cứu thị trường, trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua việc tăng vốn điều lệ thêm 200 tỷ đồng bằng phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để đảm bảo đủ nguồn vốn thực hiện đầu tư 02 tàu chở dầu/hoá chất trọng tải khoảng 20.000 DWT. Giao cho Giám đốc nghiên cứu và đề xuất để có phương án đầu tư an toàn, hiệu quả.
- Đảm bảo không phát sinh công nợ khó đòi.
- Nâng cao công tác quản lý, Quản trị tại đơn vị, đặc biệt tăng cường nâng cao chất lượng công tác quản lý an toàn, quản lý kỹ thuật. Triệt để thực hành tiết kiệm, quản lý và kiểm soát chặt chẽ chi phí nhiên liệu, chi phí quản lý kỹ thuật, hao hụt hàng hóa trong các hoạt động sản xuất kinh doanh.

III. KẾT LUẬN:

Phát huy những thành quả đạt được trong năm 2020, với sự quyết liệt của Hội đồng Quản trị cùng tập thể ban lãnh đạo Công ty, sự nỗ lực của toàn thể CBCNV Công ty Gas Shipping, Hội đồng Quản trị tin tưởng sẽ hoàn thành nhiệm vụ do ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 giao và tiếp tục đưa Công ty đạt được những thành quả lớn hơn nữa, đảm bảo sự phát triển ổn định lâu dài của Công ty và không ngừng gia tăng các lợi ích cho các cổ đông.

PHỤ LỤC 04

THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG, TIỀN THƯỞNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021.

(Đính kèm Nghị quyết số 02/NQ-VTSPK-DHDCD ngày 08 tháng 04 năm 2021)

- Tình hình thực hiện thù lao, tiền lương, tiền thưởng của HĐQT, BKS năm 2020:**
 - Đối với Thành viên trong HĐQT chuyên trách: Thực hiện theo đúng Quy định nhà nước, Quy chế quản lý tiền lương, tiền thưởng và chế độ chính sách của Công ty.
 - Đối với Thành viên HĐQT, BKS kiêm nhiệm: Chủ tịch HĐQT: 3.000.000 đồng/tháng, thành viên HĐQT: 2.000.000 đồng/người/tháng; Trưởng Ban KS: 1.500.000 đồng/tháng, Thành viên BKS: 1.000.000 đồng/người/tháng. Tổng số tiền thù lao thực hiện 2020: 126.000.000 đồng.
- Kế hoạch thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2021 như sau:**
 - Đối với Thành viên trong HĐQT chuyên trách: Thực hiện theo đúng Quy định nhà nước, Quy chế quản lý tiền lương, tiền thưởng và chế độ chính sách của Công ty.
 - Kế hoạch thực hiện thù lao HĐQT, BKS kiêm nhiệm:

TT	Đối tượng	Số người	Mức thù lao tháng (đồng/người/tháng)	Tổng thù lao (đồng)
1	CT HĐQT	01	3.000.000	36.000.000
2	TV HĐQT	02	2.000.000	48.000.000
3	Trưởng Ban KS	01	1.500.000	18.000.000
4	TV Ban KS	02	1.000.000	24.000.000
	Tổng	06		126.000.000

053
CÔNG
CỐ
N TÀ
KHÍ
VT.

1

PHỤ LỤC 05

PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ TRÍCH LẬP CÁC QUỸ NĂM 2020

(Đính kèm Nghị quyết số 02/NQ-VTSPK-DHDCĐ ngày 08 tháng 04 năm 2021)

Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2020 của Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VND

Stt	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020 theo BCTC đã được kiểm toán	60.913.420.319	
1.1	Lợi nhuận năm 2019 chuyển sang	911.587.156	
1.2	Lợi nhuận thực hiện năm 2020	60.001.833.163	(1)
2	Lợi nhuận sau thuế đem phân phối	58.200.128.321	
2.1	Chia cổ tức cho cổ đông bằng tiền mặt	54.000.000.000	15% x VĐL
2.2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.000.091.658	5% x (1)
2.3	Quỹ Khen thưởng Ban Quản lý điều hành	1.200.036.663	2% x (1)
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để lại chuyển năm sau 2021	2.713.291.998	(1) – (2)

05
3 T
PH
SẢN
QUỐC
P. H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ
(GAS SHIPPING)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 4 năm 2021

(Handwritten signatures in blue ink)



MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU.....	4
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty.....	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	5
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	5
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	5
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....	6
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN.....	6
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần.....	6
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	7
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	7
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	8
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	8
Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	8
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	8
Điều 11. Quyền của cổ đông:.....	8
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông.....	10
Điều 13. Đại hội đồng Cổ đông.....	11
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông.....	12
Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông.....	14
Điều 16. Thay đổi các quyền.....	15
Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông.....	15
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông.....	17
Điều 19. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.....	17
Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua.....	19

Handwritten signature and stamp in blue ink at the bottom of the page.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông	20
Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông.....	22
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.....	23
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	23
Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị.....	23
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị.....	24
Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị.....	26
Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị.....	28
Điều 28. Chủ tịch Hội đồng Quản trị.....	29
Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị.....	30
Điều 30. Người phụ trách quản trị Công ty	32
VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	33
Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý	33
Điều 32. Người điều hành Công ty.....	33
Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc	33
IX. BAN KIỂM SOÁT	34
Điều 34. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên).....	34
Điều 35. Thành phần Ban Kiểm soát.....	35
Điều 36. Trưởng Ban Kiểm soát	36
Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát	36
Điều 38. Cuộc họp của Ban Kiểm soát.....	37
Điều 39. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát.....	37
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	38
Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	38
Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	39
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	39
Điều 42. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	39
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	40
Điều 43. Công nhân viên và công đoàn.....	40
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	40

Điều 44. Phân phối lợi nhuận.....	40
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN....	41
Điều 45. Tài khoản ngân hàng.....	41
Điều 46. Năm tài chính	41
Điều 47. Chế độ kế toán.....	41
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	42
Điều 48. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	42
Điều 49. Báo cáo thường niên.....	42
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	42
Điều 50. Kiểm toán.....	42
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	42
Điều 51. Dấu của doanh nghiệp	42
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY.....	43
Điều 52. Giải thể Công ty	43
Điều 53. Gia hạn hoạt động.....	43
Điều 54. Thanh lý	43
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	44
Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	44
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	44
Điều 56. Điều lệ Công ty	44
XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	45
Điều 57. Ngày hiệu lực	45



53
TY
IÁN
N F
ÚC
-10

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 02/NQ-VTSPK-DHĐCĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ:

Điều 1. Giải thích thuật ngữ.

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b. *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;
 - c. *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - d. *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - e. *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - f. *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - g. *Người điều hành doanh nghiệp* là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;
 - h. *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty;
 - i. *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - j. *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
 - k. *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại Khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - l. *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng Cổ đông của Công ty thông qua;
 - m. *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY:

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty.

1. Tên Công ty:

- Tên tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ.
- Tên tiếng Anh : INTERNATIONAL GAS PRODUCT SHIPPING JOINT STOCK COMPANY.
- Tên viết tắt : GAS SHIPPING JSC.

2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ : 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : 028 22205388.
- Fax : 028 22205366.
- E-mail : postmaster@gasshipping.com.vn
- Website : www.gasshipping.com.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng Quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại Khoản 2 Điều 52 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 53 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Công ty có 1 người đại diện theo pháp luật là Giám đốc

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Pháp luật hiện hành.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty.

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

Mua bán phương tiện vận tải. Cho thuê tàu. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, đường thủy nội địa. Kinh doanh vận tải biển. Dịch vụ: Đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, cung ứng tàu biển, kiểm đếm hàng hóa, vệ sinh tàu biển, sửa chữa tàu biển tại cảng, giao nhận

hàng hóa xuất nhập khẩu. Đào tạo nghề. Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống (không hoạt động tại Tp. Hồ Chí Minh). Đại lý, môi giới, đầu giá: Đại lý kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên (CNG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), xăng, dầu lửa, dầu DO, dầu FO, hóa chất, dung môi). Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan: Kinh doanh, xuất nhập khẩu khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên (CNG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), xăng, dầu lửa, dầu DO, dầu FO và các sản phẩm liên quan (trừ bán buôn gas tại TP. Hồ Chí Minh). Bán buôn chuyên doanh: Phân bón, hóa chất sử dụng trong công - nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật); Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh, cao su, hạt nhựa, tơ, xơ, sợi dệt, bán buôn nguyên phụ liệu may, hàng may mặc; Bán buôn nhựa đường, và các sản phẩm dầu khí; Bán buôn dung môi (không tồn trữ tại trụ sở); Bán buôn hóa chất công nghiệp (không tồn trữ hóa chất tại trụ sở); Kinh doanh kim loại, phế liệu kim loại, phi kim; Mua bán thiết bị, vật tư, phụ tùng, hóa chất ngành dầu khí, ngành xây dựng, ngành giao thông vận tải, nông lâm ngư nghiệp, hóa chất phục vụ khai thác và chế biến sản phẩm dầu khí; Mua bán trang thiết bị phòng cháy chữa cháy, trang thiết bị bảo vệ môi trường, trang thiết bị y tế, trang thiết bị trường học; Mua bán tinh dầu, hương liệu và nguyên liệu sản xuất hóa mỹ phẩm. Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Cho thuê phương tiện nổi, giàn khoan. Cho thuê máy móc, thiết bị công nghiệp. Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính).

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là: Giữ vững vị thế là Công ty vận tải khí hóa lỏng LPG hàng đầu tại thị trường nội địa, đồng thời xây dựng và phát triển để từng bước trở thành thương hiệu vận tải mạnh trong khu vực và quốc tế. Không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh, khai thác, thương mại và các dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh nhằm tối đa hóa giá trị cho Công ty và các cổ đông. Không ngừng cải thiện đời sống, điều kiện làm việc, thu nhập cho người lao động và đóng góp tích cực cho cộng đồng và xã hội.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.

1. Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề mà luật không cấm và được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN:

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần.

1. Vốn điều lệ của Công ty là **360.000.000.000 đồng** (Ba trăm sáu mươi tỷ đồng chẵn).
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **36.000.000 cổ phần** (Ba mươi sáu triệu cổ phần) với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và phù

hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm 36.000.000 cổ phần phổ thông (Ba mươi sáu triệu cổ phần), các quyền và nghĩa vụ kèm theo được quy định tại Điều 11, Điều 12 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng Quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông có chấp thuận khác.
6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT:

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng Cổ đông.
2. Hội đồng Quản trị.
3. Ban Kiểm soát.
4. Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG:

Điều 11. Quyền của cổ đông.

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;
 - c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 120, Khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông;
 - g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty, sau khi Công ty đã thanh toán các khoản



- nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
- h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
 - i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - l. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a. Yêu cầu Hội đồng Quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo các quy định tại Khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng Quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
 - e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc



hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước năm (05) ngày làm việc khi khai mạc Đại hội đồng Cổ đông. Việc đề cử người vào Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát thực hiện theo Điều 24 và Điều 34 của Điều lệ này.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông.

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; Chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; Nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị Công ty làm đại diện cho mình tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng hình thức khác theo quy định của pháp luật và quy định cụ thể của Công ty khi tổ chức cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Đại hội đồng Cổ đông.

1. Đại hội đồng Cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng Quản trị có quyền quyết định gia hạn họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng Cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng Cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty.
3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp và Điều 11 của Điều lệ này. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d. Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường:
 - a. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên độc lập Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 3 Điều này;
 - b. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;



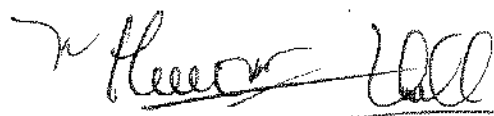
- c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

- d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông.

1. Đại hội đồng Cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
- Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; Quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
 - Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất của Công ty;
 - Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
 - Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị; Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát;
 - Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; Quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

W  

2. Đại hội đồng Cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;
 - c. Báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị, kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị;
 - d. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị, Giám đốc;
 - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát;
 - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
 - h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
 - j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;
 - k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
 - m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất của Công ty;
 - p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất;
 - r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại Khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị; Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát;
 - t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.



3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.
4. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều 14 này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của Pháp luật.

Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông.

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

4. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông Công ty không xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu ủy quyền cho từng người đại diện thì số cổ phần và số phiếu bầu ủy quyền sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.



Điều 16. Thay đổi các quyền.

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, 19 và 20 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông.

1. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 13 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

Handwritten signatures and initials in blue ink.

- c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 2 Điều 11 và Khoản 4 Điều này;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

(Handwritten signatures and initials in blue ink)

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này; Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông.

1. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ nhất.

Điều 19. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Phiếu biểu quyết phải bao gồm các nội dung cần được thông qua tại Đại hội theo chương trình nghị sự đã được thông qua. Khi được phát phiếu biểu quyết cổ đông/đại diện được ủy quyền phải kiểm tra thông tin trên phiếu nhận được, nếu có sai sót phải thông báo ngay tại thời điểm nhận phiếu. Đại hội đồng Cổ đông thảo luận và biểu quyết các vấn đề trong nội dung chương trình. Phiếu biểu quyết được coi là hợp lệ khi có đầy đủ, chính xác các thông tin theo yêu cầu trên phiếu biểu quyết. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền sẽ thực hiện biểu quyết bằng cách đánh dấu vào các mục tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng Cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;



- b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
- a. Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng Cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- b. Trừ trường hợp quy định tại Điểm a Khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông điều hành để Đại hội đồng Cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
- d. Đại hội đồng Cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Đại hội đồng Cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; Trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông có quyền sau đây:
 - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; Trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng Cổ đông trái với quy định tại Khoản 8 Điều này, Đại hội đồng Cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; Tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua.

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 1 Điều 16, Khoản 3 Điều này và Khoản 8 Điều 21:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất của Công ty;

Handwritten signature and stamp in blue ink at the bottom of the page.

- e. Tổ chức lại, giải thể Công ty.
2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 1 Điều 16, Khoản 1, 3 Điều này và Khoản 8 Điều 21.
 3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu hoặc theo phương thức bầu dồn phiếu. Trước khi họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu thành viên Hội đồng Quản trị và/hoặc Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị sẽ quyết định phương thức biểu quyết phù hợp với các quy định tại Điều lệ này. Trường hợp bầu theo phương thức bầu dồn phiếu, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử của Đại hội.
 4. Các Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty
2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở



- chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; Số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
- a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.
- Các thành viên Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới



chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông.

1. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi/lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết; Tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ; Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; Tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

(Handwritten signatures and initials in blue ink)

2. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Toà án, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều 23 Điều lệ này thì nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi có quyết định huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Toà án có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 23. Yêu cầu huỷ bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng Cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng Cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 20 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Toà án, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị.

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng Quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng Cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng Quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được



công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng Quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng Quản trị của Công ty khác);
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có);
 - g. Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng Quản trị (nếu có).
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; Từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; Từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; Từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; Từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; Từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; Từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; Từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 2 Điều này, Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế Nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế Hoạt động của Hội đồng Quản trị. Việc Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng Cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật.
4. Thành viên Hội đồng Quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị.

1. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị cụ thể sẽ do Đại hội đồng Cổ đông quyết định.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc



lập Hội đồng Quản trị của Công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng Quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng Quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng Quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng Quản trị của Công ty đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên không điều hành.

Hội đồng Quản trị của Công ty có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng Quản trị 05 thành viên; Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng Quản trị từ 06 đến 08 thành viên; Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng Quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

4. Thành viên Hội đồng Quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng Cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Khoản 5, 6 và 7 Điều này.

5. Thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Thành viên đó không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng Quản trị;
- b. Có đơn từ chức bằng văn bản gửi Công ty và được chấp thuận;
- c. Thành viên đó không còn năng lực hành vi và thành viên khác của Hội đồng Quản trị có những bằng chứng chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty có thể tạm miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp nêu trên. Việc tạm miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng Cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, việc miễn nhiệm thành viên đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng Quản trị tạm miễn nhiệm.

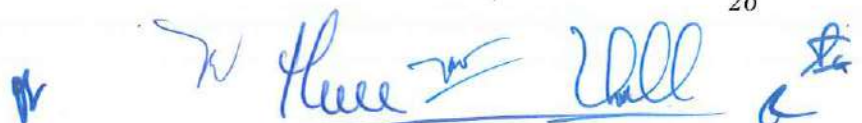
Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty có thể bầu người khác có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp tạm thời làm thành viên Hội đồng Quản trị để thay thế thành viên bị miễn nhiệm. Việc bầu bổ sung tạm thời thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng Cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, việc tạm bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng Quản trị tạm bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị mới được tính từ ngày việc tạm bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị đó. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng Quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng Cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị tạm bổ nhiệm vẫn được coi là có hiệu lực.



6. Thành viên Hội đồng Quản trị bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Thành viên đó không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ, quy định của Công ty;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
7. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng Cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng Quản trị; Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị ngoài trường hợp quy định tại Khoản 5 và Khoản 6 Điều này.
8. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
9. Thành viên Hội đồng Quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị.

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng Cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại. Kiến nghị việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; Quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f. Quyết định phương án đầu tư, dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại



- hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều 14 của Điều lệ này và Điểm d Khoản 2 Điều 138, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty quy định; Quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó theo các quy chế nội bộ của Công ty;
 - j. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
 - k. Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;
 - l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng Cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng Cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m. Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng Cổ đông;
 - n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; Quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; Yêu cầu phá sản Công ty;
 - p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng Cổ đông thông qua: Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
 - q. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với Người điều hành Công ty cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Người điều hành đó;
 - r. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
 4. Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị tạm phê duyệt bổ sung ngành nghề kinh doanh phù hợp với chiến lược phát triển dài hạn của Công ty và theo quy định của pháp luật. Việc tạm phê duyệt bổ sung ngành nghề kinh doanh phải được chấp thuận tại Đại hội đồng Cổ đông gần nhất.





5. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng Quản trị phê chuẩn:
- Thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
 - Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển hàng năm của Công ty.
 - Thành lập công ty con của Công ty; Mục tiêu chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn của công ty con của Công ty.
 - Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 138 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng Cổ đông phê chuẩn, Hội đồng Quản trị quyết định việc ký kết, thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng của Công ty;
 - Việc vay nợ, thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty theo phân cấp tại các quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - Các khoản đầu tư, thanh lý tài sản dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất của Công ty và theo phân cấp tại các quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các doanh nghiệp khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết công nghệ và các loại tài sản phi tiền tệ khác;
 - Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
 - Quyết định mức giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
 - Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng Quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
6. Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị.

- Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng Quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- Thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng Quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí và căn cứ quy định nội bộ của Công ty. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng Cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.



3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.
5. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng Quản trị.
6. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng Quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được kiêm Giám đốc Công ty.
3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; Triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.



5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng Quản trị.

Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị.

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
2. Hội đồng Quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng Quản trị;
 - b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng Quản trị;
4. Đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; Người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng Quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Công ty.



7. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng Quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị; Có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng Quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 11 Điều này;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.


11. Biểu quyết:

a. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được ủy quyền có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng Quản trị có một (01) phiếu biểu quyết.

b. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người có liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết

12. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.

13. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về



phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị/người được uỷ quyền có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng Quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Biên bản phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị tham dự họp và người ghi biên bản cuộc họp hoặc biên bản có thể lập thành nhiều bản và mỗi biên bản phải có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp và người ghi biên bản. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.

Điều 30. Người phụ trách quản trị Công ty.

1. Hội đồng Quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng Cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.



VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC:

Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý.

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó Giám đốc và Kế toán trưởng. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.

Điều 32. Người điều hành Công ty.

1. Người điều hành Công ty bao gồm: Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo Điều lệ/quy định nội bộ của Công ty.
2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác, với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng Quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định căn cứ quy định nội bộ của Công ty.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc.

1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.
2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; Chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị; Chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ của Công ty.
4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;
 - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;



- d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;
 - f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
 - g. Tuyển dụng lao động;
 - h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i. Quyết định các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng Quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - j. Kiến nghị số lượng Người điều hành Công ty mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ của Công ty và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với Người điều hành Công ty để Hội đồng Quản trị quyết định;
 - k. Trình Hội đồng Quản trị phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư cho năm tài chính tiếp theo;
 - l. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, quy chế nội bộ của Công ty.
5. Hội đồng Quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.
 6. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng Cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

IX. BAN KIỂM SOÁT:

Điều 34. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát.

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 24 Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng Cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.



Điều 35. Thành phần Ban Kiểm soát.

1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát của Công ty từ ba (03) đến năm (05) người. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát cụ thể do Đại hội đồng Cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
2. Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Khoản 2 Điều này;
 - b. Có đơn từ chức bằng văn bản gửi Công ty và được chấp thuận;
 - c. Thành viên Ban Kiểm soát đó không còn năng lực hành vi và thành viên Ban Kiểm soát khác của Ban Kiểm soát có những bằng chứng chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.

Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Ban Kiểm soát Công ty có thể tạm miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong các trường hợp nêu trên. Việc tạm miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng Cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, việc miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban Kiểm soát tạm miễn nhiệm.

Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Ban Kiểm soát Công ty có thể bầu người khác có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp tạm thời làm thành viên Ban Kiểm soát để thay thế thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm. Việc bầu bổ sung tạm thời thành viên Ban Kiểm soát mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng Cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, việc tạm bổ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban Kiểm soát tạm bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát mới được tính từ ngày việc tạm bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát đó. Trong trường hợp thành viên Ban Kiểm soát mới không được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Ban Kiểm soát cho đến trước thời điểm diễn ra cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Ban Kiểm soát tạm bổ nhiệm vẫn được coi là có hiệu lực.

4. Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:



- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 36. Trưởng Ban Kiểm soát.

1. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng Quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để trình Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát.

Ban Kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; Quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng Quản trị, Giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của Công ty, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.



6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; Có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 38. Cuộc họp của Ban Kiểm soát.

1. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban Kiểm soát. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.
2. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 39. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát.

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Đại hội đồng Cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát.
2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.



X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC:

Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng Quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
5. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng Quản trị và được Hội đồng Quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng Quản trị không có lợi ích liên quan;

N *v* *Heue* *v* *Ull* *1* *Stg*

- b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY:

Điều 42. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; Yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng Quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.



Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

- Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
- Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
- Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN:

Điều 43. Công nhân viên và công đoàn.

- Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
- Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN:

Điều 44. Phân phối lợi nhuận.

- Đại hội đồng Cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
- Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
- Hội đồng Quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
- Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản



ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN:

Điều 45. Tài khoản ngân hàng.

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 46. Năm tài chính.

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 47. Chế độ kế toán.

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.



XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Điều 48. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 49. Báo cáo thường niên.

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY:

Điều 50. Kiểm toán.

1. Đại hội đồng Cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập, ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng Quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP:

Điều 51. Dấu của doanh nghiệp.

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng Quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).



3. Hội đồng Quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY:

Điều 52. Giải thể Công ty.

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng Cổ đông quyết định, Hội đồng Quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 53. Gia hạn hoạt động.

1. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng Cổ đông tán thành.

Điều 54. Thanh lý.

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng Quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng Cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng Quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;



- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ:

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ.

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban chấp hành Công đoàn Công ty chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

- 2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
- 3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ:

Điều 56. Điều lệ Công ty.

- 1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng Cổ đông xem xét, quyết định.
- 2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.




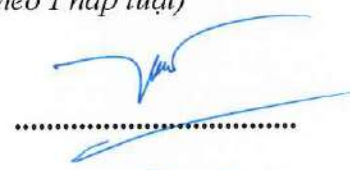



XXI. NGÀY HIỆU LỰC:

Điều 57. Ngày hiệu lực.

1. Bản Điều lệ này gồm 21 Mục, 57 Điều được Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế thông qua ngày 08 tháng 4 năm 2021 tại Khách sạn Sofitel Saigon Plaza – 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP HCM và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 05 bản, có giá trị như nhau và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Người Đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**HỌ, TÊN, CHỮ KÝ CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

01	Mai Thế Toàn	
02	Phạm Thị Trúc	
03	Nguyễn Duyên Hiếu <i>(Giám đốc và là Người đại diện theo Pháp luật)</i>	
04	Vũ Thị Phương Nga	
05	Nguyễn Thế Anh	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ
(GAS SHIPPING)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 4 năm 2021

33905
NG T
PH
AI S
QU
P. H

2

MỤC LỤC

Căn cứ xây dựng:	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.	3
1. Phạm vi điều chỉnh:	3
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc và những người liên quan.	3
Điều 2. Đại hội đồng Cổ đông.	3
1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông: Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông thực hiện theo Điều 14 của Điều lệ Công ty.	3
2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng Cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông bao gồm các nội dung chính sau đây:	3
3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng Cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản bao gồm các nội dung chính sau đây:	8
Điều 3. Hội đồng Quản trị.	10
1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng Quản trị: Theo quy định tại Điều 26 của Điều lệ Công ty.	10
2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:	10
3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị: Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị thực hiện theo Điều 27 của Điều lệ Công ty.	14
4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng Quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:.....	14
5. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty:.....	17
Điều 4. Ban Kiểm soát.	18
1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát: Thực hiện theo Điều 37 của Điều lệ Công ty.	18
2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát:.....	18
Điều 5. Giám đốc.	20

↓

1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc: Thực hiện theo Khoản 4 Điều 33 Điều lệ Công ty.	20
2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc:	20
Điều 6. Các hoạt động khác.	21
1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc gồm các nội dung chính sau đây:	21
2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác: Hội đồng Quản trị Công ty căn cứ quyền, nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc Công ty và các Người điều hành doanh nghiệp để ban hành các Quy chế về việc đánh giá hoàn thành nhiệm vụ, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và Người điều hành của Công ty.....	23
Điều 7. Hiệu lực thi hành.	23



ch

Căn cứ xây dựng:

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 02/NQ-VTSPK-ĐHĐCĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021;

Hội đồng Quản trị ban hành Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (gọi tắt: Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty), bao gồm các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Giám đốc; Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng Cổ đông; Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Đại hội đồng Cổ đông.

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông: Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông thực hiện theo Điều 14 của Điều lệ Công ty.
2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng Cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông bao gồm các nội dung chính sau đây:
 - a. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng Cổ đông: Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng Cổ đông thực hiện theo Điều 13 của Điều lệ Công ty. Cá nhân, tổ chức có thẩm quyền này được gọi là Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông.
 - b. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp: Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông được cung cấp bởi Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD). Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông.

E

- c. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông: Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
- d. Thông báo triệu tập Đại hội đồng Cổ đông: Cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).
- e. Chương trình, nội dung Đại hội đồng Cổ đông: Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có trách nhiệm chuẩn bị nội dung chương trình họp Đại hội.

Chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- Phiếu biểu quyết;
- Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có quyền từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều 11 và khoản 4 Điều 17 Điều lệ Công ty;
- Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Điều lệ Công ty;
- Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải chấp nhận và đưa các kiến nghị vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp được nêu bên trên; Kiến nghị

được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận.

- f. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng Cổ đông: Việc ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông thực hiện theo Điều 15 của Điều lệ Công ty.
- g. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng Cổ đông: Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Phiếu biểu quyết phải bao gồm các nội dung cần được thông qua tại Đại hội theo chương trình nghị sự đã được thông qua. Khi được phát phiếu biểu quyết cổ đông/đại diện được ủy quyền phải kiểm tra thông tin trên phiếu nhận được, nếu có sai sót phải thông báo ngay tại thời điểm nhận phiếu.

h. Điều kiện tiến hành:

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ nhất.

i. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông:

Cổ đông phổ thông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị Công ty làm đại diện cho mình tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông;
- Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức khác theo quy định

1

của pháp luật và quy định cụ thể của Công ty khi tổ chức cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

j. Cách thức bỏ phiếu:

Phiếu biểu quyết phải bao gồm các nội dung cần được thông qua tại Đại hội theo chương trình nghị sự đã được thông qua.

Việc kiểm phiếu sẽ được thực hiện thông qua Ban Kiểm phiếu. Ban Tổ chức Đại hội sẽ chuẩn bị và đề xuất với Đại hội đồng Cổ đông một Ban Kiểm phiếu để chịu trách nhiệm: Kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội; Giới thiệu và phát phiếu bầu, hướng dẫn và giải đáp thắc mắc trong quá trình bầu cử/biểu quyết; Tiến hành kiểm phiếu; Công bố kết quả bầu cử/biểu quyết trước Đại hội. Số lượng, thành phần Ban Kiểm phiếu được Ban tổ chức đề cử và được các cổ đông tham dự Đại hội thông qua tại Đại hội theo hình thức biểu quyết công khai. Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, ứng cử vào Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát.

Khi tiến hành biểu quyết, cổ đông/đại diện được ủy quyền có quyền quyết định tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến bằng cách đánh dấu theo hướng dẫn của Ban Kiểm phiếu vào ô tương ứng với lựa chọn của mình cho từng vấn đề cần biểu quyết trên phiếu biểu quyết.

Trước khi bỏ phiếu, Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra tình trạng hòm phiếu trước sự chứng kiến của cổ đông có mặt tại Đại hội.

Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có thông báo của đại diện Ban Kiểm phiếu và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu cử/biểu quyết vào hòm phiếu hoặc sau ba mươi (30) phút kể từ thời điểm thông báo tùy thuộc vào sự việc nào đến trước.

Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

k. Cách thức kiểm phiếu:

Ban Kiểm phiếu thực hiện kiểm phiếu theo quy định như sau:

- Ban Kiểm phiếu làm việc trong một phòng làm việc/khu vực riêng;
 - Ban Kiểm phiếu có thể sử dụng các phương tiện kỹ thuật điện tử và chuyên viên kỹ thuật hỗ trợ trong việc kiểm phiếu;
 - Kiểm tra tính hợp lệ của các phiếu bầu cử/biểu quyết;
 - Kiểm tra lần lượt từng phiếu bầu cử/biểu quyết và ghi kết quả kiểm phiếu;
 - Niêm phong toàn bộ các phiếu bầu cử/biểu quyết và bàn giao lại cho Ban tổ chức.
- l. Điều kiện để nghị quyết được thông qua: Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua thực hiện theo Điều 20 của Điều lệ Công ty.

m. Thông báo kết quả kiểm phiếu:

Sau khi kiểm phiếu xong, Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm tổng hợp kết quả bầu cử/biểu quyết và lập thành Biên bản Kiểm phiếu. Biên bản Kiểm phiếu sẽ được các thành viên của Ban Kiểm phiếu ký để xác nhận về tính chính xác, minh bạch và đúng nguyên tắc, trình tự kiểm phiếu.

Nội dung Biên bản Kiểm phiếu phải ghi rõ các nội dung: Thành phần Ban Kiểm phiếu; Thời gian, địa điểm tiến hành kiểm phiếu, danh sách đề cử; Tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu; Tổng số cổ phần có quyền bầu cử/biểu quyết có mặt tại Đại hội; Tổng số phiếu phát ra; Tổng số phiếu thu về; Tổng số phiếu không hợp lệ; Tổng số phiếu hợp lệ; Tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến và tỷ lệ biểu quyết tương ứng với từng nội dung biểu quyết; Số cổ phần biểu quyết cho từng ứng viên vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, danh sách trúng cử; Chữ ký của thành viên Ban Kiểm phiếu.

Nội dung Biên bản Kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội. Trưởng Ban Kiểm phiếu có thể thay mặt Chủ tọa công bố kết quả bầu cử/biểu quyết.

n. Cách thức phản đối, hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông: Theo quy định tại Điều 23 Điều lệ Công ty.

o. Lập biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông:

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi/lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông;
- Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết; Tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ; Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; Tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng

Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

p. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông: Biên bản họp, Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng Cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản bao gồm các nội dung chính sau đây:

- a. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản: Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
- b. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng Cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng Quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 của Điều lệ Công ty. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích lấy ý kiến;
- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ

05
CỔ
CỔ
N T
KH
71

pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; Số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị;

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

- Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của người không phải là Người điều hành Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- Các vấn đề đã được thông qua;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày hoặc thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng Cổ đông thường niên không được tổ chức theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 3. Hội đồng Quản trị.

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng Quản trị: Theo quy định tại Điều 26 của Điều lệ Công ty.
2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:

a. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng Quản trị:

Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị cụ thể sẽ do Đại hội đồng Cổ đông quyết định.

Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá năm (5) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng Quản trị của Công ty không quá hai (2) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng Quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng Quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

b. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng Quản trị:

Cơ cấu Hội đồng Quản trị của Công ty đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên không điều hành.

Hội đồng Quản trị của Công ty có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng Quản trị 05 thành viên; Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng Quản trị từ 06 đến 08 thành viên; Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng Quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

Thành viên Hội đồng Quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

c. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị;

Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng Quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng Cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng Quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng Quản trị được công bố bao gồm:

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng Quản trị của Công ty khác);
- Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- Các thông tin khác (nếu có);

Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng Quản trị (nếu có).

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; Từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; Từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; Từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; Từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; Từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; Từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; Từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định nêu trên, Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị. Việc Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng Cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật.

d. Cách thức bầu thành viên Hội đồng Quản trị:

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị có thể thực hiện theo phương thức biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu hoặc theo phương thức bầu dồn phiếu. Trước khi họp Đại

hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị sẽ quyết định phương thức biểu quyết phù hợp với các quy định tại Điều lệ này.

Trường hợp bầu theo phương thức bầu dồn phiếu, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.

Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử của Đại hội.

e. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị:

Thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- Thành viên đó không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng Quản trị;
- Có đơn từ chức bằng văn bản gửi Công ty và được chấp thuận;
- Thành viên đó không còn năng lực hành vi và thành viên khác của Hội đồng Quản trị có những bằng chứng chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty có thể tạm miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp nêu trên. Việc tạm miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng Cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, việc miễn nhiệm thành viên đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng Quản trị tạm miễn nhiệm.

Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty có thể bầu người khác có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp tạm thời làm thành viên Hội đồng Quản trị để thay thế thành viên bị miễn nhiệm. Việc bầu bổ sung tạm thời thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng Cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, việc tạm bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng Quản trị tạm bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị mới được tính từ ngày việc tạm bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị đó. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng Quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng Cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị tạm bổ nhiệm vẫn được coi là có hiệu lực.

Thành viên Hội đồng Quản trị bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

1

- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- Thành viên đó không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị liên tục trong vòng 06 (sáu) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng Cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng Quản trị, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị ngoài trường hợp quy định trên.

f. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị: Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

g. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị:

Chủ tịch Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng Quản trị.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị.

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng Quản trị.

2

3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị: Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị thực hiện theo Điều 27 của Điều lệ Công ty.
4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng Quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:
 - a. Số lượng cuộc họp tối thiểu: Hội đồng Quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường
 - b. Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:
 - Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng Quản trị;
 - Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
 - Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng Quản trị;

Đề nghị triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị nêu trên. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; Người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị.

- c. Thông báo họp Hội đồng Quản trị (gồm thời gian, địa điểm, chương trình họp, các vấn đề thảo luận và quyết định):

Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng Quản trị và các thành viên Ban Kiểm soát ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng Quản trị đó.

Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải xác định thời gian cụ thể, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp có thể được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị và các thành viên Ban Kiểm soát được đăng ký tại Công ty.

Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng Quản trị.

Cuộc họp của Hội đồng Quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng Quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

L

- Nghe từng thành viên Hội đồng Quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng Quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp này.

- Quyền dự họp Hội đồng Quản trị của thành viên Ban Kiểm soát: Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự cuộc họp Hội đồng Quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
- Điều kiện tổ chức họp Hội đồng Quản trị: Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai (02) được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.

f. Cách thức biểu quyết:

Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng Quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

Khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

Thành viên Hội đồng Quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

L

- Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết;
 - Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử; Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.
- g. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng Quản trị: Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị/người được ủy quyền có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.
- h. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng Quản trị: Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.
- i. Lập biên bản họp Hội đồng Quản trị;
- Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - Thời gian, địa điểm họp;
 - Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; Họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - Tóm tắt trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - Các vấn đề đã được thông qua;
 - Họ tên chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị tham dự họp và người ghi biên bản cuộc họp hoặc biên bản có thể được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất nhất một (01) thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp và

5

người ghi biên bản. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng Quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp.

Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Biên bản họp Hội đồng Quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

- j. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng Quản trị: Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định thì biên bản này có hiệu lực.
 - k. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị: Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan (nếu được yêu cầu) hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử của Công ty theo trình tự quy định của pháp luật về doanh nghiệp và luật chứng khoán.
5. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty:
- a. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty:
 - Có hiểu biết về pháp luật;
 - Không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
 - Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng Quản trị.
 - b. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty: Hội đồng Quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
 - c. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty: Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.
 - d. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty: Việc thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi miễn Người phụ trách quản trị Công ty được công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
 - e. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty:

- Tư vấn Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng Cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát;
- Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- Tham dự các cuộc họp;
- Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;
- Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 4. Ban Kiểm soát.

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát: Thực hiện theo Điều 37 của Điều lệ Công ty.
2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát:
 - a. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát: Ban Kiểm soát của Công ty có từ ba (03) đến năm (05) người. Số lượng cụ thể các Kiểm soát viên do Đại hội đồng Cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
 - b. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát: Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
 - c. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát: Thực hiện theo Khoản 1, Khoản 2 Điều 24 Điều lệ Công ty;

Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức

L

đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng Cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

d. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát:

Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu hoặc theo phương thức bầu dồn phiếu. Trước khi họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu thành viên Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị sẽ quyết định phương thức biểu quyết phù hợp với các quy định của Điều lệ Công ty;

Trường hợp bầu theo phương thức bầu dồn phiếu, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty;

Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử của Đại hội;

Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số;

Trưởng Ban Kiểm soát được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Ban Kiểm soát trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Ban Kiểm soát đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Ban Kiểm soát;

Trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Ban Kiểm soát phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm;

Trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát.

e. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát:

Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định;

- Có đơn từ chức bằng văn bản gửi Công ty và được chấp thuận;
- Kiểm soát viên đó không còn năng lực hành vi và Kiểm soát viên khác của Ban Kiểm soát có những bằng chứng chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Ban Kiểm soát Công ty có thể tạm miễn nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp nêu trên. Việc tạm miễn nhiệm Kiểm soát viên này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng Cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, việc miễn nhiệm Kiểm soát viên đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban Kiểm soát tạm miễn nhiệm.

Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Ban Kiểm soát Công ty có thể bầu người khác có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp tạm thời làm Kiểm soát viên để thay thế Kiểm soát viên bị miễn nhiệm. Việc bầu bổ sung tạm thời Kiểm soát viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng Cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, việc tạm bổ nhiệm Kiểm soát viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban Kiểm soát tạm bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên mới được tính từ ngày việc tạm bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Kiểm soát viên đó.

Trong trường hợp Kiểm soát viên mới không được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Ban Kiểm soát cho đến trước thời điểm diễn ra cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông có sự tham gia biểu quyết của Kiểm soát viên tạm bổ nhiệm vẫn được coi là có hiệu lực.

Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông.
- f. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát: Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát được Công ty công bố thông tin theo quy định của pháp luật và Luật chứng khoán.
- g. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban Kiểm soát: Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo Điều 39 của Điều lệ Công ty.

Điều 5. Giám đốc.

1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc: Thực hiện theo Khoản 4 Điều 33 Điều lệ Công ty.
2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc:

- a. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc: Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ của Công ty.
- b. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Giám đốc: Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.
- c. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Giám đốc: Hội đồng Quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.
- d. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc: Được Công ty thực hiện theo quy định của Luật chứng khoán và pháp luật hiện hành.
- e. Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc: Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định phù hợp với Điều lệ, quy định nội bộ của Công ty và quy định pháp luật.

Điều 6. Các hoạt động khác.

1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc gồm các nội dung chính sau đây:
 - a. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc: Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc thực hiện theo Khoản 4 Điều 3 của Quy chế này.
 - b. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị cho Ban Kiểm soát:
 Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và Người điều hành Công ty phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.
 Người phụ trách quản trị Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng Cổ đông và của Hội đồng Quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng Quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng Quản trị.
 - c. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị cho Giám đốc: Người phụ trách quản trị Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, quyết định, biên bản họp của Đại hội đồng Cổ đông và của Hội đồng Quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng Quản trị phải được cung cấp cho Giám đốc vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng Quản trị.

L

- d. Các trường hợp Giám đốc, Ban Kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng Quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng Quản trị: Giám đốc và Ban Kiểm soát có thể đề nghị triệu tập họp Hội đồng Quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng Quản trị với Chủ tịch Hội đồng Quản trị và thông báo triệu tập đến các Thành viên Hội đồng Quản trị trước ba (03) ngày làm việc khi cuộc họp Hội đồng Quản trị diễn ra.
- e. Báo cáo của Giám đốc với Hội đồng Quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao:

Giám đốc Công ty có trách nhiệm thực hiện các báo cáo định kỳ và bất thường theo yêu cầu cho Hội đồng Quản trị về các vấn đề cụ thể như sau:

- Định kỳ báo cáo Hội đồng Quản trị Công ty về tình hình thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao theo quy định tại Khoản 4 Điều 33 Điều lệ Công ty và các công việc khác được Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền thực hiện;
 - Báo cáo Hội đồng Quản trị về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng Cổ đông;
 - Thực hiện báo cáo đột xuất về các vấn đề theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị và/hoặc Ban Kiểm soát.
- f. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng Quản trị đối với Giám đốc: Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Giám đốc và Người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng Quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng Cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng Quản trị thông qua.
- g. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát:

Báo cáo và giải trình trước Đại hội đồng Cổ đông về:

- Tình hình thực hiện định hướng chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm trên cơ sở các nghị quyết đã được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt;
- Tình hình sử dụng vốn; đầu tư mua sắm, cầm cố, thuê, cho thuê, thanh lý, chuyển nhượng các tài sản cố định, sử dụng lao động và các vấn đề khác thuộc quyền hạn của Giám đốc Công ty theo quy định tại Khoản 4 điều 33 Điều lệ Công ty;
- Các báo cáo theo yêu cầu của cơ quan, chính quyền các cấp về bảo đảm an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường cũng như những hoạt động xã hội khác của Công ty;
- Giám đốc Công ty có trách nhiệm tổ chức thực hiện quản lý việc cấp sổ chứng nhận cổ đông, thay đổi thông tin cổ đông, quản lý việc thực hiện các quyền khác của cổ đông theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật.

- Các nội dung khác theo yêu cầu của Đại hội đồng Cổ đông.
 - h. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng Quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Giám đốc: Hội đồng Quản trị căn cứ quyền, nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc Công ty và các Người điều hành doanh nghiệp để ban hành các Quy chế nội bộ về việc phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng Quản trị, các Kiểm soát viên và Giám đốc theo các nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật.
2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác: Hội đồng Quản trị Công ty căn cứ quyền, nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc Công ty và các Người điều hành doanh nghiệp để ban hành các Quy chế về việc đánh giá hoàn thành nhiệm vụ, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và Người điều hành của Công ty.

Điều 7. Hiệu lực thi hành.

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế bao gồm bảy (07) Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 4 năm 2021.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Mai Thế Toàn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ
(GAS SHIPPING)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 4 năm 2021

905
G T
PHÁ
SẢN
QUỐC
HỒ

4

MỤC LỤC

Căn cứ xây dựng:	2
I. QUY ĐỊNH CHUNG:.....	2
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.	2
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng Quản trị	2
II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:.....	2
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị.....	2
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng Quản trị.....	3
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng Quản trị	3
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng Quản trị.....	4
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng Quản trị.....	4
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị.....	5
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị.....	6
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị.	7
III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:	8
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị.	8
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch.....	8
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường.....	9
IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:.....	10
Điều 14. Cuộc họp Hội đồng Quản trị.	10
Điều 15. Biên bản họp Hội đồng Quản trị.	11
V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH:.....	12
Điều 16. Trình báo cáo hằng năm.....	12
Điều 17. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị.....	13
Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan.....	13
VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:.....	14
Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng Quản trị.	14
Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành.....	14
Điều 21. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát.....	14
VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH:	15
Điều 22. Hiệu lực thi hành.	15

Căn cứ xây dựng:

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty số 02/NQ-VTSPK-ĐHĐCĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021.

I. QUY ĐỊNH CHUNG:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng Quản trị, các thành viên Hội đồng Quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng Quản trị.

1. Hội đồng Quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
2. Hội đồng Quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.

II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị.

1. Thành viên Hội đồng Quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất

- của cổ đông và của Công ty;
- b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng Quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d. Báo cáo Hội đồng Quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng Quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; Giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập của Công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng Quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng Quản trị.

1. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng Quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng Quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị cụ thể sẽ do Đại hội đồng Cổ đông quyết định.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị độc lập của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
3. Cơ cấu Hội đồng Quản trị của Công ty đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên không điều hành.
4. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng Quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng Quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
5. Điều lệ Công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng Quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng Quản trị.

1. Thành viên Hội đồng Quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
2. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị phải thông báo với Hội đồng Quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng Quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng Quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng Quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng Quản trị trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng Quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty không được kiêm Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; Triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ

tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng Quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng Quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký Công ty. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị; Ghi chép các biên bản họp;
 - b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c. Hỗ trợ Hội đồng Quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
 - d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; Việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị.

1. Đại hội đồng Cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức bằng văn bản gửi Công ty và được chấp thuận;
 - c. Thành viên đó không còn năng lực hành vi và thành viên khác của Hội đồng Quản trị có những bằng chứng chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty có thể tạm miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp nêu trên. Việc tạm miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng Cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, việc miễn nhiệm thành viên đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng Quản trị tạm miễn nhiệm.

Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty có thể bầu người khác có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp tạm thời làm thành viên Hội đồng Quản trị để thay thế thành viên bị miễn nhiệm. Việc bầu bổ sung tạm thời thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng Cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, việc tạm bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng Quản trị tạm bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị mới được tính từ ngày việc tạm bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị đó. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng Quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng Cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị tạm bổ nhiệm vẫn được coi là có hiệu lực.

2. Đại hội đồng Cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Thành viên đó không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị liên tục trong vòng 06 (sáu) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng Cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng Quản trị; Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị ngoài trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3);
 - b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng Quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;
 - c. Trừ trường hợp quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản này, Đại hội đồng Cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng Quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị.

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; Từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; Từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; Từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; Từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; Từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; Từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; Từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
2. Việc đề cử người vào Hội đồng Quản trị thực hiện như sau:
 - a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng Quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước năm (05) ngày làm việc khi khai mạc Đại hội đồng Cổ đông;

↓

- b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng Quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị và các cổ đông khác đề cử.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định của Điều lệ Công ty, Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị. Việc Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng Cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật.
4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị có thể thực hiện theo phương thức biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu hoặc theo phương thức bầu dồn phiếu. Trước khi họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị sẽ quyết định phương thức biểu quyết phù hợp với các quy định tại Điều lệ Công ty.

Trường hợp bầu theo phương thức bầu dồn phiếu, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.

Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử của Đại hội.

5. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng Cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị.

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng Quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng Cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng Quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị. Thông tin liên

L

quan đến ứng cử viên Hội đồng Quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng Quản trị của công ty khác);
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
 - g. Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng Quản trị (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị.

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị thực hiện theo Điều 26 của Điều lệ Công ty.
3. Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có một phiếu biểu quyết.
4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng Quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; Thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch.

1. Hội đồng Quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo, thành viên Hội đồng Quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường.

1. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d. Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường: Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên độc lập Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 1 Điều này.
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

- d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- f. Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Điều 14. Cuộc họp Hội đồng Quản trị.

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
2. Hội đồng Quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng Quản trị;
 - b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất năm (5) người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng Quản trị;
4. Đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; Người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng Quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được

- địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng Quản trị.
 8. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị; Có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
 9. Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.
 10. Thành viên Hội đồng Quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 11 Điều này;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.
 11. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
 12. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.
 13. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Điều 15. Biên bản họp Hội đồng Quản trị.

1. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- b. Thời gian, địa điểm họp;
 - c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các Điểm a, b, c, d, e, f, g và h Khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
 3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.
 4. Biên bản họp Hội đồng Quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
 5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH:

Điều 16. Trình báo cáo hằng năm.

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng Quản trị phải trình Đại hội đồng Cổ đông báo cáo sau đây:
 - a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính;
 - c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
 - d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.
2. Báo cáo quy định tại các Điểm a, b và c Khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định chậm nhất là ba mươi (30) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.
3. Báo cáo quy định tại các Khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát và

báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Điều 17. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị.

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng Quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng Quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng Cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.
5. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị.
6. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan.

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; Tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

- Việc kê khai quy định tại Khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; Việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
- Thành viên Hội đồng Quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng Quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị chấp thuận; Nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng Quản trị.

- Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng Quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
- Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng Quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng Quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng Quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng Quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.
- Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng Quản trị thì các thành viên Hội đồng Quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng Quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành.

Với vai trò quản trị, Hội đồng Quản trị ban hành các nghị quyết để Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng Quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 21. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát.

- Mối quan hệ giữa Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng Quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
- Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

1

VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH:

Điều 22. Hiệu lực thi hành.

Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế bao gồm 7 Chương, 22 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 4 năm 2021.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Mai Thế Toàn

PHỤ LỤC 06
PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ CỦA
CÔNG TY CP VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ NĂM 2021
(Đính kèm Nghị quyết số 02/NQ-VTSPK-DHĐCD ngày 08 tháng 04 năm 2021)

I. Tổng quan đơn vị trước khi thực hiện tăng vốn:

1. Tóm tắt tình hình SXKD, tình hình tài chính và dòng tiền của Công ty Gas Shipping giai đoạn 2016 - 2020:

Năm 2010 – 2020 là giai đoạn thị trường vận tải và ngành dầu khí gặp nhiều khó khăn và thử thách: giá cước vận tải biển xuống thấp kỷ lục vào năm 2012 chỉ bằng 10% so với thời kỳ đỉnh cao năm 2006 - 2008, nhiều doanh nghiệp vận tải biển lớn trên thế giới như Hanjin tuyên bố phá sản năm 2016 hoặc mua bán sáp nhập để tồn tại như CMA CMG mua hãng NOL Singapore năm 2015; Cosco và China Shipping sáp nhập năm 2016; Maersk Line mua Hamburg Sud năm 2016... Khủng hoảng giá dầu bắt đầu từ năm 2013 với thời kỳ đỉnh điểm cuối năm 2014 lao dốc từ 110 USD/thùng xuống còn xung quanh 30 USD/thùng và đến nay vẫn xoay quanh mức này. Các công ty vận tải trong nước cũng đứng trước rất nhiều khó khăn như giá cước thấp, thị trường quốc tế bị thu hẹp, chi phí tăng cao, tàu nằm chờ vì không có hàng, kinh doanh thua lỗ.

Ngoài ra, tình hình dịch bệnh COVID-19 đã bùng phát tại Trung Quốc, hiện đã lan ra toàn bộ các nước Đông Nam Á/Đông Bắc Á - đây là thị trường vận tải chính của Gas Shipping - gây ra sự sụt giảm rõ ràng đến thị trường vận tải của đơn vị do nguồn hàng từ Trung Quốc và các vùng có dịch giảm mạnh. Bên cạnh đó, do dịch bệnh COVID-19 nhu cầu tiêu thụ trên thị trường quốc tế giảm mạnh và duy trì ở mức thấp khiến việc khai thác tàu sẽ khó khăn hơn.

Trong hoạt động khai thác, thời gian tàu cập, rời cảng cũng kéo dài do các biện pháp ngăn ngừa và kiểm dịch ảnh hưởng nghiêm trọng đến công tác bố trí, sắp xếp tàu và phát sinh chi phí chờ xếp, dỡ hàng. Hoạt động của đội tàu tại các vùng có dịch cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro nghiêm trọng có thể phát sinh do lây nhiễm.

Trong giai đoạn khó khăn của thị trường vận tải và dịch bệnh như vừa qua, Gas Shipping là một trong số ít công ty có kết quả kinh doanh hiệu quả, cao hơn mức bình quân của các công ty vận tải hàng lỏng hiện nay. Công ty có tình hình tài chính lành mạnh, cơ cấu vốn an toàn, khả năng thanh toán tốt. Cổ phiếu đã được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán nên có khả năng huy động vốn trên thị trường, như vậy Gas Shipping đang có lợi thế rất lớn về nguồn lực tài chính để sẵn sàng đáp ứng yêu cầu đầu tư, mở rộng thị trường trong tình hình hiện nay.

Bảng 1: Một số chỉ tiêu về hiệu quả kinh doanh của đơn vị thời gian qua

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tăng trưởng BQ
1	Doanh thu	Tỷ đồng	1.140,4	1.291,9	1.550,3	1.406,7	1.567,6	25,2%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	56,6	65,0	80,2	65,7	75,2	3,7%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	46,4	52,6	64,2	52,4	60,0	4,0%
4	Lợi nhuận trên cổ phần (EPS)	Đồng	1.452	1.646	2.012	1.369	1.550	
5	Tỷ suất LNST/VCSH (ROE)	%	12,3%	13,6%	15,9%	11,6%	13,0%	
6	Tỷ suất LNST/Tổng tài sản (ROA)	%	9,4%	10,3%	9,3%	5,8%	6,8%	
7	Tỷ lệ cổ tức/VĐL	%	13,0%	15,0%	20,0%	12,0%	14,0%	5,9%

Bảng 2: Một số chỉ tiêu về tài chính của đơn vị tính tại ngày 31/12

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tăng trưởng BQ
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	493,1	511,5	690,5	902,5	877,25	19%
2	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	376,9	387,6	403,6	452,2	461,73	5%
3	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	300,0	300,0	300,0	360,0	360,0	4%
4	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	3,72	3,89	2,60	1,81	0,95	
5	Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,31	0,32	0,71	0,99	0,90	

II. Phương án tăng vốn điều lệ của Công ty:

1. Cơ sở pháp lý:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ vào Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế;

Theo Điều 15 Luật Chứng khoán 54/2019/QH14 và Điều 13 Nghị định số

155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thì có một số điều kiện chính về chào bán cổ phiếu ra công chúng của cổ đông công ty đại chúng như sau:

- *Mức vốn điều lệ đã góp tại thời điểm đăng ký chào bán từ 30 tỷ đồng trở lên tính theo giá trị ghi trên sổ kế toán;*
- *Hoạt động kinh doanh của năm liền trước năm đăng ký chào bán phải có lãi, đồng thời không có lỗ lũy kế tính đến năm đăng ký chào bán;*

Công ty Gas Shipping dự kiến trong năm 2021 tăng vốn điều lệ thêm 200 tỷ đồng, từ 360 tỷ lên 560 tỷ đồng để bổ sung vốn phục vụ cho kế hoạch đầu tư 02 tàu dầu/hóa chất trọng tải khoảng 20.000 DWT. Tham chiếu các số liệu về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty thông qua BCTC đã được Công ty Deloitte kiểm toán năm (05) năm gần nhất từ năm 2016 - 2020; Như vậy, về mặt pháp lý, sau khi có ý kiến chấp thuận của ĐHCĐ thông qua phương án, Công ty Gas Shipping có đủ điều kiện để triển khai.

2. Sự cần thiết phải tăng vốn:

- Vận chuyển sản phẩm khí/sản phẩm dầu hóa chất là lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của PV Trans/Gas Shipping (theo Chiến lược phát triển của PV Trans đã được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phê duyệt). Đội tàu hiện nay của Gas Shipping đang già, sức cạnh tranh bị giảm, trong năm 2018 - 2019 Công ty đã đầu tư 02 tàu dưới 15 tuổi, nhưng vẫn còn 04 tàu trên 20 tuổi, tuổi tàu trung bình của Gas Shipping vẫn là 22 tuổi, khả năng khai thác và hiệu quả chưa cao. Việc tăng vốn, tăng quy mô SXKD, tài sản và đội tàu góp phần làm tăng giá trị thương hiệu Gas Shipping không những trong nước và cả quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi và tăng năng lực cạnh tranh cho đội tàu khí khai thác thị trường quốc tế, tạo vị thế và điều kiện thuận lợi trong hợp tác với các đối tác, ngân hàng, các bạn hàng và các tổ chức.

- Đối với thị trường vận tải dầu/hóa chất sau thời gian đạt cực thịnh vào các năm 2006 - 2007, giá cước/giá thuê tàu trời sụt dưới đáy các năm sau đó, đến nay thị trường vận tải hàng lỏng nói riêng đã có dấu hiệu dần cải thiện, hồi phục. Một trong những nhân tố tác động tích cực lên thị trường vận tải biển đó là “cung - cầu” số lượng tàu dần lấy lại tình trạng cân bằng. Số lượng lớn các tàu cũ dần không còn phù hợp dẫn tới bị thị trường đào thải và phải phá dỡ. Các đơn đóng mới xuất hiện không nhiều nên đã giảm đáng kể tình trạng dư thừa “cung” tàu, số lượng tàu đóng mới đưa vào khai thác trong năm 2020 chỉ là 34 tàu thay vì từ 58 - 107 tàu/năm trong giai đoạn 2017 - 2019. Bên cạnh đó, theo dự báo của Clarksons thì nhu cầu vận chuyển các sản phẩm hóa chất bằng đường biển năm 2021 là 325 triệu tấn, tăng 13 triệu tấn, tương đương 4% so với năm 2020. Ngoài ra, khối lượng hàng hóa luân chuyển bằng đường biển (Tonne miles) đối với tàu hóa chất trong năm 2021 cũng được dự báo là 1.343 tỷ tấn hải lý, tăng 4,2% so với năm 2020, việc này cũng dẫn đến phát sinh nhu cầu sử dụng đối với loại tàu này trên thị trường. Các tuyến hàng xung quanh khu vực Trung Đông, Đông Nam Á, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản cũng đã dần nhộn nhịp trở lại và tập trung nhiều vào các tàu dầu/hóa chất (oil/chemical tanker), phổ biến là các tàu có trọng tải khoảng 20.000 DWT.

- Giá mua bán tàu chở dầu/hóa chất đang duy trì ở mức gần như thấp nhất trong vòng

10 năm gần đây, theo thống kê của Clarksons thì giá bán bình quân trong giai đoạn 2011 - 2020 đối với tàu Chemical Tanker Stainless Steel 19.999 DWT Resale là 32,19 triệu USD, còn đối với tàu Secondhand 5 tuổi là 22,85 triệu USD. Do ảnh hưởng của Đại dịch Covid-19 nên giá tàu đang có xu hướng giảm và đang ở mức thấp như hiện nay là cơ hội để đầu tư góp phần mang lại hiệu quả và giảm thiểu các rủi ro cho Dự án về dài hạn. Với một đội ngũ nhân sự có hơn 10 năm kinh nghiệm, hiện đang quản lý và khai thác 6 tàu định áp vận tải LPG với hiệu quả kinh tế cao liên tục trong những năm qua, chi phí quản lý và vận hành khai thác tàu chở dầu/hóa chất do Gas Shipping đầu tư phát sinh không lớn và chắc chắn sẽ có tính cạnh tranh so với các đơn vị khác khi cùng tiến vào lĩnh vực kinh doanh này. Giá tàu trong năm 2021 vẫn được coi là thời điểm tốt để đầu tư trẻ hóa đội tàu, tạo lợi thế cạnh tranh cho Gas Shipping trong các năm tiếp theo.

- Nhu cầu về vận tải dầu/hóa chất trong nước và quốc tế là rất lớn. Việc đầu tư tàu sẽ góp phần nâng cao thị phần dịch vụ dầu khí của Công ty Gas Shipping tại thị trường trong nước và Quốc tế cùng với nguồn vốn đối ứng hiện có, Gas Shipping nhận thấy việc đầu tư tàu chở dầu/hóa chất với trọng tải đến khoảng 20.000 DWT là thật sự cần thiết, phù hợp với khả năng tài chính của đơn vị và tình hình thực tế của thị trường khai thác, nhằm giúp Công ty đa dạng và trẻ hóa Đội tàu, duy trì sự ổn định và phát triển hoạt động SXKD. Loại tàu dầu/hóa chất (oil/chemical tanker) trọng tải đến khoảng 20.000 DWT vừa phù hợp với chiến lược phát triển của PVTrans vừa phù hợp với nhu cầu vận chuyển cho các nhà máy lọc hóa dầu của PVN trong thời gian tới. Bên cạnh đó, size tàu dầu/hóa chất đến khoảng 20.000 DWT đang dần khẳng định vị thế do thuận lợi trong khai thác Quốc tế bởi tính linh hoạt trong size hàng, lịch trình.

- Việc tăng vốn để phục vụ vốn cho hoạt động SXKD và đầu tư mua sắm tài sản cũng góp phần gia tăng hiệu quả cho Gas Shipping trong những năm tiếp theo, đem lại sự phát triển bền vững cho Công ty và lợi ích ổn định cho các cổ đông. Với nguồn vốn có được từ việc tăng vốn, dự kiến trong 05 năm quy mô doanh thu của Gas Shipping tăng bình quân 8%/năm, lợi nhuận tăng 15%, duy trì cổ tức trên 13%/VĐL mỗi năm.

- Phương thức tăng vốn: Hội đồng Quản trị Gas Shipping đã thực hiện, đánh giá, xem xét các hình thức đầu tư (trực tiếp và gián tiếp) để lựa chọn phương án phù hợp điều kiện của đơn vị, cụ thể như sau:

+ Hình thức đầu tư và tăng vốn gián tiếp: Đơn vị đã tích cực tìm kiếm và đàm phán với một số chủ tàu, đối tác để thuê Bareboat kèm theo quyền mua tàu, góp vốn bằng tài sản, hợp tác kinh doanh, mua lại các công ty có đội tàu phù hợp nhưng đều không khả thi.

+ Hình thức đầu tư và tăng vốn khác: Phát hành trái phiếu thông thường, trái phiếu chuyển đổi cũng không khả thi do quy mô Công ty còn nhỏ không thu hút vốn huy động từ trái phiếu, đồng thời trái phiếu chuyển đổi sẽ làm ảnh hưởng đến quyền kiểm soát của PVTrans đối với Gas Shipping sau này.

Tuy nhiên các hình thức đầu tư nêu trên đều có những hạn chế, không phù hợp với quy mô hiện tại của Đơn vị, thủ tục phức tạp, làm chậm tiến độ tăng vốn và tiến độ đầu tư đội tàu... Vì vậy, việc tăng vốn thông qua hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện

hữu là phù hợp nhất trong giai đoạn hiện nay.

- Việc tăng vốn/tăng số lượng cổ phiếu lưu hành giúp cải thiện tính thanh khoản cổ phiếu GSP trên sàn HOSE. Thu hút các nhà đầu tư nhất là các tổ chức tài chính lớn, góp phần tăng thị giá của cổ phiếu tạo điều kiện thuận lợi cho việc huy động tăng vốn trong tương lai của Gas Shipping.

- Ngoài ra, việc tăng vốn cũng làm gia tăng quy mô của đơn vị, tạo cơ hội việc làm, ổn định thu nhập và đời sống cho người lao động, đóng góp phần cho sự phát triển kinh tế xã hội nói chung tại địa phương.

3. Phương án tăng vốn của Công ty Gas Shipping:

3.1. Phân tích, đánh giá các phương án có thể huy động vốn mà HĐQT đã xem xét và lựa chọn phương án tối ưu.

3.2. Phương án tăng vốn của Công ty Gas Shipping:

3.1 Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vận tải sản phẩm khí Quốc tế.

3.2 Mục đích tăng vốn : Bổ sung vốn đầu tư 02 tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 20.000 DWT.

3.3 Loại cổ phiếu phát hành : Cổ phiếu phổ thông.

3.4 Mệnh giá cổ phiếu phát hành : 10.000 đồng/cổ phiếu.

3.5 Tổng số cổ phiếu đã phát hành : 36.000.000 (Ba mươi sáu triệu) cổ phiếu.

3.6 Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 36.000.000 (Ba mươi sáu triệu) cổ phiếu.

3.7 Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 20.000.000 (Hai mươi triệu) cổ phiếu.

3.8 Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 200.000.000.000 (Hai trăm tỷ) đồng.

3.9 Tỷ lệ phát hành (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/số lượng cổ phiếu đang lưu hành) : 55,6% (Năm mươi lăm phẩy sáu phần trăm).

3.10 Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu của Công ty Gas Shipping có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu do Trung tâm lưu ký chứng khoán thực hiện.

3.11 Phương thức chào bán : Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua.

3.12 Tỷ lệ thực hiện quyền : Tỷ lệ thực hiện quyền mua dự kiến là 9:5 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền mua, cứ 09 quyền mua sẽ được mua 05 cổ phiếu mới).

3.13 Giá dự kiến phát hành : 10.000 đồng/cổ phần.

3.14 Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt phát hành: 200.000.000.000 (Hai trăm tỷ) đồng.

3.15 Vốn điều lệ trước khi phát hành : 360.000.000.000 (Ba trăm sáu mươi tỷ) đồng.

3.16 VDL dự kiến sau khi phát hành : 560.000.000.000 (Năm trăm sáu mươi tỷ) đồng.

3.17 Phương thức thực hiện việc góp vốn: Bằng tiền.

3.18 Quyền mua cổ phiếu phát hành thêm chỉ được phép chuyển nhượng một (01) lần. Người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng tiếp cho người thứ 3. Cổ

phiếu phát hành không bị hạn chế chuyển nhượng.

3.19 Các cổ đông trong tình trạng hạn chế chuyển nhượng vẫn được nhận quyền mua cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu mua thêm từ quyền mua này không bị hạn chế chuyển nhượng.

3.20 *Phương án làm tròn, phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh*: Số cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ hàng thập phân (nếu có) sẽ được hủy bỏ.

Ví dụ: Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông A sở hữu 103 cổ phiếu tương ứng với 103 quyền mua cổ phiếu mới. Với tỷ lệ thực hiện quyền là 9:5, cổ đông A sẽ được quyền mua $103 : 9 \times 5 = 57,2$ cổ phiếu mới. Như vậy, theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị, cổ đông A được quyền mua 57 cổ phiếu.

3.21 *Phương án xử lý cổ phiếu lẻ do làm tròn xuống đến hàng đơn vị và cổ phiếu còn dư do Cổ đông không thực hiện quyền (nếu có)*:

Cổ phiếu lẻ và đôi dư phát sinh gồm:

- Cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống đến hàng đơn vị;

- Số lượng cổ phiếu do cổ đông từ chối mua;

- Xử lý đối với Cổ phiếu lẻ và đôi dư (nếu có):

+ Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị xác định tiêu chí, lựa chọn bán cho cổ đông hiện hữu hoặc nhà đầu tư bên ngoài với điều kiện chào bán, điều kiện về quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu.

+ Trong trường hợp đối tượng được Hội đồng Quản trị lựa chọn để tiếp tục phân phối cổ phiếu đôi dư thuộc đối tượng phải thực hiện chào mua công khai thì đối tượng đó có trách nhiệm thực hiện thủ tục chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

+ Số lượng cổ phiếu này (nếu có) sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

3.22 *Ngày chốt danh sách cổ đông được hưởng quyền*: Trong năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn thời điểm thích hợp căn cứ theo tình hình thị trường, hoạt động của Gas Shipping, đảm bảo các quy định hiện hành và quyền lợi của các cổ đông.

3.23 *Thời gian dự kiến phát hành*: Sau khi được chấp thuận từ UBCKNN, dự kiến trong Quý III-IV/2021.

3.24 *Căn cứ xác định giá chào bán*:

Giá chào bán được tính toán dựa trên giá trị sổ sách, mệnh giá cổ phiếu và giá thị trường (có đánh giá mức độ pha loãng cổ phần dự kiến sau khi phát hành):

- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng/Cổ phiếu

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2020:

Stt	Khoản mục	Giá trị
1	Vốn chủ sở hữu	461.730.488.157
2	Số cổ phần đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2020	36.000.000
3	Giá trị sổ sách 1 Cổ phần (đồng/Cổ phần)	12.825

Giá thị trường: Bình quân giá đóng cửa cổ phiếu GSP trong 60 phiên gần nhất (tính đến ngày 23/3/2021) là 12.190 đồng/Cổ phiếu.

Căn cứ vào chiến lược phát triển và nhu cầu vốn của Công ty, đồng thời để đảm bảo quyền lợi cho các Cổ đông và khuyến khích cổ đông gắn bó và đóng góp cho sự phát triển chung của Công ty nên HĐQT đề xuất mức giá phát hành Cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/Cổ phần.

3.25 Mức độ pha loãng cổ phiếu dự kiến sau phát hành:

Việc chào bán cổ phiếu sẽ gây ra pha loãng giá Cổ phiếu, pha loãng thu nhập ròng trên mỗi Cổ phiếu (EPS), pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi Cổ phiếu, pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết.

❖ **Pha loãng giá Cổ phiếu:**

Điều chỉnh kỹ thuật giá Cổ phiếu đối với phát hành cho Cổ đông hiện hữu: việc phát hành cho Cổ đông hiện hữu sẽ khiến giá Cổ phiếu bị điều chỉnh kỹ thuật do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX) tính toán. Theo đó, công thức tính như sau:

$$P_{tc} = \frac{PR_{t-1} + (I_1 \times P_{R1})}{1 + I_1}$$

Trong đó:

- P_{tc} : Giá tham chiếu điều chỉnh trong ngày giao dịch không hưởng quyền
- PR_{t-1} : Giá tham chiếu của cổ phiếu trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền
- PR_1 : Giá chào bán cho Cổ đông hiện hữu
- I_1 : Tỷ lệ vốn tăng thêm do phát hành quyền mua Cổ phiếu

❖ **Rủi ro pha loãng EPS:**

Theo chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 30 – Lãi cơ bản trên một Cổ phiếu:

$EPS = \text{Lợi nhuận sau thuế} / \text{Số lượng Cổ phiếu lưu hành bình quân}$

$$\text{SL Cổ phiếu lưu hành bình quân} = \frac{X \times 12 + Y \times t}{12}$$

+ X : Số lượng Cổ phiếu lưu hành trước khi phát hành.

+ Y : Số lượng Cổ phiếu phát hành thêm.

+ t : Thời gian lưu hành thực tế trong năm của Cổ phiếu phát hành thêm.

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, thu nhập cơ bản trên mỗi Cổ phần (EPS) sẽ bị thay đổi do có sự thay đổi về vốn chủ sở hữu và tốc độ tăng trưởng lợi nhuận.

♦ **Về pha loãng giá trị sổ sách:**

Sau khi hoàn thành đợt phát hành, giá trị sổ sách của mỗi Cổ phần sẽ bị thay đổi trong trường hợp giá phát hành thấp hơn giá trị sổ sách mỗi Cổ phần tại thời điểm phát hành.

♦ **Về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết:**

Do việc phát hành được thực hiện theo phương thức thực hiện quyền cho Cổ đông hiện hữu, nên không làm giảm tỷ lệ nắm giữ, quyền biểu quyết của các Cổ đông nếu các Cổ đông thực hiện quyền đầy đủ. Trong trường hợp Cổ đông từ bỏ hoặc chuyển nhượng quyền có thể làm giảm tỷ lệ sở hữu, giảm tỷ lệ biểu quyết tương ứng.

3.26 *Tỷ lệ chào bán thành công dự kiến và phương án xử lý trong trường hợp chào bán không thu đủ số tiền tối thiểu như dự kiến:*

- Tỷ lệ chào bán thành công dự kiến: 100%.
- Gas Shipping sẽ thực hiện tăng vốn điều lệ theo đúng số tiền thực tế huy động được. Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định, Công ty không chào bán hết số Cổ phiếu như đăng ký, số tiền thu được từ đợt phát hành không đủ theo đúng dự kiến, để thực hiện những dự án đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua, tùy tình hình thực tế, ĐHQD ủy quyền cho HĐQT thực hiện các giải pháp như sau:
 - Xin gia hạn đợt chào bán để tiếp tục chào bán nốt số Cổ phiếu còn lại;
 - Tiến hành bổ sung nguồn vốn còn thiếu thông qua các hình thức khác như vay ngân hàng, phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

3.27 *Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành:*

- Số tiền của đợt phát hành sẽ được dùng để: Bổ sung vốn đầu tư 02 tàu dầu/hóa chất trọng tải khoảng 20.000 DWT.
- Số tiền thu được dự kiến từ đợt chào bán Cổ phiếu:

Cổ đông	Số lượng Cổ phiếu chào bán (CP)	Giá chào bán dự kiến (VND)	Số tiền thu được (VND)		
			Tăng vốn điều lệ	Thặng dư vốn	Số tiền thu được từ đợt phát hành
Cổ đông hiện hữu	20.000.000	10.000	200.000.000.000	0	200.000.000.000
Tổng cộng	20.000.000		200.000.000.000	0	200.000.000.000

- Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành:

Stt	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền giải ngân	Thời điểm giải ngân dự kiến
1	Đầu tư 02 tàu dầu/hóa chất trọng tải khoảng 20.000 DWT	200.000.000.000	Quý III-IV năm 2021
Tổng cộng		200.000.000.000	

3.28 Cổ phiếu phát hành thêm của Công ty Gas Shipping sẽ được đăng ký lưu ký tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán VN và được đăng ký niêm yết bổ sung tại HOSE.

3.29 Chấp thuận ủy quyền cho HĐQT:

- Chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép phát hành chứng khoán gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác. Đồng thời, chủ động điều chỉnh Phương án phát hành và các hồ sơ khác có liên quan theo yêu cầu của Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác phù hợp với quy định của pháp luật, điều lệ Công ty và sẽ báo cáo lại Đại hội đồng Cổ đông trong kỳ họp gần nhất;
- Lựa chọn thời điểm thích hợp để chốt ngày thực hiện quyền và thời điểm triển khai việc thực hiện phát hành.
- Thực hiện việc xử lý Cổ phiếu lẻ và cổ phiếu Cổ đông hiện hữu từ bỏ quyền mua: Thực hiện các biện pháp xử lý trong trường hợp không chào bán hết số Cổ phiếu đăng ký phát hành; Hội đồng quản trị được quyết định điều kiện, phương thức và giá chào bán cho cổ đông hiện hữu/đối tượng khác với điều kiện không được ưu đãi hơn so với phương án đã được thông qua.
- Chủ động xây dựng và điều chỉnh phương án sử dụng vốn chi tiết cho từng mục đích; Chủ động điều chỉnh việc phân bổ, sử dụng nguồn vốn huy động được cho phù hợp với tình hình thực tế, lợi ích của Công ty và báo cáo ĐHĐCĐ gần nhất về các nội dung điều chỉnh này (nếu có).
- Thực hiện đăng ký lưu ký bổ sung cổ phiếu phát hành thêm tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh đối với toàn bộ số lượng cổ phần phổ thông được phát hành theo phương án nêu trên.
- Thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ liên quan đến việc thay đổi vốn điều lệ và đăng ký lại giấy phép đăng ký kinh doanh theo quy định.
- Ủy quyền cho HĐQT thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
- Thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty để hoàn tất việc phát hành cổ phiếu ra công chúng.

4. Cơ cấu cổ đông dự kiến của Công ty Gas Shipping:

- Cơ cấu cổ đông của Công ty Gas Shipping trước khi tăng vốn:

Stt	Tên cổ đông	Số lượng CP nắm giữ (CP)	Giá trị CP (đồng)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí	24.385.080	243.850.800.000	67,74%
2	Cổ đông khác	11.614.920	116.149.200.000	32,26%
	Tổng cộng	36.000.000	360.000.000.000	100,00%

- Cơ cấu cổ đông dự biến của Công ty Gas Shipping sau khi tăng vốn:

Stt	Tên cổ đông	Số lượng CP nắm giữ (CP)	Giá trị CP (đồng)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí	37.932.347	379.323.470.000	67,74%
2	Cổ đông khác	18.067.653	180.676.530.000	32,26%
	Tổng cộng	56.000.000	560.000.000.000	100,00%

5. Hiệu quả của phương án tăng vốn:

a. Dự kiến kết quả SXKD và các chỉ tiêu tài chính của Gas Shipping trong các năm tiếp theo trong trường hợp tăng vốn như sau:

Stt	Nội dung	Đvt	2021	2022	2023	2024	2025
1	Doanh thu	Triệu đồng	1.500.000	1.697.368	1.697.368	1.684.350	1.694.504
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	75.000	100.576	112.798	110.998	132.243
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	60.000	80.461	90.238	88.798	105.794
4	Tỷ lệ chia cổ tức	%	14%	13%	13%	13%	14%
5	Vốn điều lệ cuối năm	Triệu đồng	560.000	560.000	560.000	560.000	560.000
6	Tỷ suất LN trước thuế/VĐL bình quân	%	16.3%	18.0%	20.1%	19.8%	23.6%
7	Tỷ suất LN sau thuế/VĐL BQ	%	13.0%	14.4%	16.1%	15.9%	18.9%
8	Tổng tài sản	Triệu đồng	1.281.891	1.155.083	1.032.544	919.318	836.635
9	Nợ phải trả	Triệu đồng	675.074	542.266	411.680	289.431	197.868
10	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	606.817	612.817	620.863	629.887	638.767

(Cơ sở tính toán số liệu trên lợi nhuận của 2 tàu theo FS của dự án, trong trường hợp tính trên lợi nhuận bình quân của cả đời dự án thì tỷ suất lợi nhuận/vốn điều lệ sẽ đạt trên 25%).

b. Dự kiến kết quả SXKD và các chỉ tiêu tài chính của Gas Shipping trong các năm tiếp theo trong trường hợp không tăng vốn như sau:

Stt	Nội dung	Đvt	2021	2022	2023	2024	2025
1	Doanh thu	Triệu đồng	1.400.000	1.400.000	1.400.000	1.400.000	1.400.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	70.000	74.607	76.910	78.859	79.522
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	56.000	59.686	61.528	63.087	63.618
4	Tỷ lệ chia cổ tức	%	14%	12%	14%	14%	14%
5	Vốn điều lệ cuối năm	Triệu đồng	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000
6	Tỷ suất LN trước thuế/VĐL BQ	%	19.4%	20.7%	21.4%	21.9%	22.1%
7	Tỷ suất LN sau thuế/VĐL bình quân	%	15.6%	16.6%	17.1%	17.5%	17.7%
8	Tổng tài sản	Triệu đồng	591.475	540.331	491.848	449.977	439.786
9	Nợ phải trả	Triệu đồng	184.657	125.114	67.678	19.654	3.154
10	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	406.817	415.217	424.170	430.323	436.632

Theo số liệu ở hai bảng trên, việc tăng vốn giúp tăng quy mô đơn vị, doanh thu và lợi nhuận của Gasshipping tăng trưởng tốt qua các năm (từ 2021-2025: doanh thu tăng thêm gần 1.300 tỷ đồng, LN tăng thêm 150 tỷ đồng), duy trì việc chia cổ tức trên 13%/năm, tỷ suất LNTT/Vốn điều lệ trên 20%, đặc biệt tăng cao vào giai đoạn khi khoản nợ vay ngân hàng giảm.

c. Dự kiến nguồn vốn của Gas Shipping trong các năm tiếp theo:

- Nguồn vốn của Gasshipping tại ngày 31/12/2020 theo Báo cáo Tài chính đã kiểm toán như sau:

Stt	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1	Vốn điều lệ	360.000	Theo BCTC kiểm toán 2020
2	Quỹ ĐTPT + khác VCSH	40.817	Tạm sử dụng
3	Giá trị còn lại của TSCĐ	481.342	
4	Số dư nợ vay ngân hàng	236.543	
5	Số tiền ký quỹ vay tàu ĐN Gas	50.000	Shinhan Bank
6	Vốn lưu động của đơn vị	55.000	
7	Nguồn vốn còn lại có thể sử dụng để đầu tư	51.018	(7 = 1+2+4-3-5-6)
8	Nguồn vốn đối ứng cần thiết để đầu tư 02 tàu	252.014	
9	Số vốn tối thiểu Gas Shipping cần phải bổ sung	200.996	

(Khoản tiền ký quỹ vay tàu ĐN sẽ được giảm theo tỷ lệ nợ vay khoảng 10 tỷ đồng/năm, khoản vay tàu Thăng Long - 7 năm & Tàu ĐN - 5 năm nên sẽ cần thêm khoảng 15 tỷ đồng/năm để bù đắp khoản trả nợ gốc).

- Nguồn vốn của Gas Shipping khi không tăng vốn:

Đơn vị tính: triệu đồng							
Stt	Nội dung	2020	2021	2022	2023	2024	2025
I	Nguồn vốn chủ sở hữu (không bao gồm LNST)	400.817	406.817	415.217	424.170	430.323	436.632
1	+ Vốn điều lệ	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000
2	+ Quỹ ĐTPT + khác VCSH	40.817	46.817	55.217	64.170	70.323	76.632
II	Vốn chủ sở hữu sử dụng vào:	287.295	292.797	305.694	322.288	330.013	305.601

	+ Vốn lưu động	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000
	+ Đầu tư TSCĐ:	242.295	247.797	260.694	277.288	285.013	260.601
1	Sài Gòn Gas	14.789	3.697				
2	Thăng Long Gas	96.655	100.001	103.346	106.692	110.038	107.858
3	Đà Nẵng Gas	130.851	144.100	157.348	170.596	174.975	152.744
	Vốn chủ sở hữu còn lại	113.522	114.020	109.523	101.882	100.310	131.030

- Nguồn vốn của Gas Shipping khi tăng vốn:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Nội dung	2020	2021	2022	2023	2024	2025
I	Nguồn vốn chủ sở hữu (không bao gồm LNST)	400.817	606.817	612.817	620.863	629.887	638.767
1	+ Vốn điều lệ	360.000	560.000	560.000	560.000	560.000	560.000
2	+ Quỹ ĐTPT + khác VCSH	40.817	46.817	52.817	60.863	69.887	78.767
II	Vốn chủ sở hữu sử dụng vào:	287.295	553.689	563.592	577.192	581.922	554.517
	+ Vốn lưu động	45.000	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000
	+ Đầu tư TSCĐ:	242.295	498.689	508.592	522.192	526.922	499.517
1	Sài Gòn Gas	14.789	3.697				
2	Thăng Long Gas	96.655	100.001	103.346	106.692	110.038	107.858
3	Đà Nẵng Gas	130.851	144.100	157.348	170.596	174.975	152.744
4	Tàu dầu/HC 20.000 DWT số 1		125.259	123.762	122.265	120.768	119.271
5	Tàu dầu/HC 20.000 DWT số 2		125.633	124.136	122.639	121.142	119.645
	Vốn chủ sở hữu còn lại	113.522	53.129	49.225	43.671	47.965	84.250

d. Dự kiến dòng tiền của Gas Shipping trong các năm tiếp theo:

- Dòng tiền trong trường hợp không tăng vốn như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	DIỄN GIẢI	2020	2021	2022	2023	2024	2025
I	Vốn điều lệ đầu năm	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000
I	SỐ DƯ ĐẦU KỲ	207.000	214.674	214.771	218.360	212.894	217.857
II	THU	112.057	108.080	104.372	102.517	104.076	104.607
1	Lợi nhuận sau thuế	60.001	56.000	59.686	61.528	63.087	63.618
2	Khấu hao	52.056	52.080	44.686	40.989	40.989	40.989
III	CHI	104.383	107.983	100.783	107.983	99.113	66.978
1	Đầu tư Tài sản cố định						
2	Trả nợ gốc vay	57.583	57.583	57.583	57.583	48.713	16.578
	<i>Thăng long Gas</i>	<i>22.104</i>	<i>22.104</i>	<i>22.104</i>	<i>22.104</i>	<i>22.104</i>	<i>16.578</i>
	<i>Đà Nẵng Gas</i>	<i>35.480</i>	<i>35.480</i>	<i>35.480</i>	<i>35.480</i>	<i>26.610</i>	
3	Trả cổ tức	46.800	50.400	43.200	50.400	50.400	50.400
IV	SỐ DƯ CUỐI KỲ	214.674	214.771	218.360	212.894	217.857	255.486

- Dòng tiền trong trường hợp tăng vốn như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	DIỄN GIẢI	2020	2021	2022	2023	2024	2025
1	Vốn điều lệ đầu năm	360.000	360.000	560.000	560.000	560.000	560.000
I	SỐ DƯ ĐẦU KỲ	207.000	214.674	167.880	191.638	195.476	206.744
II	THU	112.057	859.139	202.166	208.246	206.806	223.802
1	Lợi nhuận sau thuế	60.001	60.000	80.461	90.238	88.798	105.794
2	Khấu hao	52.056	80.963	121.705	118.008	118.008	118.008
3	Nhận nợ vay		518.176				
	Tàu dầu/HC 20.000 DWT số 1		259.088				
	Tàu dầu/HC 20.000 DWT số 2		259.088				
4	Tăng vốn trong kỳ		200.000				
III	CHI	104.383	905.933	178.408	204.408	195.538	169.003
1	Đầu tư Tài sản cố định		770.190				
	Tàu dầu/HC 20.000 DWT số 1		385.095				
	Tàu dầu/HC 20.000 DWT số 2		385.095				
2	Trả nợ gốc vay	57.583	85.343	131.608	131.608	122.738	90.603
	Thống long Gas	22.104	22.104	22.104	22.104	22.104	16.578
	Đà Nẵng Gas	35.480	35.480	35.480	35.480	26.610	
	Tàu dầu/HC 20.000 DWT số 1		18.506	37.013	37.013	37.013	37.013
	Tàu dầu/HC 20.000 DWT số 2		9.253	37.013	37.013	37.013	37.013
3	Trả cổ tức	46.800	50.400	46.800	72.800	72.800	78.400
IV	SỐ DƯ CUỐI KỲ	214.674	167.880	191.638	195.476	206.744	261.544

III. Kết luận và kiến nghị:

Việc tăng vốn sẽ giúp Công ty Gas Shipping có nguồn để đầu tư trong những năm tiếp theo, sẽ đảm bảo và nâng cao quy mô và khả năng tài chính cho Công ty Gas Shipping trong giai đoạn thị trường vận tải đang phát triển và ngày càng cạnh tranh khốc liệt và phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, kế hoạch, định hướng phát triển của Công ty Gas Shipping và phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành. Để có cơ sở thực hiện, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua: Phương án Phát hành cổ phiếu của Công ty như trên. Trong đó bao gồm nội dung ủy quyền cho HĐQT các vấn đề sau:

- Chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép phát hành chứng khoán gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác. Đồng thời, chủ động điều chỉnh Phương án phát hành và các hồ sơ khác có liên quan theo yêu cầu của Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác phù hợp với quy định của pháp luật, điều lệ Công ty và sẽ báo cáo lại Đại hội đồng Cổ đông trong kỳ họp gần nhất;
- Lựa chọn thời điểm thích hợp để chốt ngày thực hiện quyền và thời điểm triển khai việc thực hiện phát hành.
- Thực hiện việc xử lý Cổ phiếu lẻ và cổ phiếu Cổ đông hiện hữu từ bỏ quyền mua: Thực hiện các biện pháp xử lý trong trường hợp không chào bán hết số Cổ phiếu

đăng ký phát hành; Hội đồng Quản trị được quyết định điều kiện, phương thức và giá chào bán cho cổ đông hiện hữu/đối tượng khác với điều kiện không được ưu đãi hơn so với phương án đã được thông qua.

- Chủ động xây dựng và điều chỉnh phương án sử dụng vốn chi tiết cho từng mục đích; Chủ động điều chỉnh việc phân bổ, sử dụng nguồn vốn huy động được cho phù hợp với tình hình thực tế, lợi ích của Công ty và báo cáo ĐHCĐ gần nhất về các nội dung điều chỉnh này (nếu có);
- Thực hiện đăng ký lưu ký bổ sung cổ phiếu phát hành thêm tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh đối với toàn bộ số lượng cổ phần phổ thông được phát hành theo phương án nêu trên.
- Thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ liên quan đến việc thay đổi vốn điều lệ và đăng ký lại giấy phép đăng ký kinh doanh theo quy định.
- Ủy quyền cho HĐQT thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
- Thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty để hoàn tất việc phát hành cổ phiếu ra công chúng.

PHỤ LỤC 07

PHÊ DUYỆT DỰ ÁN ĐẦU TƯ MUA TÀU DẦU/HÓA CHẤT TRỌNG TẢI KHOẢNG 20.000 DWT.

(Đính kèm Nghị quyết số 02/NQ-VTSPK-DHĐCD ngày 08 tháng 04 năm 2021)

Thông qua Dự án đầu tư mua tàu chở dầu/hóa chất số 1 (Phụ lục 07-1) và Dự án đầu tư mua tàu chở dầu/hóa chất số 2 (Phụ lục 07-2) có trọng tải khoảng 20.000 DWT và ủy quyền cho HĐQT Công ty:

1. Phê duyệt điều chỉnh Dự án trong quá trình thực hiện cho phù hợp với tình hình thực tế, trên nguyên tắc đảm bảo hiệu quả đầu tư không thấp hơn các chỉ tiêu của Dự án đã được HĐQT phê duyệt.
2. Phê duyệt/quyết định các bước tiếp theo để triển khai thực hiện dự án đầu tư (Kế hoạch mua tàu; Kết quả chào giá, Lựa chọn tàu để đầu tư; Quyết toán hoàn thành dự án đầu tư...) trên cơ sở quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ và các Quy chế của Công ty.

30
TY
VN
PH
C TẾ
5 CH

L

PHỤ LỤC 07-1

THÔNG TIN DỰ ÁN ĐẦU TƯ MUA TÀU CHỞ DẦU/HÓA CHẤT SỐ 1 CÓ TRỌNG TẢI KHOẢNG 20.000 DWT.

(Đính kèm Nghị quyết số 02/NQ-VTSPK-DHDCĐ ngày 08 tháng 04 năm 2021)

I. Thông tin dự án:

1. Tên dự án: Dự án Đầu tư mua tàu chở dầu/hóa chất số 1 có trọng tải khoảng 20.000 DWT.
2. Tên chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (Gas Shipping).
3. Tên đơn vị thực hiện: Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế.
4. Tổng mức đầu tư dự án (bao gồm giá mua tàu, chi phí khảo sát, giám định, nhận tàu, đào tạo, thuế nhập khẩu...): **16.387.000 USD**.
5. Mục đích của dự án: Đầu tư tàu chở dầu/hóa chất để khai thác trên thị trường quốc tế và tham gia vận chuyển nhập khẩu.
6. Phương thức thực hiện dự án: Mua tàu đã qua sử dụng.
7. Phương thức lựa chọn nhà cung cấp: Chào hàng cạnh tranh theo thông lệ quốc tế.
8. Tiến độ thực hiện: Quý II-III/2021.
9. Nguồn vốn cho dự án: Vốn chủ sở hữu và vốn vay.

II. Các chỉ tiêu chính của dự án như sau (cho 01 tàu):

Stt	Chỉ tiêu	USD
1	Tổng vốn đầu tư	16.387.000
	Trong đó: Giá mua tàu	15.750.000
	- Vốn vay	11.025.000
	- Vốn chủ sở hữu	5.362.000
2	TCE năm đầu	11.892
3	Hiệu quả đầu tư của dự án	
	- NPV (i=7,5%)	1.424.606
	- IRR	8,97%
4	Hiệu quả đầu tư của Chủ đầu tư	
	- NPV (i=7,5%)	2.086.816
	- ROE	11,15%

(Chi tiết như Báo cáo nghiên cứu khả thi đính kèm).

d

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ**

**BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI
DỰ ÁN ĐẦU TƯ MUA TÀU CHỖ DẦU/HÓA CHẤT SỐ 1
TRỌNG TẢI KHOẢNG 20.000 DWT**

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 4/2021

15
C
C
4T
KH
1/1

2

MỤC LỤC

PHẦN I	4
TỔNG QUÁT VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	4
PHẦN II: THUYẾT MINH DỰ ÁN.....	5
CHƯƠNG I	5
SỰ CẦN THIẾT PHẢI ĐẦU TƯ.....	5
1. Căn cứ pháp lý:.....	5
2. Sự cần thiết phải đầu tư:	6
3. Mục tiêu của dự án:	6
4. Giới thiệu về Chủ đầu tư:.....	7
4.1. Tóm tắt về Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế:	7
4.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và các chỉ tiêu tài chính:.....	8
CHƯƠNG II.....	10
TỔNG QUAN VỀ THỊ TRƯỜNG VẬN TẢI DẦU/HÓA CHẤT.....	10
I. Thị trường vận tải xăng dầu trong nước:.....	10
II. Thị trường vận tải dầu/hóa chất quốc tế:	10
III. Thị trường mua/bán tàu và lựa chọn phân khúc tàu:.....	13
1. Các tàu đã bán trong khoảng hơn 2 năm gần đây:	13
2. Các tàu đang chào bán:	14
CHƯƠNG III.....	17
KHÁI QUÁT VỀ TÀU DỰ KIẾN ĐẦU TƯ.....	17
I. Loại tàu và trọng tải tàu:.....	17
II. Nơi đóng:.....	17
III. Tuổi tàu:	17
IV. Đặc tính kỹ thuật:	18
V. Đánh giá tác động của công ước hạn chế khí thải SOx:.....	19
CHƯƠNG IV	20
TỔNG MỨC ĐẦU TƯ - CƠ CẤU NGUỒN VỐN	20
I. Quy mô và hình thức đầu tư tàu:.....	20
II. Tổng mức đầu tư của dự án:	20
III. Nguồn vốn và cơ cấu vốn đầu tư:.....	21

1. Đối với nguồn vốn đối ứng:.....	21
2. Đối với nguồn vốn vay:	21
IV. Khấu hao, giá trị thanh lý tài, thuế thu nhập DN và suất chiết khấu:	22
1. Khấu hao:	22
2. Giá trị thanh lý tài:	22
3. Thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%/năm.....	23
4. Suất chiết khấu và CLTG của dự án:	23
CHƯƠNG V.....	24
HIỆU QUẢ KINH TẾ CỦA DỰ ÁN.....	24
I. Doanh thu của dự án:.....	24
II. Chi phí của dự án:.....	25
1. Chi phí biến đổi (Variable cost):.....	25
2. Chi phí cố định (Fixed cost):.....	25
III. Tính toán hiệu quả kinh tế của dự án:	26
1. Các thông số đầu vào áp dụng trong tính toán hiệu quả kinh tế của dự án:....	26
2. Hiệu quả kinh tế dự án:.....	27
2.1. Các chỉ tiêu hiệu quả kinh tế:.....	27
2.2. Hệ số trả nợ của dự án:	28
2.3. Đánh giá hiệu quả dự án:	28
3. Đánh giá rủi ro và các biện pháp phòng ngừa rủi ro:.....	28
3.1. Rủi ro về thị trường đầu ra:.....	28
3.2. Rủi ro về giá cước:	29
3.3. Rủi ro về giá tài:	29
3.4. Rủi ro về lãi suất vay vốn:	29
3.5. Rủi ro về tỷ giá:	30
PHẦN III.....	31
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	31

PHẦN I
TỔNG QUÁT VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên dự án: **Dự án Đầu tư mua tàu chở dầu/hóa chất số 1 có trọng tải khoảng 20.000 DWT.**
2. Tên chủ đầu tư: **Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (Gas Shipping).**
3. Tên đơn vị thực hiện: **Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế.**
4. Tổng mức đầu tư dự án (bao gồm giá mua tàu, chi phí khảo sát, giám định, nhận tàu, đào tạo, thuế nhập khẩu...): **16.387.000 USD.**
5. Mục đích của dự án: **Đầu tư tàu chở dầu/hóa chất để khai thác trên thị trường quốc tế và tham gia vận chuyển nhập khẩu.**
6. Phương thức thực hiện dự án: **Mua tàu đã qua sử dụng.**
7. Phương thức lựa chọn nhà cung cấp: **Chào hàng cạnh tranh theo thông lệ quốc tế.**
8. Tiến độ thực hiện: **Quý II-III/2021.**
9. Nguồn vốn cho dự án: **Vốn chủ sở hữu và vốn vay.**

PHẦN II: THUYẾT MINH DỰ ÁN

CHƯƠNG I SỰ CẦN THIẾT PHẢI ĐẦU TƯ

1. Căn cứ pháp lý:

- Luật Hàng hải số 95/2015/QH13 của Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 25/11/2015;
- Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển;
- Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23/07/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển (có hiệu lực từ ngày 15/09/2020);
- Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01/09/2016 của Chính phủ và Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 sửa đổi bổ sung Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan;
- Quyết định số 1411/QĐ-DKVN ngày 27/3/2020 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn về việc ban hành Quy định phân cấp đầu tư của Tập đoàn DKVN;
- Công văn số 3708/QĐ-KTĐT ngày 31/7/2020 của Tập đoàn về việc thông báo Quyết định về việc sửa đổi, cập nhật tiêu chí phân nhóm đơn vị của QĐ 1411/QĐ-DKVN ngày 27/3/2020 và ban hành Bảng phân nhóm đơn vị;
- Nghị quyết số 305/NQ-DKVN ngày 13/01/2017 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc chấp thuận Chiến lược phát triển đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 và kế hoạch 5 năm giai đoạn 2016 - 2020 của Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí;
- Căn cứ Nghị quyết số 74/QĐ-VTDK-HĐQT ngày 12/12/2019 của HĐQT Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí về việc phê duyệt và ban hành “Quy chế quản lý vốn của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí đầu tư vào doanh nghiệp khác”;
- Căn cứ Công văn số 974/VTDK-KHĐT ngày 28/12/2020 của Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí về việc Chấp thuận Kế hoạch SXKD năm 2021 của Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế;
- Căn cứ Công văn số 99/VTDK-KHĐT ngày 05/02/2021 của Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí về việc Chấp thuận Kế hoạch đầu tư năm 2021 cho Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế;

- Điều lệ hoạt động của Công ty CP Vận tải Sản phẩm khí Quốc Tế;
- Căn cứ nhu cầu thực tế của thị trường và nguồn lực của Gas Shipping năm 2021.

2. Sự cần thiết phải đầu tư:

- Thống kê thị trường cho thấy, giá mua bán tàu chở dầu/hóa chất đang duy trì ở mức gần như thấp nhất trong vòng 10 năm gần đây. Do ảnh hưởng của Đại dịch Covid-19 nên giá tàu đang có xu hướng giảm và đang ở mức thấp như hiện nay là cơ hội để đầu tư góp phần mang lại hiệu quả và giảm thiểu các rủi ro cho Dự án về dài hạn. Giá cước vận chuyển hiện cũng đang ở mức thấp, nhưng đã có xu hướng ấm dần lên; đã có rất nhiều nhận định tăng giá là xu hướng ổn định trong các năm tiếp theo. Đầu tư mua tàu tại vùng giá đáy - tương ứng với chi phí đầu tư ban đầu và fixcost thấp, khai thác tàu trong giai đoạn cước phục hồi và ổn định sẽ luôn được xem là thời điểm thuận lợi nhất để triển khai dự án đầu tư tàu đã qua sử dụng. Với một đội ngũ nhân sự có hơn 10 năm kinh nghiệm, hiện đang quản lý và khai thác 6 tàu định áp vận tải LPG với hiệu quả kinh tế cao liên tục trong những năm qua, chi phí quản lý và vận hành khai thác tàu chở dầu/hóa chất do Gas Shipping đầu tư phát sinh không lớn và chắc chắn sẽ có tính cạnh tranh so với các đơn vị khác khi cùng tiến vào lĩnh vực kinh doanh này.

- Qua những nghiên cứu, phân tích trên đây cho thấy nhu cầu về vận tải dầu/hóa chất trong nước và quốc tế là rất lớn. Việc đầu tư tàu sẽ góp phần nâng cao thị phần dịch vụ dầu khí của Công ty Gas Shipping tại thị trường trong nước và Quốc tế cùng với nguồn vốn đối ứng hiện có, Gas Shipping nhận thấy việc đầu tư tàu chở dầu/hóa chất với trọng tải khoảng 20.000 DWT là thật sự cần thiết, phù hợp với khả năng tài chính của đơn vị và tình hình thực tế của thị trường khai thác, nhằm giúp Công ty đa dạng và trẻ hóa Đội tàu, duy trì sự ổn định và phát triển hoạt động SXKD. Loại tàu dầu/hóa chất (oil/chemical tanker) trọng tải khoảng 20.000 DWT vừa phù hợp với chiến lược phát triển của PVTrans vừa phù hợp với nhu cầu vận chuyển cho các nhà máy lọc hóa dầu của PVN trong thời gian tới. Bên cạnh đó, size tàu dầu/hóa chất khoảng 20.000 DWT đang dần khẳng định vị thế do thuận lợi trong khai thác Quốc tế bởi tính linh hoạt trong size hàng, lịch trình.

3. Mục tiêu của dự án:

Mục tiêu của dự án là tranh thủ thời điểm thị trường thuận lợi hiện nay để đầu tư tàu chở dầu/hóa chất có trọng tải khoảng 20.000 DWT, khai thác trên thị trường quốc tế và tham gia vận chuyển ở Việt Nam cho các đơn vị trong và ngoài ngành (theo nguyên tắc lựa chọn ưu tiên phương án hiệu quả hơn). Dự án mang lại hiệu quả kinh tế cho chủ đầu tư, đồng thời tạo bước phát triển về quy mô vốn, tài sản cũng như năng lực phương tiện vận tải, đa dạng hóa loại tàu, tăng năng lực cạnh tranh, nhằm giữ vững vai trò và vị thế chủ đạo của Gas Shipping tại thị

trường trong nước, xây dựng và phát triển thương hiệu PV Trans/Gas Shipping trên thị trường quốc tế.

4. Giới thiệu về Chủ đầu tư:

4.1. Tóm tắt về Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế:

- Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (Gas Shipping) là đơn vị thành viên của Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PV Trans), được thành lập vào ngày 24/12/2007 và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/01/2008. Trụ sở chính: Tầng 9, Toà nhà Green Power, Số 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Lĩnh vực hoạt động chính: Kinh doanh dịch vụ vận tải sản phẩm khí/hóa chất bằng đường biển, thủy nội địa; kinh doanh và vận tải LPG bằng xe bồn.

- Năng lực vận chuyển bằng tàu: Khai thác đội tàu chuyên dụng vận tải LPG (Loại định áp - Pressurized) mang quốc tịch Việt Nam, gồm 06 tàu có sức chở từ 1.800 - 5.000 CBM, tương đương tổng sức chở gần 20.000 CBM.

- Trong giai đoạn 2008 - 2019, với vai trò đầu mối vận tải LPG tại thị trường nội địa, Gas Shipping đã đáp ứng kịp thời các yêu cầu của khách hàng, đảm bảo vận chuyển an toàn trên 7.610 chuyến tàu, tương đương khoảng trên 8,17 triệu tấn sản phẩm khí; đã hỗ trợ đặc lực cho Công ty Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR) và Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí (PV Gas Trading), Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn (NSRP), cũng như các khách hàng trong và ngoài nước khác trong công tác phân phối, kinh doanh sản phẩm LPG.

- Bên cạnh thị trường trong nước, trong thời gian qua Gas Shipping cũng tiếp tục mở rộng khai thác tàu trên thị trường quốc tế bằng việc đàm phán và ký hợp đồng vận chuyển với các khách hàng lớn và uy tín như Marubeni (Japan), Daelim (S.Korea), Itochu (Singapore), Petronas (Malaysia),... Địa bàn hoạt động thường xuyên cũng được mở rộng ra ngoài khu vực Đông Nam Á, đến các nước thuộc khu vực Đông Bắc Á như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan và Nam Trung Quốc... Các loại hình vận tải cũng được mở rộng và đa dạng hóa, từ hình thức cho thuê tàu Time charter, đến hình thức cho thuê theo hợp đồng COA và chạy spot.

- Có các Hệ thống quản lý an toàn lao động hàng hải, Hệ thống quản lý chất lượng hoàn chỉnh, được duy trì và cải tiến thường xuyên. Đội tàu của Gas Shipping đã có sire vetting của Total, Enoc, Petronas, PVN, Idemitsu,... đáp ứng yêu cầu của các khách hàng trong nước và quốc tế.

- Có bộ máy tinh gọn, đội ngũ CBCNV, thuyền viên có trình độ và kinh nghiệm trong lĩnh vực hàng hải, có tinh thần đoàn kết, luôn cố gắng nỗ lực để hoàn thành các nhiệm vụ được giao. Công tác quản lý từng bước hoàn thiện và nâng cao trong quá trình hoạt động.

4.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và các chỉ tiêu tài chính:

Sau hơn 12 năm đi vào hoạt động, Gas Shipping đã chứng tỏ là một đơn vị hoạt động hiệu quả và có những bước tiến vượt bậc. Tình hình tài chính của Công ty 5 năm gần đây, 2016 - 2020 được thể hiện qua các số liệu sau:

BIỂU 1 – KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH 05 NĂM GẦN NHẤT

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Doanh thu	1.140,41	1.291,86	1.550,25	1.408,24	1.567,63
2	Lợi nhuận trước thuế	56,60	65,03	80,17	65,68	75,18
3	Tổng tài sản	493,09	511,54	690,50	902,52	877,25
4	Vốn chủ sở hữu, trong đó:	376,89	387,64	403,61	452,20	461,73
	Vốn điều lệ	300,00	300,00	300,00	360,00	360,00

Trong giai đoạn 2008 - 2020, với vai trò đầu mối vận tải LPG tại thị trường nội địa, Gas Shipping đã đáp ứng kịp thời các yêu cầu của khách hàng, đảm bảo vận chuyển an toàn; đã hỗ trợ đắc lực cho Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR) và Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí (PV Gas Trading), Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn (NSRP), cũng như các khách hàng khác trong công tác xuất nhập khẩu, phân phối, kinh doanh sản phẩm LPG.

Bên cạnh thị trường nội địa, Gas Shipping tiếp tục mở rộng khai thác tàu trên thị trường quốc tế bằng việc tìm kiếm, đàm phán và ký hợp đồng vận chuyển với các khách hàng lớn và uy tín. Khu vực hoạt động cũng được mở rộng ra ngoài khu vực Đông Nam Á, đến các nước thuộc khu vực Đông Bắc Á như Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, và Bangladesh - Ấn Độ,... Các loại hình vận tải cũng được mở rộng và đa dạng hóa, từ hình thức cho thuê tàu Time charter, đến hình thức cho thuê theo hợp đồng COA và chạy spot cho các Chủ hàng lớn như Itochu, E1, Petredec, Daelim, Petronas, Marubeni....

Năng lực tài chính lành mạnh, hoạt động kinh doanh tăng trưởng bền vững đã cho thấy năng lực quản lý quản trị tốt của Công ty trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty cũng đã niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán từ năm 2012, qua đó vừa tăng thêm sự minh bạch tài chính vừa mang lại khả năng huy động vốn đa dạng cho công ty.

Sau hơn 13 năm đi vào hoạt động, Gas Shipping đã chứng tỏ là một đơn vị hoạt động hiệu quả. Trong giai đoạn khó khăn của thị trường vận tải vừa qua, Gas Shipping là một trong số ít công ty có kết quả kinh doanh tốt, cao hơn mức

bình quân của các công ty vận tải hàng lỏng hiện nay. Cụ thể, Công ty cũng đã vinh dự liên tục lọt vào Top 10 Công ty uy tín ngành Vận tải và Logistics trong năm 2019 và năm 2020.

Nhìn lại chặng đường phát triển và nguồn lực đã tích lũy được, Gas Shipping cho thấy tính khả thi cao trong việc đột phá đầu tư, quản lý khai thác lĩnh vực tàu chở dầu/hóa chất, từng bước đưa Công ty gia tăng về quy mô, phát triển thị trường, đa dạng về loại hình cung cấp dịch vụ vận tải nhưng vẫn đảm bảo bảo toàn và phát triển vốn.

CHƯƠNG II

TỔNG QUAN VỀ THỊ TRƯỜNG VẬN TẢI DẦU/HÓA CHẤT

I. Thị trường vận tải xăng dầu trong nước:

Tính đến thời điểm hiện tại, trong nước có 02 nhà máy lọc hóa dầu đã đi vào hoạt động và tạo ra thị trường vận chuyển xăng dầu tương đối ổn định cho Tổng công ty PVTrans và các đơn vị thành viên trong suốt thời gian qua:

+ Nhà máy lọc dầu (NMLD) Dung Quất hoạt động ổn định từ năm 2010 với công suất 6.5 triệu tấn sản phẩm/năm (khoảng 90% sản phẩm là xăng dầu; còn lại là LPG, hạt nhựa...). Sản lượng xăng dầu sản xuất từ NMLD Dung Quất đáp ứng được một phần nhu cầu tiêu thụ trong nước. Dự kiến NMLD Dung Quất sẽ nâng cấp mở rộng lên 10 triệu tấn/năm trong thời gian sắp tới.

+ NMLHD Nghi Sơn đã vận hành chính thức từ cuối năm 2018, với công suất khoảng 9 triệu m³ sản phẩm xăng dầu/năm, sau đó sẽ phát triển mở rộng lên 12 triệu m³/năm vào năm 2023. Theo các đánh giá, với công suất sản xuất dự kiến và hệ thống cầu cảng xuất hàng như hiện nay, để đảm bảo hệ số chiếm bến tối ưu ở mức an toàn (55%) thì yêu cầu tần suất dùng tàu dung tích lớn (size > 15,000m³) để nhận hàng của các đầu mối sẽ tăng lên và phương án chuyển hàng gửi kho để tránh tank-top cho NMLHD Nghi Sơn là cần thiết. Trong trường hợp việc gửi kho gặp khó khăn (kho bồn không còn sức chứa, sức mua giảm, việc rút hàng gửi kho chậm, ...) thì phương án xuất khẩu xăng dầu cũng đã được PVNDB (Chi nhánh Phân phối Sản phẩm lọc dầu Nghi Sơn của Tập đoàn) tính toán và đây cũng là cơ hội lớn khác cho PVTrans/Gas Shipping tham gia vận chuyển xăng dầu xuất khẩu khi có nhu cầu.

Như vậy, trong thời gian tới dự báo thị trường vận tải xăng dầu trong nước sẽ trở nên sôi động và đòi hỏi số lượng tàu tham gia vận tải nhiều hơn, các size hàng nhỏ (dưới 10,000 m³) dự báo cũng sẽ ít xuất hiện, thay vào đó là các size hàng lớn hơn để tiết kiệm chi phí, tỷ trọng các NMLD/NMLHD cho ra đời sản phẩm hóa chất cũng sẽ có xu hướng tăng lên.

II. Thị trường vận tải dầu/hóa chất quốc tế:

Theo nhận định của các nhà môi giới lớn, các chuyên gia kinh tế hàng đầu, vòng quay thị trường vận tải biển thường kéo dài khoảng 10 năm. Sau thời gian đạt cực thịnh vào các năm 2006 - 2007, giá cước/giá thuê tàu trời sạt dưới đáy các năm sau đó, đến nay thị trường vận tải biển nói chung và thị trường vận tải hàng lỏng nói riêng đã có dấu hiệu dần cải thiện, hồi phục. Một trong những nhân tố tác động tích cực lên thị trường vận tải biển đó là “cung - cầu” số lượng tàu dần lấy lại tình trạng cân bằng. Số lượng lớn các tàu cũ dần không còn phù hợp dẫn tới bị thị trường đào thải và phải phá dỡ. Các đơn đóng mới xuất hiện không nhiều

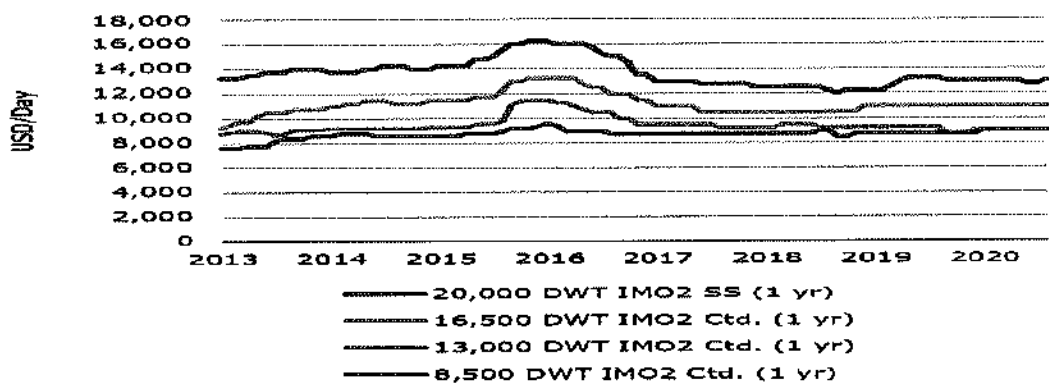
nên đã giảm đáng kể tình trạng dư thừa “cung” tàu, số lượng tàu đóng mới đưa vào khai thác trong năm 2020 chỉ là 34 tàu thay vì từ 58 - 107 tàu/năm trong giai đoạn 2017 - 2019. Bên cạnh đó, theo dự báo của Clarksons thì nhu cầu vận chuyển các sản phẩm hóa chất bằng đường biển năm 2021 là 325 triệu tấn, tăng 13 triệu tấn, tương đương 4% so với năm 2020. Ngoài ra, khối lượng hàng hóa luân chuyển bằng đường biển (Tonne miles) đối với tàu hóa chất trong năm 2021 cũng được dự báo là 1.343 tỷ tấn hải lý, tăng 4,2% so với năm 2020, việc này cũng dẫn đến phát sinh nhu cầu sử dụng đối với loại tàu này trên thị trường. Các tuyến hàng xung quanh khu vực Trung Đông, Đông Nam Á, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản cũng đã dần nhận nhịp trở lại và tập trung nhiều vào các tàu dầu/hóa chất (oil/chemical tanker), phổ biến là các tàu có trọng tải khoảng 20.000 DWT.

Trong phân khúc tàu dầu/hóa chất có trọng tải khoảng 20.000 DWT, giá cước tàu vận chuyển hóa chất luôn ở mức cao hơn so với vận chuyển xăng dầu và tương đối ổn định. Theo các báo cáo thị trường gần nhất, mặc dù ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 làm mất cân bằng cung - cầu dẫn đến việc giá cước/giá thuê tàu vận chuyển một số mặt hàng có dấu hiệu suy giảm mạnh. Tuy nhiên, do các loại hóa chất là mặt hàng chuyên biệt dành cho công nghiệp, cộng với kiểu thiết kế tàu mang tính đặc chủng chuyên dùng, có thể kết hợp vận chuyển đa dạng nhiều loại hàng hóa, nên trên thực tế thị trường vận chuyển dầu/hóa chất vẫn duy trì được sự ổn định nhất định, đặc biệt đối với các tàu có trọng tải khoảng 20.000 DWT.

Đối với thị trường khai thác chuyến (Spot): Do là dạng tàu dầu/hóa chất nên có nhiều sự lựa chọn mặt hàng chuyên chở. Từ khu vực Trung Đông, một trong những trung tâm dầu khí của thế giới, luôn có nhu cầu thuê tàu vận chuyển các lô hàng dầu sản phẩm (clean petroleum product) kết hợp hóa chất (chemical) như Paraxylene/Orthoxylene/ Methanol/Ethanol/Benzen/MTBE/Base Oil... chạy theo chuyến khối lượng khoảng 20.000 tấn trong nội bộ khu vực hoặc xuất đi Biển Đỏ (Red Sea), Đông Phi (East Africa). Đối với tuyến hàng hóa chất xuất từ Vùng Vịnh về phía Đông (Ấn Độ/Đông Nam Á) thì chiều ngược lại luôn có các mặt hàng để đưa tàu ngược trở lại như dầu cọ (palm) từ Indonesia, hoặc dầu sản phẩm từ Singapore/Thailand đi Ấn Độ/Maldives.

Đối với thị trường cho thuê định hạn (T/C): Theo các báo cáo của Maersk Brokers thì giá cho thuê định hạn bình quân của size tàu dầu/hóa chất khoảng 20.000 DWT IMO2 Stainless Steel trên thị trường đvào khoảng 13.000 USD/ngày cho thời hạn 01 năm, 13.500 USD/ngày cho thời hạn 03 năm, 13.750 USD/ngày cho thời hạn 05 năm, cho thấy thị trường này có xu hướng tích cực trong thời gian tới.

TIME CHARTER RATES (USD/DAY)			
	1 YEAR	3 YEARS	5 YEARS
20,000 DWT IMO2 SS	13,000	13,500	13,750
16,500 DWT IMO2 Ctd.	11,000	11,500	11,750
13,000 DWT IMO2 Ctd.	9,000	9,750	10,250
12,500 DWT IMO2 SS	11,000	11,750	12,000
8,500 DWT IMO2 Ctd.	9,000	9,500	9,750
6,000 DWT IMO2 Ctd.	8,000	8,250	8,750
3,500 DWT IMO2 Ctd.	6,000	6,500	6,750

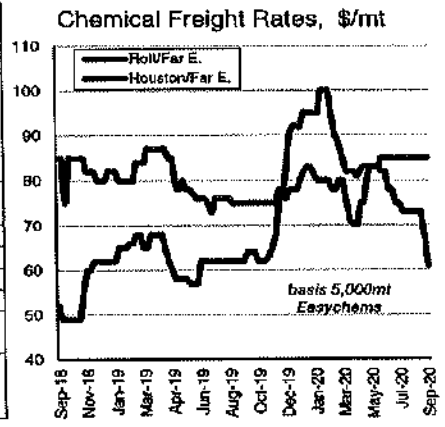


(Nguồn Maersk Brokers)

Theo báo cáo của Clarksons Research thì giá cước cho thuê T/C thời hạn 12 tháng đối với tàu dầu/hóa chất size 19.999 DWT Stainless Steel bình quân trong năm 2020 là 13.479 USD/ngày, tăng 5% so với mức bình quân năm 2018 (12.896 USD/ngày) và tăng 2% so với mức bình quân năm 2019 (13.250 USD/ngày). Cũng theo số liệu thống kê của Clarksons Research, giá cho thuê T/C thời hạn 12 tháng bình quân trong giai đoạn 2012 - 2020 là 13.781 USD/ngày, như vậy có thể nhận thấy thị trường giá cước cho thuê loại tàu này là khá ổn định.

Chemicals Markets...	Average		2020		Chem Market	
	2018	2019	Jul	Aug	11 Sep	Trends...
Voyage Rates (\$/mt)						
10,000 Gulf/WC India	27.12	28.07	25.00	24.00	23.00	SOFTER... -4%
15,000 Gulf/Ulsan	41.78	42.55	40.40	39.25	39.00	STEADY... -1%
15,000 Gulf/Med	49.07	50.20	63.20	56.75	52.00	WEAKER.. -8%
15,000 Gulf/Rotl.	52.29	53.98	66.00	60.25	56.00	SOFTER... -7%
5,000 Rotl/Houston	35.15	35.76	37.40	36.00	36.00	STEADY... 0%
10,000 Rotl/Houston	30.85	30.95	32.20	30.00	31.00	FIRM... 3%
5,000 Rotl/Ulsan	67.85	79.60	85.00	85.00	85.00	STEADY... 0%
5,000 Singapore/Rotl	79.02	73.58	69.20	67.25	67.00	STEADY... 0%
1,000- Sing/Houston	139.52	139.96	136.00	136.00	138.00	STEADY... 1%
12,000 Ulsan/Houston	44.94	51.38	47.70	47.00	51.50	FIRMER... 10%
5,000 Houston/Rotl	47.88	62.35	50.20	52.50	50.00	SOFTER... -5%
5,000 Houston/Ulsan	56.84	64.60	74.80	73.00	81.00	WEAKER.. -16%
12 mths TC, \$/day	9,042	8,386	8,250	8,250	8,250	STEADY... 0%
13,000 dwt IMO II	12,896	13,227	13,250	13,250	13,250	STEADY... 0%

Easychems except for: - Stainless Steel.



(Nguồn Clarksons)

Ngoài ra, theo các thông tin của các Đơn vị thành viên trong Tổng công ty đang khai thác dịch vụ vận tải dầu/hóa chất trên thị trường quốc tế, có điều kiện trao đổi làm việc trực tiếp với các kênh môi giới/khách hàng thuê tàu (Ultranav, Fairfield, MOL Chemical Tankers, GSB Tankers, AET, SeaStar, Jaldhi...) thì doanh thu ngày tàu (TCE) của size tàu khoảng 20.000 DWT IMO Stainless Steel trong trường hợp khai thác Spot đang dao động khoảng 13.000 - 14.000 USD/ngày tùy theo từng tuyến, giá này có thể cao hơn tùy vào địa điểm giao/trả tàu và từng con tàu cụ thể (giá cho thuê định hạn áp dụng trong giai đoạn Covid-19 đối với tàu tương đương PV Trans đang cho thuê hiện nay là 12.550 USD/ngày). Nhu cầu thuê tàu vận chuyển dầu/hóa chất trọng tải khoảng 20.000 DWT vẫn đang xuất hiện trên thị trường vào thời điểm hiện nay. Đối với các size tàu dầu/hóa chất có trọng tải lớn hơn (khoảng 25.000 DWT), qua thông tin thị trường tàu Beatrice (25.932 DWT, đóng Nhật Bản năm 2013, IMO, S/S) và tàu Clarice (25.926 DWT, đóng Nhật Bản năm 2014, IMO, S/S) vừa chốt cho Womar thuê định hạn 1 năm + 1 năm với giá cho thuê vào khoảng 14.500 USD/ngày.

Kết quả nghiên cứu thị trường quốc tế cho thấy nhu cầu đối với phân khúc size tàu dầu/hóa chất khoảng 20.000 DWT khá đa dạng, giá cho thuê luôn cao hơn so với mặt bằng các tàu vận tải dầu sản phẩm cùng loại và có tính ổn định cao hơn, tàu sau khi đầu tư sẽ dễ tìm kiếm khách hàng để đưa vào khai thác ngay sau khi được bàn giao. Vì vậy, việc đầu tư tàu dầu/hóa chất khoảng 20.000 DWT để tham gia thị trường vận chuyển quốc tế là phù hợp.

III. Thị trường mua/bán tàu và lực chọn phân khúc tàu:

Dưới đây là thông tin thị trường nhận được từ các Brokers (Maersk, Clarksons, Fearnleys, SSY, EA Gibson, Sunscot Hongkong) về các giao dịch gần nhất. Tuy nhiên giá chào, giá mua bán dưới đây chỉ để tham khảo, giá chính xác thì tùy thời điểm chào tàu, thời điểm giao dịch giữa người mua và người bán.

1. Các tàu đã bán trong khoảng hơn 2 năm gần đây:

STT	Tên tàu	Năm đóng	DWT	Shipyards	Giá bán Tr USD	Thời gian bán
1.	Bunga Lotus	2012	19.992	Fukuoka	32 enbloc	09/2019
2.	Bunga Lucerne	2012	19.990	Fukuoka		
3.	ST Aqua	2006	23.322	Kurinoura	12	06/2018
4.	Chembulk Kings Point	2008	19.928	Kitanihon	13,7	03/2018
5.	Fairchem Yuka	2010	19.960	Usuki	18,5	04/2018
6.	Chemstar Seven	2005	19.870	Fukuoka	12,25	04/2018
7.	FSL Tokyo	2006	20.938	Shin Kurushima	13,8	01/2018
8.	Chembulk Tortola	2007	20.809	Kitanihon	9,2	09/2020
9.	Chembulk Singapore	2007	19.800	Kitanihon	8,5	09/2020

10.	Southern Jaguar	2009	19.997	Fukuoka	14	11/2019
11.	Southern Ibis	2009	19.905	Fukuoka	14	02/2020
12.	Arabian Orchid	2007	19.984	Fukuoka	14	01/2018
13.	Chembulk Jakarta	2009	19.935	Kitanihon Jpn	10,8	10/2020
14.	Mid Fortune	2009	19.945	Fukuoka	13,3	02/2021
Trung bình					13,1	

2. Các tàu đang chào bán:

Stt	Tên tàu	Năm đóng	DWT	Shipyard	Giá chào tham khảo (triệu USD)	Ghi chú
1.	FSL London	09/2006	19.966	Usuki	<10	Đã chào từ 2018 nhưng chưa có giao dịch mua bán.
2.	FSL New York	09/2006	19.970	Usuki	<10	
3.	As Orelia	01/2008	19.971	Usuki	13,3	
4.	As Omaria	11/2007	19.974	Usuki	12,3	
5.	As Olivia	07/2007	19.981	Usuki	12,3	
6.	Octaden	06/2007	19.983	Usuki	12,3	
7.	Lime Galaxy	12/2008	19.992	Usuki	10,2	
8.	Beech Galaxy	01/2007	19.998	Usuki	9,5	
9.	GT Star	01/2012	19.956	Usuki	17,5	
10.	Crimson Ray	07/2007	19.983	Fukuoka	16,2	
11.	Vale	11/2008	19.997	Sekwang, Korea	< 9	
12.	Volante	08/2008	19.998	Sekwang, Korea	< 9	
13.	Chem Bulldog	09/2010	21.006	Imabari	15	
14.	Southern Koala	06/2010	21.290	Imabari	15	
Giá chào trung bình khoảng 20.000 DWT khoảng 10 tuổi					15	

(Nguồn: tổng hợp)

Nhìn chung dòng tàu dầu/hóa chất khoảng 20.000 DWT có thị trường hoạt động ổn định, giá cước ít biến động, đa số các tàu có hợp đồng T/C dài hạn chở hóa chất (Acid Sunfurid, Ethanol...) cho các nhà máy sản xuất toàn thế giới. Dòng tàu này có biên độ cước thay đổi so với mức cước bình quân chỉ khoảng $\pm 10 - 17\%$ là mức biên độ biến đổi thấp nhất trong thị trường tàu tanker trong suốt 8 năm qua trên thị trường quốc tế. Tuy nhiên, do là những thị trường hẹp, mang tính đặc thù cao, đa phần Chủ tàu là Nhật Bản bảo hộ thị trường đặc thù từ khâu kiểm soát lượng tàu đóng mới ra thị trường nên hạn chế lớn nhất là số lượng tàu chào bán trên thị trường rất ít nên cơ hội cho người mua không nhiều.

Điểm lưu ý về mặt kỹ thuật của dự án này theo thông tin thị trường mua bán do các hãng môi giới uy tín cung cấp từ giai đoạn năm 2020 về trước, thì từ năm 2018 đến nay có khoảng 10 tàu khoảng 20.000 DWT đóng tại Usuki Shipyard

Co đã và đang chào bán nhưng rất ít người mua, chỉ có 3 giao dịch thực hiện thành công với tàu 10 – 11 tuổi, tất cả các giao dịch còn lại đều là các tàu không đóng tại Usuki. Qua khảo sát thực tế một vài tàu đóng tại Usuki vào giữa năm 2019 và tìm hiểu thêm về các thông tin này qua các hãng môi giới, được biết một số tàu khoảng 20.000 DWT đóng tại Usuki Shipyard giai đoạn 2006 - 2008 (12 – 14 tuổi) đã xảy ra tình trạng gãy vận thân vỏ tàu nên khó tìm được người mua. Hiện có 08 tàu đóng tại Usuki từ 12 – 14 tuổi vẫn đang chào bán trên thị trường với giá chào thấp hơn suốt 02 năm qua nhưng vẫn không có người mua. Do đó, để đảm bảo lựa chọn được tàu có tình trạng kỹ thuật tốt, chất lượng phù hợp với Dự án, công ty sẽ loại 09 tàu đóng tại Usuki, Nhật bản.

Theo thống kê của Clarksons, thì giá bán bình quân trong giai đoạn 2011 - 2020 đối với tàu Chemical Tanker Stainless Steel 19.999 DWT Resale là 32,19 triệu USD, còn đối với tàu Secondhand 5 tuổi là 22,85 triệu USD. Còn theo thống kê của Maersk Brokers, giá bán tàu dầu/hóa chất khoảng 20.000 DWT IMO2 Stainless Steel đóng mới đến 15 tuổi được thống kê như sau:

	VESSEL PRICES (USD MIHL)			
	NEWBUILD	SECOND-HAND		
		5 YEARS	10 YEARS	15 YEARS
25,000 DWT IMO2 SS	42.0	30.0	21.0	16.0
20,000 DWT IMO2 SS	33.0	22.0	14.0	10.0
16,500 DWT IMO2 Ctd.	24.0	18.0	11.0	8.5
13,000 DWT IMO2 Ctd.	22.0	12.0	8.5	5.0
12,500 DWT IMO2 SS	26.5	16.5	9.5	7.0
8,500 DWT IMO2 Ctd.	19.0	11.0	7.5	5.0
6,000 DWT IMO2 Ctd.	13.0	8.5	6.5	5.0
3,500 DWT IMO2 Ctd.	9.5	7.0	5.0	3.7

Nguồn: Maersk Brokers

Theo thông lệ, tất cả giá tàu nêu trên đều là giá do các Broker cung cấp để tham khảo, giá chào chính thức Chủ tàu chỉ đưa ra sau khi Người mua quan tâm và đã tiến hành kiểm tra tàu. Mặt khác, trong đánh giá hiệu quả kinh tế của dự án thì giá mua tàu là yếu tố chính cấu thành tổng mức đầu tư nhưng ngoài ra còn nhiều yếu tố khác như thời gian nhận tàu trước/sau dock, lắp/chưa lắp hệ thống BWTS, điểm nhận tàu gần/xa so với thị trường đầu ra của Công ty. Vì vậy việc xây dựng giá mua tàu theo từng phân khúc tuổi trong cấu thành của TMĐT tại BCNCKT này chỉ mang tính tương đối và khi đánh giá hiệu quả chung sẽ đánh giá trên tiêu chí TMĐT cuối cùng. Sau khi loại trừ 09 tàu đóng tại Usuki, Nhật bản, sáu (06) tàu còn lại có mức giá từ 9 – 16,2 triệu USD, cũng như theo thống kê giá tàu trung bình đã giao dịch thành công nêu trên, để đảm bảo tính thận trọng, dự phòng giá tàu biến động và mở ra cơ hội lựa chọn mua được tàu trẻ tốt hơn,

nên lựa chọn tàu dầu/hóa chất khoảng 20.000 DWT khoảng 10 tuổi với mức giá khoảng 15.75 triệu USD.

Như vậy, phân khúc và giá tàu dự kiến đầu tư: *Tàu dầu/hóa chất loại Stainless Steel có trọng tải khoảng 20.000 DWT (19.000 – 24.999 DWT) xuất xứ tại Nhật Bản/Hàn Quốc/EU khoảng 10 tuổi với mức giá 15 – 16 triệu USD.*



05
C
C
V
KH
/

CHƯƠNG III

KHÁI QUÁT VỀ TÀU DỰ KIẾN ĐẦU TƯ

I. Loại tàu và trọng tải tàu:

Tàu chở dầu sản phẩm thông thường (CPP):

- Ưu điểm: Giá đầu tư ban đầu thấp, chi phí vận hành thấp hơn so với tàu chở hóa chất;
- Nhược điểm: Không chở được đa dạng mặt hàng nên giảm khả năng khai thác, giá thuê T/C thấp.

Tàu chở hóa chất (IMO 2,3):

- Ưu điểm: Chở được nhiều loại hàng, khả năng khai thác cao, giá cho thuê cao hơn so với tàu chở dầu (CPP).
- Nhược điểm: Giá đầu tư ban đầu cao, chi phí vận hành, bảo dưỡng cao hơn tàu chở CPP. Nếu dùng tàu hóa chất để chở dầu thì tốc độ trả hàng chậm do sử dụng nhiều bơm chìm và có nhiều hầm hàng.

Sau khi xem xét ưu, nhược điểm của 2 loại tàu, trên cơ sở tàu hóa chất có thể đa dạng hóa nguồn hàng phù hợp với nhiều thị trường khác nhau, sau khi đầu tư có thể khai thác được ngay, mặt khác xu hướng các nhà máy lọc dầu sau này cũng sẽ cho ra nhiều sản phẩm hóa dầu, **loại tàu chở hóa chất (IMO 2,3) sẽ được đề xuất lựa chọn.**

II. Nơi đóng:

Tàu đóng tại Trung Quốc: Mặc dù có giá thành thấp hơn các tàu đóng ở Nhật Bản/Hàn Quốc/Châu Âu... nhưng chất lượng thấp, tình trạng kỹ thuật kém, thường hay hỏng hóc bất thường làm chi phí sửa chữa, bảo dưỡng, cung cấp vật tư có thể tăng lên đáng kể và khó dự báo trước được.

Tàu đóng ở Châu Âu: Chất lượng thiết bị có độ tin cậy cao, tuy nhiên giá thành cao, thiết bị lắp ráp trên tàu khi bị hư hỏng rất khó sửa chữa, thay mới với chi phí cao.

Tàu đóng ở Nhật Bản/Hàn Quốc: Chất lượng tàu tốt, thuận tiện cho việc vận hành khai thác, bảo dưỡng và sửa chữa, giá cả phù hợp.

Từ các phân tích trên, đề xuất lựa chọn tàu đóng ở Nhật Bản/Hàn Quốc/EU.

III. Tuổi tàu:

Tuổi tàu của Dự án tại BCNCKT này đề xuất đáp ứng điều kiện theo đúng quy định hiện hành của nhà nước (Bộ luật Hàng hải 2015, Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ban hành ngày 27/12/2016 và Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23/07/2020).

IV. Đặc tính kỹ thuật:

Hiện tại, trên thị trường có 02 loại tàu dầu/hóa chất với hầm hàng Coated và Stainless steel. So sánh 02 loại tàu Coated và Stainless steel:

- Tàu có thiết kế về hầm hàng coated: Tùy theo loại sơn và thiết kế được sử dụng mà danh sách loại hàng được Đăng kiểm phê duyệt theo giấy chứng nhận COF (Certificate of Fitness), vì vậy danh sách hàng hóa cho loại tàu coated. Bên cạnh đó, tuổi thọ của lớp sơn hầm hàng thường là khoảng 10 năm thì bắt đầu lão hóa, cần phải sơn lại khi tàu từ 10 - 15 năm. Sau khi sơn lại thì chất lượng bề mặt hầm hàng thường khó đồng nhất và chi phí sơn hầm hàng rất lớn (khoảng 600 - 800 ngàn USD nếu làm tại Trung Quốc, khoảng 1 triệu - 1,2 triệu USD nếu làm tại Trung Đông). Mỗi lần sửa chữa docking thì mất thời gian nhiều hơn nếu có sơn hầm hàng.

- Tàu có thiết kế hầm hàng stainless steel: Loại tàu này có nhiều ưu điểm hơn tàu coated, danh sách COF sẽ nhiều loại hàng hơn. Trong thời gian sử dụng không cần phải sơn lại hầm hàng, việc rửa hầm sẽ tiến hành nhanh hơn, tiết kiệm chi phí vận hành, sửa chữa bảo dưỡng định kỳ rất lớn.

- Để tiếp tục tham gia hơn nữa vào thị trường quốc tế thì việc lựa chọn loại tàu coated là không phù hợp cho việc khai thác tàu của công ty sau khi đầu tư, do công ty không tập trung vào khai thác chuyên tuyến hay chuyên dụng một loại hóa chất nào trên thị trường mà sẽ tăng cường đa dạng hóa các mặt hàng chuyên chở.

- Qua phân tích đặc tính của 02 loại tàu trên và từ kinh nghiệm khai thác tàu dầu, tàu hóa chất của các đơn vị thành viên trong Tổng công ty và của các đơn vị shipping khác cho thấy, tàu hóa chất có ưu điểm kỹ thuật hơn, chi phí bảo dưỡng sửa chữa hầm hàng thấp hơn, chủng loại hàng hóa vận chuyển đa dạng hơn.

Như vậy, tàu có kết hầm hàng loại Stainless steel được Công ty GasShipping đề xuất lựa chọn vì phù hợp với mục tiêu, thị trường kinh doanh khai thác.

Các thông số kỹ thuật cơ bản của tàu:

Stt	Nội dung	Thông số
1.	Trọng tải tàu (Ship size)	Khoảng 20.000 DWT
2.	Tuổi tàu (Vessel age)	< 15 tuổi
3.	Nơi đóng (Where built)	Nhật Bản/Hàn Quốc/ EU
4.	Đăng kiểm (Class)	IACS
5.	Loại tàu (Type of vessel)	Oil/Chemical tanker

Sst	Nội dung	Thông số
6.	Loại sơn phủ hầm hàng (Type of Cargo tanks coating)	Stainless Steel
7.	Loại sơn phủ kết slop (Type of Slop tanks coating)	Stainless Steel
8.	Số kết hàng (Number of cargo tanks (include slop))	Min 14 tanks
9.	Tổng dung tích hầm hàng (Total cubic capacity of cargo tanks, including slop (98%))	Min 19.000 CBM
10.	IMO Class	IMO 2, IMO 3

Các tàu có sự cố lắp lại liên quan đến hệ thống máy chính, hộp số, máy đèn, hệ trục, hệ thống làm hàng, hoặc có lịch sử đâm va, mắc cạn, cháy nổ hoặc hư hỏng cấu trúc thân vỏ tàu, kết hàng, kết ballast sẽ không được xem xét lựa chọn.

V. Đánh giá tác động của công ước hạn chế khí thải SOx:

Công ước hạn chế khí thải SOx qui định việc hạn chế khí thải có hàm lượng lưu huỳnh trên 0,5% ra môi trường. Công ước này đã được Tổ chức hàng hải Quốc tế triển khai áp dụng từ 01/01/2020. Hiện dầu nhiên liệu low sulphur đã và đang được sản xuất đại trà và bán rộng rãi tại các cảng lớn trên thế giới.

Do đó, tại báo cáo này sẽ không tính chi phí lắp đặt hệ thống Scrubber.

CHƯƠNG IV

TỔNG MỨC ĐẦU TƯ - CƠ CẤU NGUỒN VỐN

I. Quy mô và hình thức đầu tư tàu:

Đầu tư tàu chở dầu/hóa chất đã qua sử dụng dưới 15 tuổi có trọng tải khoảng 20.000 DWT.

Việc mua tàu đã qua sử dụng có những ưu điểm sau:

- Tàu có sẵn trên thị trường, thuận tiện cho việc khảo sát đánh giá chọn lựa.
- Chi phí đầu tư phù hợp khả năng huy động vốn của Công ty.
- Với độ tuổi như trên, tàu đã được kiểm chứng qua thời gian hoạt động, đã được kiểm tra định kỳ nên thuận lợi cho việc khảo sát, đánh giá chất lượng trước khi mua tàu.
- Giá mua tàu thấp hơn các tàu mới, cần ít vốn đầu tư ban đầu hơn. Do đó thuận lợi cho việc thu xếp nguồn tài chính và chi phí kinh doanh.

II. Tổng mức đầu tư của dự án:

Để phù hợp với khả năng tài chính của Công ty, tình hình mua bán tàu trên thị trường, Gas Shipping lựa chọn phương án triển khai dự án đầu tư mua tàu chở dầu/hóa chất đã qua sử dụng đến dưới 15 tuổi có trọng tải khoảng 20.000 DWT, với tổng mức đầu tư dự kiến theo như bảng tổng hợp giá trị đầu tư và nguồn vốn như sau:

Đơn vị tính: USD

Stt	Nội dung	Tổng cộng
1	Giá mua 01 tàu (*)	15.750.000
2	Thuế nhập khẩu 2% (Phân nhóm 8901.20.70 - NĐ122/2016 v/v biểu thuế XNK)	315.000
3	Phí trước bạ 1%*(1+2+4) tối đa 500 triệu đồng (Nghị định 140/2016/NĐ-CP)	22.000
4	Chi phí khảo sát, giám định tàu và giao nhận tàu, kiểm toán quyết toán dự án đầu tư...(*)	300.000
5	Thuế VAT khâu nhập khẩu được miễn do trong nước chưa sản xuất được	
	TỔNG CỘNG 1 TÀU:	16.387.000

(*) Các mục 1,4 tùy theo con tàu được lựa chọn có thể bao gồm trong giá mua tàu hoặc tách riêng thành từng phần.

III. Nguồn vốn và cơ cấu vốn đầu tư:

Dự án được xây dựng để thực hiện đầu tư tàu dầu/hóa chất trọng tải khoảng 20.000 DWT. Về nguồn vốn đầu tư, Gas Shipping lựa chọn phương án cơ cấu vốn: Vốn vay tối đa 70% giá mua tàu, còn lại là Vốn chủ sở hữu.

Stt	Nội dung	ĐVT	Thành tiền
1	Tổng vốn đầu tư	USD	16.387.000
2	Vốn chủ sở hữu	USD	5.362.000
3	Vốn vay ngân hàng (tối đa 70% giá trị mua tàu)	USD	11.025.000

1. Đối với nguồn vốn đối ứng:

Trên cơ sở cân đối các chỉ tiêu tài chính của Công ty như vốn lưu động nhằm duy trì hoạt động kinh doanh một cách ổn định, nguồn để đảm bảo khả năng trả nợ ngắn hạn và dài hạn đến hạn phải trả, các khoản phải thu phải trả khác, nguồn vốn chủ sở hữu đối ứng cho đầu tư của Gas Shipping còn lại vào thời điểm cuối năm 2020 là 150 tỷ đồng. Là công ty đã niêm yết trên thị trường chứng khoán, tình hình tài chính lành mạnh và minh bạch, có những lợi thế kinh doanh nhất định sẽ là những cơ sở đảm bảo việc tăng vốn thành công và hiệu quả.

Tiếp theo để đảm bảo đủ vốn cho công tác đầu tư năm 2021, Gas Shipping dự kiến sẽ thực hiện việc phát hành 20 triệu cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn thêm 200 tỷ đồng. Từ 360 tỷ lên 560 tỷ để bổ sung vốn phục vụ cho kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư năm 2021 của Công ty Gas Shipping. Là công ty đã niêm yết trên thị trường chứng khoán, tình hình tài chính lành mạnh và minh bạch, có những lợi thế kinh doanh nhất định sẽ là những cơ sở đảm bảo việc tăng vốn thành công và hiệu quả.

Với tình hình tài chính lành mạnh, minh bạch, cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán lại được hỗ trợ toàn diện từ cổ đông Công ty mẹ PV Trans rất uy tín trong lĩnh vực vận tải tàu biển nói chung và hàng lỏng nói riêng, Gas Shipping tin tưởng rằng phương án tăng vốn của Gas Shipping sẽ thành công.

2. Đối với nguồn vốn vay:

Xác định rõ sự khó khăn của thị trường tín dụng ngân hàng, nhất là lĩnh vực cho vay đầu tư tàu biển, Gas Shipping đã chủ động làm việc với các ngân hàng/định chế tài chính để thu xếp vốn cho các dự án tàu. Đến hiện tại, Gas Shipping đã và đang làm việc với các ngân hàng có tính khả thi và cam kết cao trong việc thu xếp tín dụng là: Shinhan Bank, PVCombank, TPBank, MSB.

Trong thời gian vừa qua các nhà đầu tư cũng như các ngân hàng thương mại trong và ngoài nước đã tiếp xúc làm việc với Công ty Gas Shipping trong việc có thể thu xếp hạn mức cho vay mua tàu đến 70% giá mua tàu, với thời hạn từ 5-7 năm, tài sản đảm bảo là con tàu hình thành từ vốn vay/các khoản bảo lãnh khác.

Tùy trường hợp chủ đầu tư mua tàu bao nhiêu tuổi sẽ ấn định các thông số cụ thể. Sau khi Dự án được phê duyệt, các ngân hàng sẽ triển khai phê duyệt tín dụng chính thức với mức lãi suất USD vào khoảng 6%.

Trong dự án này, để đảm bảo tính khả thi của dự án, cũng như đảm bảo khả năng thu xếp vay vốn từ các tổ chức tín dụng để tài trợ khoản vay đầu tư, trong BCNCKT này thông số về khoản vay được xây dựng cơ bản như sau:

- + Lãi suất cho vay: 6,0%/năm;
- + Trả nợ: 2 kỳ/năm; Thời hạn vay: 7 năm.

Do thực tế không thể có được hợp đồng tín dụng trước khi dự án được phê duyệt, đặc biệt trong bối cảnh khó khăn cung cấp tín dụng từ phía các ngân hàng thương mại như đã trình bày ở trên, nên Công ty xác định trước tiên phải đánh giá khả thi toàn diện và trình phê duyệt dự án song song với quá trình làm việc và tìm kiếm các cam kết tài trợ tín dụng. Cuối cùng, trên cơ sở dự án đã được phê duyệt, khi đã có được các cam kết cung cấp tín dụng phù hợp thì mới đủ điều kiện triển khai mua tàu.

Nguồn trả nợ vay: Khấu hao, lợi nhuận sau thuế từ việc khai thác tàu và các nguồn khác của Công ty.

IV. Khấu hao, giá trị thanh lý tàu, thuế thu nhập DN và suất chiết khấu:

1. Khấu hao:

Trên cơ sở Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và số năm khai thác còn lại của dự án, thời gian khấu hao của dự án tối đa là 15 năm. Khấu hao thực tế của dự án sẽ được cập nhật theo tuổi tàu, trong đó tàu được đầu tư đảm bảo tàu khai thác không quá 25 năm. Trong dự án này Gas Shipping dự kiến sẽ lựa chọn tàu dưới 10-12 tuổi và khấu hao trong khoảng 12 năm.

2. Giá trị thanh lý tàu:

Theo các cập nhật, báo cáo thống kê về giá tàu thanh lý của các nhà môi giới hàng đầu như Clarkson Researchs, Athennia Shipbrokers đối với loại tàu dầu/hóa chất tại các thị trường phá dỡ hàng đầu là Pakistan, Bangladesh và Ấn Độ từ năm 2010 và giá tàu thanh lý bình quân giai đoạn 10 năm (2010 – 2020) cụ thể như sau:

THỊ TRƯỜNG PAKISTAN											
Năm	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Oil/Chemical	427	505	450	425	450	285	300	430	430	380	355
Giá bình quân giai đoạn (2010 - 2020), ĐV USD/LTD											403
THỊ TRƯỜNG BANGLADESH											

Năm	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Oil/ Chemical	360	495	403	415	430	280	315	425	415	370	350
Giá bình quân giai đoạn (2010 - 2020), ĐV USD/LTD											387
THỊ TRƯỜNG ÁN ĐỘ											
Oil/ Chemical	437	456	375	410	400	285	280	425	425	360	340
Giá bình quân 10 năm (2010 - 2020), ĐV USD/LTD											381

Nguồn Clarkson, Athemia Shipbroker, Sunscot HK 2020

Theo số liệu thống kê trên, giá sắt thép thanh lý bình quân giai đoạn 2010 - 2020 là 381- 403 USD/LTD. Tuy nhiên, để đảm bảo tính thận trọng trong xây dựng Báo cáo chấp thuận chủ trương đầu tư tàu và thời điểm thu hồi của dự án sau 12 năm, với giá sắt vụn thanh lý áp dụng cho dự án được tính với giá thanh lý 380 USD/LTD.

Trọng tải tịnh (lightship) của tàu trong tải từ 19.000 – 24.999 DWT khoảng từ 5.150 – 5.600 LDT, để thận trọng, lựa chọn lightship của loại tàu này là 5.200 LDT.

Giá trị thanh lý tàu: 5.200 LDT x 380 USD/tấn = 1.976.000 USD.

3. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%/năm.

4. Suất chiết khấu và CLTG của dự án:

- Phần vốn chủ sở hữu đầu tư có lãi suất kì vọng là 10%/năm.
- Phần vốn vay từ ngân hàng có chi phí sử dụng vốn là 6,0%/năm.
- Hệ số rủi ro đối với lĩnh vực vận chuyển và tàng trữ dầu khí: 1%.
- Bảng tính dòng tiền và hiệu quả kinh tế của dự án lập bằng USD cho cả doanh thu và chi phí.
- Tổng suất chiết khấu dự án = 1% + [10% x (VCSH/TMĐT) + 6,0% x (Vốn vay/TMĐT) x (1-20%)] = 7,5%.

Để đảm bảo tính thận trọng trong đánh giá dòng tiền trả nợ và rà soát lợi nhuận hạch toán trên sổ sách kế toán hàng năm, trong bảng đánh giá hiệu quả mặc dù nguồn thu cước dự báo là USD, tương ứng có nguồn lợi nhuận chênh lệch tỷ giá bù đắp, tuy nhiên vẫn xem xét đến chênh lệch tỷ giá trên dư nợ gốc ngoại tệ là 2%/năm.

CHƯƠNG V

HIỆU QUẢ KINH TẾ CỦA DỰ ÁN

I. Doanh thu của dự án:

Hiện nay, phương án khai thác phổ biến mà Công ty Gas Shipping và các đơn vị thành viên đang khai thác là khai thác Spot và cho thuê Time charter trên thị trường trong nước và quốc tế. Trên thực tế thì phương án khai thác Spot sẽ có hiệu quả cao hơn, tuy nhiên lại thiếu ổn định, do đó phương án cho thuê time charter vẫn được các chủ tàu tại Việt Nam sử dụng là phương án khai thác chính, cùng với lợi thế về dòng tiền thu luôn ổn định trong suốt thời gian cho thuê.

Qua các báo cáo và nghiên cứu thị trường, thì trường hợp tàu phải khai thác spot ngắn hạn, có thể xem xét khai thác tuyến từ Vùng Vịnh đi Ấn Độ/Trung Quốc/Đông Nam Á và chở dầu sản phẩm/dầu cò từ ĐNA về lại Ấn Độ/Maldives/Trung Đông hoặc vận chuyển dầu sản phẩm kết hợp hóa chất trong khu vực Trung Đông hoặc từ Trung Đông đi Biển Đỏ/Đông Phi hoặc về chạy cho các NMLHD trong nước.

Việc đầu tư tàu đã qua sử dụng với mức giá thấp hơn so với tàu đóng mới là một lợi thế về chi phí ban đầu để Gas Shipping chủ động trong việc vận chuyển dầu/hóa chất nhập khẩu và tham gia thị trường khai thác quốc tế. Qua khảo sát thị trường vận tải dầu/hóa chất trong suốt thời gian vừa qua cùng với nhu cầu của thị trường vận tải khu vực Châu Á - Thái Bình Dương cũng như nhập khẩu về Việt Nam, Gas Shipping lựa chọn hình thức cho thuê Time charter làm cơ sở tính toán hiệu quả trong suốt vòng đời dự án, việc này để tiện so sánh với các thống kê giá cước đối với thị trường vận tải quốc tế (thống kê theo TCE).

Doanh thu hàng năm của dự án sẽ được tính toán trên các biến số sau:

- Giá cho thuê định hạn: Do đặc thù của ngành vận tải biển có giá cước/giá cho thuê tàu chịu tác động bởi nhiều yếu tố địa chính trị, các nhà phân tích chuyên ngành đều không đưa ra các dự báo dài hạn mà chỉ dự báo trong ngắn hạn thông thường từ 02 - 03 năm. Vì vậy, các dự án đầu tư tàu thường lấy giá tính doanh thu theo số liệu thống kê bình quân của các năm gần nhất, có tham khảo dự báo chuyên gia và áp dụng tỷ lệ dự phòng theo kinh nghiệm. Theo báo cáo thống kê của Clarksons thì giá cho thuê định hạn thời hạn 01 năm của tàu vận chuyển dầu sản phẩm/hóa chất có trọng tải 19.999 DWT Stainless Steel vào thời điểm hiện nay đang là 13.479 USD/ngày, giá cho thuê theo thống kê bình quân của giai đoạn 2012 - 2020 là 13.781 USD/ngày. Sau khi áp dụng tỷ lệ dự phòng (giảm khoảng 10%) thì giá cho thuê định hạn đưa vào tính toán trong dự án là 12.500 USD/ngày áp dụng cho 05 năm đầu tiên (chưa trừ chi phí môi giới khoảng 2,5%).

- Doanh thu từ năm thứ 6 được tính toán giảm còn 95%, đến năm thứ 11 giảm tiếp bằng 95% so với năm thứ 6.

- Số ngày khai thác tàu trong năm: Bằng 365 ngày trừ đi thời gian sửa chữa bảo dưỡng trong năm và thời gian dừng thương mại (tạm tính 5 ngày/năm). Số ngày sửa chữa bảo dưỡng những năm không có sửa chữa lớn là 05 ngày trong 5 năm đầu, 10 ngày từ năm thứ 6 và 15 ngày từ năm thứ 11; Số ngày sửa chữa bảo dưỡng trong năm có sửa chữa định kỳ trên dock là 25 ngày.

- Doanh thu trong năm được tính như sau:

$$\text{Doanh thu năm} = \text{Doanh thu TCE} \times \text{Số ngày khai thác}$$

II. Chi phí của dự án:

Chi phí hàng năm của dự án, tùy vào số năm khai thác và tuổi tàu bao gồm: Chi phí cố định và chi phí biến đổi.

1. Chi phí biến đổi (Variable cost):

Là các khoản chi phí phát sinh khi tàu hoạt động, đối với dự án thì đây là **Chi phí khai thác (running cost)**, chi phí khai thác có thể bao gồm các hạng mục chi tiết phí như sau:

- Chi phí nhiên liệu.
- Chi phí cảng phí, đại lý, hoa tiêu (2 đầu cảng bốc và dỡ).
- Chi phí nước ngọt (phục vụ sinh hoạt cho thuyền viên).
- Chi phí môi giới, chi phí khác.

Do tàu được khai thác theo hình thức cho thuê TC nên chi phí nhiên liệu và chi phí cảng phí, đại lý, hoa tiêu sẽ do người thuê tàu chịu (trừ trong thời gian sửa chữa). Do đó, dự án chỉ tính toán chi phí nước ngọt, chi phí môi giới, chi phí khác.

2. Chi phí cố định (Fixed cost):

Là các khoản chi phí phát sinh kể cả khi tàu không hoạt động, đối với dự án thì chi phí cố định có thể bao gồm các hạng mục như: Chi phí hoạt động (Operation cost hay OPEX) và Chi phí vốn (Capital Cost hay CAPEX).

Trên cơ sở số liệu chi phí hoạt động của một số tàu cùng loại tại các đơn vị thành viên của Tổng công ty thì chi phí (Opex) của tàu hóa chất khoảng 20.000 DWT vào khoảng 4.568 USD/ngày. Ngoài ra, trong việc tính toán HQKT của phương án cơ sở để đảm bảo tính an toàn của dự án, chi phí Opex dự kiến tăng 5% mỗi 5 năm.

(Chi tiết tính toán các loại chi phí được thể hiện trong các Phụ lục tính toán hiệu quả kinh tế đính kèm)

III. Tính toán hiệu quả kinh tế của dự án:

1. Các thông số đầu vào áp dụng trong tính toán hiệu quả kinh tế của dự án:

Bảng thông số đầu vào áp dụng trong tính toán hiệu quả kinh tế của dự án sẽ bao gồm các nội dung sau:

Stt	Nội dung	Đơn vị	Giá trị	Ghi chú
I	Thông số tính tổng mức đầu tư		16.387.000	
1	Giá mua tàu	USD	15.750.000	Tàu dưới 15 tuổi
2	Thuế nhập khẩu (2%)	USD	315.000	Phân nhóm 8901.20.70 - NĐ122/2016 biểu thuế XNK)
3	Thuế trước bạ	USD	22.000	Tối đa 500 triệu đồng
4	Chi phí khảo sát, giám định, nhận tàu, đào tạo,...	USD	300.000	
II	Thông số vốn đầu tư			
1	Vốn vay ngân hàng	USD	11.025.000	70% giá mua tàu
2	Vốn chủ sở hữu đối ứng	USD	5.362.000	Phần còn lại của Tổng mức đầu tư trừ đi phần vay ngân hàng
3	Lãi vay ngân hàng	%/năm	6%	Tham khảo lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại và chào giá của các ngân hàng
4	Thời hạn vay ngân hàng	Năm	7	Tham khảo thông lệ cho vay của các ngân hàng thương mại và chào giá của các ngân hàng
5	Kỳ hạn trả nợ gốc	Lần/năm	2	
6	Kỳ hạn trả lãi vay	Lần/năm	2	
III	Thông số tàu và hoạt động khai thác tàu			
1	Tuổi tàu dự kiến mua	Tuổi	10	
2	Tuổi tàu dự kiến khai thác tối đa	Tuổi	25	Theo thông lệ đối với tàu vận chuyển dầu/hóa chất
3	Số năm khai thác tàu	Năm	15	
4	Số ngày khai thác trung bình trong năm	Ngày	344	
5	Số ngày tàu nghỉ khai thác để sửa chữa định kỳ	Ngày/lần	25	Theo tham khảo kinh nghiệm sửa chữa tàu 20.000 DWT
IV	Thông số về CAPEX của tàu			
1	Thời gian khấu hao	Năm	12	
2	Phương pháp khấu hao		Đều	Khấu hao đường thẳng
3	Chênh lệch tỷ giá	%/năm	2%	Theo mức chung hàng năm đối với ngoại tệ USD

Stt	Nội dung	Đơn vị	Giá trị	Ghi chú
V	Thông số về OPEX của tàu			
1	Chi phí sửa chữa định kỳ	USD/lần	750.000	Theo kinh nghiệm sửa chữa tàu 20.000 DWT.
2	Cách thức phân bổ tổng chi phí các lần IS/SS trong cả đời dự án		Đều	Chia đều cho tổng số năm hoạt động của dự án
3	Chi phí bảo hiểm Hull and Machine	USD/năm	51.516	Tham khảo PSM/Phuong Nam/TCT
4	Chi phí bảo hiểm P&I; thuyền viên	USD/năm	107.085	Tham khảo PSM/Phuong Nam/TCT
5	Các chi phí văn phòng, quản lý, thuyền viên...		62.732	Tham khảo từ kinh nghiệm khai thác tàu
VI	Thông số để xác định tỷ suất hoàn vốn nội bộ tối thiểu (IRRmin)		7,5%	
1	Tỷ suất sinh lợi của chủ sở hữu	%/năm	10%	
2	Hệ số rủi ro lĩnh vực vận tải dầu khí	%/năm	1%	Theo quy định của ngành dầu khí
VII	Các chỉ tiêu khác			
1	Trọng lượng tàu không	LTD	5.200	Theo đặc điểm kỹ thuật của tàu
2	Đơn giá bán tàu thanh lý	USD/LTD	380	
3	Tổng giá trị thanh lý tàu	USD	1.976.000	
4	Tổng số ngày trong năm	Ngày	365	
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	%/năm	20%	Theo quy định nhà nước

2. Hiệu quả kinh tế dự án:

Trong giai đoạn thị trường hiện nay, mục tiêu đầu tư được ưu tiên đó là hiệu quả, có thời gian hoạt động đủ dài, nhưng cũng phải thu hồi vốn nhanh, giá đầu tư vừa phải và mức độ mất giá cũng ít hơn so với các tàu trẻ tuổi. Do vậy, đây là tuổi tàu đầu tư khả thi cho Gas Shipping triển khai dự án. Tuy nhiên, nếu thị trường mua bán tàu đầu năm 2021 có cung nhiều hơn cầu, giá tàu trẻ hơn hấp dẫn và thấp hơn kế hoạch tổng mức đầu tư được duyệt và nhiều tàu để lựa chọn thì Gas Shipping sẽ ưu tiên mua tàu trẻ hơn để vừa đạt mục tiêu hiệu quả kinh tế vừa đạt mục tiêu trẻ hóa đội tàu của Công ty.

2.1. Các chỉ tiêu hiệu quả kinh tế:

Kết quả tính toán các chỉ tiêu hiệu quả kinh tế của dự án được tập hợp trong bảng sau:

Stt	Chỉ tiêu	USD
1	Tổng vốn đầu tư	16.387.000
	Trong đó: Giá mua tàu	15.750.000
	- Vốn vay	11.025.000
	- Vốn chủ sở hữu	5.362.000
2	TCE năm đầu	11.892
3	Hiệu quả đầu tư của dự án	
	- NPV (i=7,5%)	1.424.606
	- IRR	8,97%
4	Hiệu quả đầu tư của Chủ đầu tư	
	- NPV (i=7,5%)	2.086.816
	- ROE	11,15%

2.2. Hệ số trả nợ của dự án:

Năm dự án	1	2	3	4	5	6	7
Hệ số trả nợ	1,02	1,12	1,15	1,08	1,25	1,04	1,18

2.3. Đánh giá hiệu quả dự án:

Căn cứ kết quả tính toán nêu trên, chúng ta nhận thấy như sau:

- Hệ số trả nợ của mỗi năm đều lớn hơn 1 và tăng dần theo thời gian khai thác chứng tỏ dự án đạt được tính khả thi của khả năng trả nợ, khả năng thu hồi vốn tốt.

- Đối với hiệu quả tài chính của dự án: Dự án có các chỉ tiêu NPV = 1.424.606 USD > 0 và IRR = 8,97% > i = 7,5% chứng tỏ dự án đạt được tính khả thi về hiệu quả tài chính.

- Đối với hiệu quả tài chính của Chủ đầu tư: Dự án có các chỉ tiêu NPV = 2.086.816 USD > 0 và ROE = 11,15% > i = 10% chứng tỏ dự án đạt được tính khả thi về hiệu quả tài chính.

- Phân tích độ nhạy của dự án: Chi tiết tại phụ lục đính kèm.

3. Đánh giá rủi ro và các biện pháp phòng ngừa rủi ro:

3.1. Rủi ro về thị trường đầu ra:

Trong trường hợp tàu không có hợp đồng định hạn hoặc khi hết hạn hợp đồng định hạn mà không được tái tục thì Gas Shipping sẽ khai thác tàu theo hình thức spot. Qua tính toán hiệu quả dự án cho thấy phương án khai thác spot có những chỉ tiêu hiệu quả dự án tốt hơn so với phương án cho thuê định hạn. Tuy

nhiên, phương án khai thác spot tiềm ẩn rủi ro bởi các hợp đồng mang tính chất ngắn hạn gây khó khăn cho việc bảo đảm nguồn hàng, có thể dẫn đến việc tàu phải nằm chờ phát sinh chi phí và làm giảm hiệu quả của dự án.

3.2. Rủi ro về giá cước:

Đây có thể là rủi ro lớn nhất đối với dự án của Gas Shipping tuy nhiên với diễn tình hình thị trường trong quá khứ và hiện tại, dự báo thị trường trong những năm tới thì kế hoạch giá cước của dự án là khá thận trọng với mức giá cho thuê TC bình quân trong 05 năm đầu dự án trong khoảng 12.500 USD/ngày tương đương ~ 90% so với giá cước trung bình giai đoạn 2019 - 2020, doanh thu 5 năm tiếp theo được tính toán giảm còn 95%. Trường hợp giá cước vẫn diễn biến xấu và thấp hơn mức dự kiến như trong dự án thì Chủ đầu tư bằng kinh nghiệm quản lý và khai thác tàu của mình sẽ thực thi các giải pháp nhằm tiết kiệm tối đa chi phí của dự án như chi phí thuyền viên, chi phí bảo trì bảo dưỡng, chi phí vật tư tiêu hao, chi phí bảo hiểm, chi phí lãi vay, chi phí quản lý... để đảm bảo dự án vẫn có hiệu quả hoặc giảm thiểu tối đa những thua lỗ để vượt qua giai các đoạn khó khăn.

Ngoài ra, việc không ngừng nâng cao kỹ năng quản lý, khai thác tàu, đặc biệt là loại tàu dầu/hóa chất đối với Gas Shipping là công việc cấp thiết và phải làm ngay từ những ngày đầu giúp giảm thiểu các chi phí phát sinh do lỗi chủ quan trong vận hành và khai thác tàu.

3.3. Rủi ro về giá tàu:

Một rủi ro có khả năng xảy ra cao đối với dự án là sự biến động giá tàu và theo đó dẫn đến biến động về tổng mức đầu tư của dự án. Giá tàu hiện đang được đánh giá thấp nhất trong vòng 10 năm qua và hiện tại giá tàu đang có xu hướng tăng lên cùng với sự cải thiện trong giá cước vận chuyển trên thị trường vận tải biển nói chung và thị trường vận tải dầu/hóa chất nói riêng. Tuy nhiên, mặc dù giá cước có xu hướng tăng nhưng một số chủ tàu có nhu cầu bán tàu sau khi kết thúc hợp đồng cho thuê Time charter hiện tại, nên dự báo thị trường mua bán tàu trong thời gian tới sẽ sôi động trở lại, do vậy, xác suất để giá tàu tăng mạnh là tương đối thấp, chưa kể đến áp lực cơ cấu lại đội tàu của các chủ tàu khi phải đáp ứng các yêu cầu của công ước quốc tế liên quan đến hệ thống quản lý nước dằn, Hệ thống xử lý khí thải động cơ chính của tàu dẫn đến các chủ tàu sẽ có xu hướng bán tàu cao tuổi để chuyển sang tàu trẻ tuổi hơn.

3.4. Rủi ro về lãi suất vay vốn:

Dự án đầu tư dự kiến sẽ vay vốn ngân hàng theo hình thức vay USD với lãi suất vay tính bằng lãi suất khoảng 6%/năm. Theo tính toán độ nhạy của dự án cho thấy, nếu lãi suất tăng lên 6,6%/năm thì dự án vẫn có hiệu quả kinh tế. Tuy nhiên, nếu lãi suất vay là 6,6% thì có nghĩa lãi suất USD kỳ hạn 6 tháng sẽ khoảng 2,6%/năm và đây là mức rất khó có thể xảy ra do thực tế cho thấy mức lãi suất

USD kỳ hạn 6 tháng bình quân trong vòng 20 năm, 15 năm và 10 năm vừa qua lần lượt là 2,5%, 1,8%/năm và 1,0%/năm. Như vậy, rủi ro về lãi vay đã được nhận diện và kiểm soát được.

3.5. Rủi ro về tỷ giá:

Do dự án đầu tư vay vốn bằng đồng USD nên một trong các rủi ro là sự biến động tỷ giá giữa đồng VND đối với đồng USD. Đây là rủi ro hầu như không thể tránh khỏi do xu hướng mất giá của đồng VND đối với đồng USD vẫn diễn ra theo xu hướng tăng đều hàng năm. Tuy nhiên, hiện tại Việt Nam vẫn đang kiểm soát mức độ mất giá bình quân hàng năm trong khoảng 1,5 - 2%/năm nên rủi ro về sự mất giá với mức độ lớn là ít xảy ra. Để kiểm soát rủi ro này dự án đã tính toán khoản chi phí dự phòng rủi ro chênh lệch tỷ giá là 2%/năm trên tổng mức dư nợ ngoại tệ, bên cạnh đó nguồn thu của dự án là USD. Như vậy, rủi ro này cũng được đánh giá và có biện pháp kiểm soát.

PHẦN III

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở nghiên cứu, phân tích, đánh giá Báo cáo nghiên cứu khả thi được trình bày ở trên, Dự án đầu tư mua tàu chở dầu/hóa chất có trọng tải khoảng 20.000 DWT (từ 19.000- 24.999 DWT) là dự án đầu tư có tính khả thi, đảm bảo hiệu quả kinh tế, khả năng trả nợ vay, mang lại doanh thu và lợi nhuận cho Công ty Gas Shipping, đồng thời tận dụng được các ưu thế về nguồn lực hiện có của Tổng công ty và Công ty.

Trên cơ sở các đánh giá phân tích về thị trường vận tải, thị trường mua bán tàu đã qua sử dụng đối với loại tàu hóa chất, không quá 15 tuổi, trọng tải khoảng 20.000 DWT, thì đây là thời điểm phù hợp để công ty triển khai dự án đầu tư mua tàu chở dầu/hóa chất, góp phần giữ vững và phát triển thị phần, thị trường quan trọng này theo định hướng đầu tư phát triển của Tổng công ty đã được Tập đoàn Dầu khí và Hội đồng Quản trị Tổng công ty phê duyệt.

Ngay từ giai đoạn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi những tác động của thị trường đã được nhận diện, soát xét, lượng hóa và có giải pháp kiểm soát trong việc tính toán hiệu quả kinh tế của Dự án và nhận diện cũng như đưa ra phương thức quản lý rủi ro là hoàn toàn phù hợp với kế hoạch SXKD năm 2021 và chiến lược đến 2025 của Công ty.

Giá bán tàu chở dầu/hóa chất hiện nay được đánh giá đang ở mức gần như thấp nhất trong vòng 10 năm trở lại đây, do đó năm 2021 là thời điểm thuận lợi để xem xét triển khai đầu tư tàu đã qua sử dụng. Như đã phân tích ở phần giá mua bán tàu, tổng mức đầu tư 16.387.000 USD đối với tàu không quá 15 tuổi là phù hợp đối với thị trường mua bán tàu hiện nay. Việc lựa chọn đầu tư tàu không quá 15 tuổi với mức giá thấp hơn nhiều so với tàu đóng mới tạo lợi thế về chi phí ban đầu cho Gas Shipping trong việc tham gia vận chuyển dầu/hóa chất nhập khẩu và thị trường khai thác quốc tế.

Dự án áp dụng giá cho thuê TC là 12.500 USD/tàu/ngày tương đương 90% giá cho thuê TC bình quân thời hạn 12 tháng trong giai đoạn 2012 - 2020 trên thị trường là phù hợp và có sự thận trọng nhất định. Kết quả tính toán và phân tích hiệu quả kinh tế dự án cho thấy dự án có các chỉ tiêu hiệu quả chứng tỏ dự án đạt được tính khả thi về hiệu quả kinh tế, cụ thể chỉ tiêu của dự án như sau:

- NPV = 1.424.606 USD > 0;
- IRR = 8,97% > i = 7,5%.

Dự án Đầu tư tàu chở dầu/hóa chất có trọng tải khoảng 20.000 DWT của Gas Shipping mang ý nghĩa chiến lược trong việc đa dạng hóa và mở rộng thị

trường vận tải của Công ty trên thị trường quốc tế, góp phần tăng quy mô phương tiện, năng lực vận chuyển của Gas Shipping, đóng góp tích cực cho ngân sách Nhà nước, tạo thêm việc làm cho người lao động và thực hiện đúng nhiệm vụ tăng cường khai thác trên thị trường quốc tế mà Gas Shipping đã được Tổng công ty giao.

Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế kính đề nghị các cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt Báo cáo Nghiên cứu khả thi Dự án đầu tư mua tàu chở dầu/hóa chất để Công ty có thể tiến hành triển khai Dự án trong thời gian sớm nhất.

Trân trọng kính trình./.



PHỤ LỤC:

**DỰ ÁN ĐẦU TƯ MUA TÀU
CHỖ DẦU/HÓA CHẤT SỐ 1 TRỌNG TẢI KHOẢNG 20.000 DWT**

58
TY
IÁN
NF
ĐC
10

PHỤ LỤC 1
TỔNG MỨC ĐẦU TƯ DỰ ÁN
DỰ ÁN ĐẦU TƯ MUA TÀU CHEMICAL SIZE 20.000 DWT

STT	Nội dung	ĐVT	Thành tiền
1	Giá mua tàu đã bao gồm CP lắp đặt hệ thống xử lý nước ballast (*)	USD	15.750.000
2	Thuế nhập khẩu 2% (phân nhóm 8901.20.70 - NĐ122/2016 v/v biểu thuế XNK)	USD	315.000
3	Phí trước bạ 1%*(1+2+4) tối đa 500 triệu đồng (Nghị định 140/2016/NĐ-CP)	USD	22.000
4	Chi phí khảo sát, giám định tàu và giao nhận tàu, kiểm toán quyết toán dự án đầu tư...(*)	USD	300.000
	Tổng giá trị đầu tư chưa VAT	USD	16.387.000
5	Thuế VAT khâu nhập khẩu = 10% * (Giá mua tàu + Thuế NK)	USD	
	TỔNG CỘNG:	USD	16.387.000

(*) Các mục 1,4 tùy theo con tàu được lựa chọn có thể bao gồm trong giá mua tàu hoặc tách riêng thành từng phần

4

PHỤ LỤC 2
THÔNG SỐ TÍNH TOÁN
DỰ ÁN ĐẦU TƯ MUA TÀU CHEMICAL SIZE 20.000 DWT

STT	NỘI DUNG	ĐVT	Giá trị	Ghi chú
I	THÔNG SỐ ĐẦU TƯ			
1	Tổng giá trị đầu tư (bao gồm VAT)	USD	16.387.000	
	Trong đó: Giá trị đầu tư ban đầu (chưa bao gồm VAT)	USD	16.387.000	
	Trong đó: VAT của dự án	USD	0	
2	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư:			
	- Vốn vay NH (70% giá mua tàu)	USD	11.025.000	
	- Vốn chủ sở hữu	USD	5.362.000	
3	Lãi suất vay ngân hàng	%/năm	6,0%	
4	Kỳ trả nợ gốc	kỳ/năm	2	
5	Chi phí chênh lệch tỷ giá gốc vay ngoại tệ	%/năm	2%	
6	Suất chiết khấu dự án	%	7,5%	
7	Tuổi tàu tạm tính	năm	10	
8	Vòng đời khai thác tàu	năm	25	
9	Số năm khai thác	năm	15	
10	Số ngày khai thác trung bình trong năm			
	<i>Dưới 15 tuổi</i>	<i>ngày / năm</i>	348	
	<i>Từ 16 - 20 tuổi</i>	<i>ngày / năm</i>	344	
	<i>Từ 21 - 23 tuổi</i>	<i>ngày / năm</i>	342	
	<i>Từ 24 - 25 tuổi</i>	<i>ngày / năm</i>	335	
	<i>Ngày dừng sửa chữa trong năm có IS/SS</i>	<i>ngày / năm</i>	25 ngày	
11	Thời gian khấu hao	Năm	12	
12	Thuế thu nhập doanh nghiệp	%	20%	
II	DOANH THU			
1	Giá cho thuê định hạn TC (khai thác quốc tế)			
	<i>Dưới 15 tuổi</i>	<i>USD/ngày</i>	12.500	
	<i>Từ 16 - 20 tuổi (giảm 5%)</i>	<i>USD/ngày</i>	11.875	
	<i>Từ 21 - 25 tuổi (giảm 5%)</i>	<i>USD/ngày</i>	11.281	
2	Giá bán thanh lý tàu (380 USD x 5,200 LDT)	USD	1.976.000	
III	CHI PHÍ			
1	Chi phí hoạt động Opex (vật tư, phụ tùng, sửa chữa, thuyền viên, bảo hiểm, ...) khai thác tuyến quốc tế			
	<i>Dưới 15 tuổi</i>	<i>USD/ngày</i>	4.568	<i> bình quân</i>
	<i>Từ 16 - 20 tuổi (tăng 5%)</i>	<i>USD/ngày</i>	4.796	<i> bình quân</i>
	<i>Từ 21 - 25 tuổi (tăng 5%)</i>	<i>USD/ngày</i>	5.036	<i> bình quân</i>
2	Chi phí vốn Capex + Chênh lệch tỷ giá (năm thứ nhất)	USD/ngày	6.050	

PHỤ LỤC 3
TÍNH TOÁN HIỆU QUẢ KINH TẾ DỰ ÁN TÀU HÓA HỌC KÍCH THƯỚC 20.000 DWT

Tuổi đầu	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
Thông số đầu vào																
Năm dự án																
Vốn đầu tư (chưa VAT)	16.887.000															
Vốn đầu tư của CSH	5.362.000															
Vốn vay NH (70% giá mua đầu)	11.025.000															
Tuyến khai thác																
I. DOANH THU																
1.1. Doanh thu khai thác	11.882	11.829	11.829	11.829	11.829	11.829	11.829	11.829	11.829	11.829	11.829	11.829	11.829	11.829	11.829	11.829
1.2. TCE (USD/ngày)	340	355	355	355	355	355	355	355	355	355	355	355	355	355	355	355
1.3. Số ngày khai thác trong năm	380 ngày * 5700 LDT															
1.4. Thu lãi cuối dự án																
II. CHI PHÍ																
2.1. Chi phí Opex (USD/năm)	3.975.416	3.723.416	3.649.416	3.597.416	3.471.416	3.471.416	3.428.776	3.302.776	3.216.151	3.216.151	3.216.151	3.216.151	3.216.151	3.216.151	3.216.151	3.216.151
2.2. Chi phí Capex	1.687.208	1.687.208	1.687.208	1.687.208	1.687.208	1.687.208	1.687.208	1.687.208	1.687.208	1.687.208	1.687.208	1.687.208	1.687.208	1.687.208	1.687.208	1.687.208
2.3. Chi phí Opex (USD/ngày)	4.568	4.568	4.568	4.568	4.568	4.568	4.568	4.568	4.568	4.568	4.568	4.568	4.568	4.568	4.568	4.568
2.4. Chi phí khấu hao	1.365.583	1.365.583	1.365.583	1.365.583	1.365.583	1.365.583	1.365.583	1.365.583	1.365.583	1.365.583	1.365.583	1.365.583	1.365.583	1.365.583	1.365.583	1.365.583
2.5. Chi phí lãi vay	637.875	543.375	448.875	354.375	259.875	165.375	70.875	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.6. Chi phí thành lập và phí USD/VND	204.750	175.250	141.750	110.250	78.750	47.250	15.750	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.7. Chi phí thành lập và phí USD/ngày	5.705	5.359	5.013	4.667	4.321	3.975	3.741	3.741	3.741	3.741	3.741	3.741	3.741	3.741	3.741	3.741
2.8. Phí bảo chi phí quản lý	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000
2.9. Phí bảo chi phí quản lý	87.784	94.915	102.046	109.177	116.308	123.439	130.570	137.701	144.832	151.963	159.094	166.225	173.356	180.487	187.618	194.749
3.1. Thuế TNDN (20%)	13.557	69.983	95.193	120.403	145.613	170.823	196.033	221.243	246.453	271.663	296.873	322.083	347.293	372.503	397.713	422.923
3.2. Thuế TNDN (20%)	54.227	278.932	300.732	322.532	344.332	366.132	387.932	409.732	431.532	453.332	475.132	496.932	518.732	540.532	562.332	584.132
3.3. Thuế TNDN (20%)	149	787	1.043	1.299	1.555	1.811	2.067	2.323	2.579	2.835	3.091	3.347	3.603	3.859	4.115	4.371
III. LỢI NHUẬN SAU THUẾ																
4.1. Lợi nhuận sau thuế	16.387.000	1.787.208	1.787.208	1.787.208	1.787.208	1.787.208	1.787.208	1.787.208	1.787.208	1.787.208	1.787.208	1.787.208	1.787.208	1.787.208	1.787.208	1.787.208
4.2. Chi phí đầu tư ban đầu	2.275.992	2.432.123	2.588.254	2.744.385	2.900.516	3.056.647	3.212.778	3.368.909	3.525.040	3.681.171	3.837.302	3.993.433	4.149.564	4.305.695	4.461.826	4.617.957
4.3. Dòng tiền trước thuế của dự án	(16.387.000)	2.282.436	2.336.946	2.391.456	2.445.966	2.500.476	2.554.986	2.609.496	2.664.006	2.718.516	2.773.026	2.827.536	2.882.046	2.936.556	2.991.066	3.045.576
4.4. Dòng tiền trước thuế của dự án	(16.387.000)	(14.124.564)	(11.762.424)	(9.400.284)	(7.038.144)	(4.676.004)	(2.313.864)	(0.000)	(0.000)	(0.000)	(0.000)	(0.000)	(0.000)	(0.000)	(0.000)	(0.000)
4.5. Tỷ lệ dòng tiền trước thuế chiết khấu	(16.387.000)	2.104.562	2.043.980	1.983.398	1.922.816	1.862.234	1.801.652	1.741.070	1.680.488	1.619.906	1.559.324	1.498.742	1.438.160	1.377.578	1.316.996	1.256.414
4.6. Dòng tiền chiết khấu	(16.387.000)	(14.282.438)	(12.238.438)	(10.194.438)	(8.150.438)	(6.106.438)	(4.062.438)	(2.018.438)	(0.000)	(0.000)	(0.000)	(0.000)	(0.000)	(0.000)	(0.000)	(0.000)
4.7. Tỷ lệ dòng tiền sau chiết khấu	1.424.606															
4.8. Hiện giá dòng tiền sau chiết khấu NPV	8,97%															
4.9. Tỷ suất sinh lời nội bộ của dự án IRR	2,18															
4.10. Hiệu số thu chi (B/C)	11,00															
4.11. Thời gian hoàn vốn chiết khấu																
VI. DÒNG TIỀN CHỦ ĐẦU TƯ																
6.1. Dòng tiền đầu tư của chủ đầu tư	(5.362.000)	49.661	243.765	313.065	382.365	451.665	520.965	590.265	659.565	728.865	798.165	867.465	936.765	1.006.065	1.075.365	1.144.665
6.2. Dòng tiền thuần của chủ đầu tư	(5.362.000)	46.102	210.032	251.994	293.956	345.918	397.880	449.842	501.804	553.766	605.728	657.690	709.652	761.614	813.576	865.538
6.3. Dòng tiền sau chiết khấu	(5.362.000)	(5.315.898)	(5.104.966)	(4.894.034)	(4.683.102)	(4.472.170)	(4.261.238)	(4.050.306)	(3.839.374)	(3.628.442)	(3.417.510)	(3.206.578)	(2.995.646)	(2.784.714)	(2.573.782)	(2.362.850)
6.4. Tỷ lệ dòng tiền sau chiết khấu	2.066.876															
6.5. Hiện giá dòng tiền NPV	11,15%															
6.6. Tỷ suất sinh lời vốn chủ sở hữu ROE	11,76															
6.7. Thời gian EV chiết khấu của CBT																
VII. CÂN ĐỐI THU CHI																
7.1. Tổng nguồn trả nợ	2.262.436	2.362.140	2.461.844	2.561.548	2.661.252	2.760.956	2.860.660	2.960.364	3.060.068	3.159.772	3.259.476	3.359.180	3.458.884	3.558.588	3.658.292	3.757.996
7.2. Tổng nghĩa vụ trả nợ (lãi gốc + lãi)	2.212.875	2.118.375	2.023.875	1.929.375	1.834.875	1.740.375	1.645.875	1.551.375	1.456.875	1.362.375	1.267.875	1.173.375	1.078.875	984.375	889.875	795.375
7.3. Trả nợ gốc (USD/năm)	1.575.000	1.575.000	1.575.000	1.575.000	1.575.000	1.575.000	1.575.000	1.575.000	1.575.000	1.575.000	1.575.000	1.575.000	1.575.000	1.575.000	1.575.000	1.575.000
7.4. Trả nợ lãi suất	11.025.000	9.450.000	7.875.000	6.300.000	4.725.000	3.150.000	1.575.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7.5. Trả nợ gốc cuối kỳ	9.450.000	7.875.000	6.300.000	4.725.000	3.150.000	1.575.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7.6. Lãi suất NH (%năm)	6,00%	6,00%	6,00%	6,00%	6,00%	6,00%	6,00%	6,00%	6,00%	6,00%	6,00%	6,00%	6,00%	6,00%	6,00%	6,00%
7.7. Tỷ lệ tỷ NH	837.875	543.375	448.875	354.375	259.875	165.375	70.875	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7.8. Tỷ lệ tỷ NH	49.561	243.765	313.065	382.365	451.665	520.965	590.265	659.565	728.865	798.165	867.465	936.765	1.006.065	1.075.365	1.144.665	1.213.965

2

C

C

PHỤ LỤC 4
DỰ KIẾN TCE TÀU CHEMICAL SIZE 20,000 DWT

Đơn vị tính: USD

Năm thứ	Thời gian	Số ngày thực hiện	Số ngày offshore sửa chữa	Số ngày offshore T/M	Số ngày vận doanh	Đơn giá cho thuê T/C/ngày	Tổng tiền cho thuê TC	Cảng phí	Chi phí bunker	CP Comm.	CP Nước ngọt	Chi phí khác	Tổng CP khai thác	TCE/Net earning trên ngày vận doanh	TCE tính toán trong dự án
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)-(2)-(3)-(4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)-(10)+...+(14)	(16)-(9)-(15)/(5)
1	Năm thứ nhất: cho thuê T/C; dự kiến dock SS	365	25	0	340	12.500	4.250.000	20.000	41.550	106.250	24.000	15.000	206.800	11.892	11.892
2	Năm thứ hai: cho thuê T/C	365	5	5	355	12.500	4.437.500	20.000	68.232	110.938	24.000	15.000	238.170	11.829	11.829
3	Năm thứ ba: cho thuê T/C	365	5	5	355	12.500	4.437.500	20.000	68.232	110.938	24.000	15.000	238.170	11.829	11.829
4	Năm thứ tư: cho thuê T/C; dự kiến dock IS	365	25	5	335	12.500	4.187.500	20.000	101.472	104.688	24.000	15.000	265.160	11.708	11.708
5	Năm thứ năm: cho thuê T/C	365	5	5	355	12.500	4.437.500	20.000	68.232	110.938	24.000	15.000	238.170	11.829	11.829
6	Năm thứ sáu: cho thuê T/C; dự kiến dock SS	365	25	5	335	11.875	3.978.125	20.000	101.472	99.453	24.000	15.000	259.925	11.099	11.099
7	Năm thứ bảy: cho thuê T/C	365	10	5	350	11.875	4.156.250	20.000	76.542	103.906	24.000	15.000	239.448	11.191	11.191
8	Năm thứ tám: cho thuê T/C	365	10	5	350	11.875	4.156.250	20.000	76.542	103.906	24.000	15.000	239.448	11.191	11.191
9	Năm thứ chín: cho thuê T/C; dự kiến dock IS	365	25	5	335	11.875	3.978.125	20.000	101.472	99.453	24.000	15.000	259.925	11.099	11.099
10	Năm thứ mười: cho thuê T/C	365	10	5	350	11.875	4.156.250	20.000	76.542	103.906	24.000	15.000	239.448	11.191	11.191
11	Năm thứ mười một: cho thuê T/C; dự kiến dock SS	365	25	5	335	11.281	3.779.219	20.000	101.472	94.480	24.000	15.000	254.952	10.520	10.520
12	Năm thứ mười hai: cho thuê T/C	365	15	5	345	11.281	3.892.031	20.000	84.852	97.301	24.000	15.000	241.153	10.582	10.582
13	Năm thứ mười ba: cho thuê T/C	365	15	5	345	11.281	3.892.031	20.000	84.852	97.301	24.000	15.000	241.153	10.582	10.582
14	Năm thứ mười bốn: cho thuê T/C; dự kiến dock IS	365	25	5	335	11.281	3.779.219	20.000	101.472	94.480	24.000	15.000	254.952	10.520	10.520
15	Năm thứ mười lăm: cho thuê T/C; dự kiến thành lý vào cuối năm	365	25	5	335	11.281	3.779.219	20.000	101.472	94.480	24.000	15.000	254.952	10.520	10.520
Tổng 15 năm		5.475	250	70	5.155		61.296.719	300.000	1.254.408	1.532.418	360.000	225.000	3.671.826	11.178	11.172

13

11/11/2011

PHỤ LỤC 5
NGÂN SÁCH HOẠT ĐỘNG TÀU CHEMICAL SIZE 20.000 DWT

Stt	Hạng mục	Ngân sách (USD)			Ghi chú
		Năm	Tháng	Ngày	
1	THUYỀN VIÊN VIỆT NAM	670.024,65	55.835,39	1.835,68	
1,1	Chi phí lương	518.959	43.246,60	1.421,81	22 thuyền viên
1,2	Chi phí thay ca + khác ...	80.000	6.666,67	219,18	
1,3	Chi phí ăn ca	71.066	5.922,13	194,70	8,85USD/người/ ngày x 22 người
2	VẬT TƯ PHỤ TÙNG, SỬA CHỮA & KIỂM ĐỊNH	260.000,00	21.666,67	712,33	
2,1	Vật tư, phụ tùng	170.000,00	14.166,67	465,75	
2,2	Sửa chữa, bảo dưỡng & kiểm định đăng kiểm	90.000,00	7.500,00	246,58	
3	CHI PHÍ SỬA CHỮA LỚN - PHÂN BỐ	300.000,00	25.000,00	821,92	Dock 750k USD/lần
4	THIẾT BỊ AN TOÀN, BẢO HỘ, ẨM PHẨM HÀNG HẢI, CUỘC THÔNG TIN LIÊN LẠC CỦA TÀU	65.850,00	5.487,50	180,41	
4,1	Sửa chữa, Bảo dưỡng: TB an toàn, TBHH, TTLL. Cung cấp bảo hộ lao động & ẩm phẩm HH...	40.850,00	3.404,17	111,92	
4,2	Cước thông tin liên lạc của tàu	25.000,00	2.083,33	68,49	
5	DẦU NHỜN (LO)	150.000,00	12.500,00	410,96	
6	BẢO HIỂM	158.601,00	13.216,75	434,52	
6,1	Thân tàu (H&M)	51.516	4.293,00	141,14	
6,2	Crews	10.560	880,00	28,93	
6,3	P&I	96.525	8.043,75	264,45	
7	PHÍ QUẢN LÝ KT và TM	62.731,91	5.227,66	171,87	
7,1	Phí quản lý kỹ thuật	25.532	3.000,00	100,00	
7,2	Phí liên quan kiểm tra/đánh giá an toàn/đánh giá rủi ro, an ninh và vetting tàu.	31.700	2.642	86,85	
7,3	Phí đào tạo thuyền viên	5.500	458,33	15,07	
7,4	Phí quản lý khai thác thương mại	0,00	0,00		
TỔNG OPEX		1.667.207,56	138.933,96	4.567,69	

PHỤ LỤC 6
PHƯƠNG ÁN TRẢ NỢ NGÂN HÀNG CỦA CÔNG TY

Vốn đầu tư mua tàu: 15.750.000 USD
 Vốn vay ngân hàng: 11.025.000 USD
 Lãi suất năm: 6,0% năm

ĐVT: USD

NĂM	LẦN TRẢ	NỢ GÓC	TRẢ GÓC 1 KỶ	TRẢ LÃI 1 KỶ	GÓC + LÃI TRẢ 1 KỶ	GÓC TRẢ 1 NĂM	LÃI TRẢ 1 NĂM	GÓC + LÃI TRẢ 1 NĂM
1	1	11.025.000	787.500	330.750	1.118.250	1.575.000	637.875	2.212.875
	2	10.237.500	787.500	307.125	1.094.625			
2	3	9.450.000	787.500	283.500	1.071.000	1.575.000	543.375	2.118.375
	4	8.662.500	787.500	259.875	1.047.375			
3	5	7.875.000	787.500	236.250	1.023.750	1.575.000	448.875	2.023.875
	6	7.087.500	787.500	212.625	1.000.125			
4	7	6.300.000	787.500	189.000	976.500	1.575.000	354.375	1.929.375
	8	5.512.500	787.500	165.375	952.875			
5	9	4.725.000	787.500	141.750	929.250	1.575.000	259.875	1.834.875
	10	3.937.500	787.500	118.125	905.625			
6	11	3.150.000	787.500	94.500	882.000	1.575.000	165.375	1.740.375
	12	2.362.500	787.500	70.875	858.375			
7	13	1.575.000	787.500	47.250	834.750	1.575.000	70.875	1.645.875
	14	787.500	787.500	23.625	811.125			
TỔNG CỘNG						11.025.000	2.480.625	13.505.625

CH
PH
T

d

PHỤ LỤC 7
PHÂN TÍCH ĐỘ NHẠY DỰ ÁN

Các chỉ tiêu	Khi giá cho thuê TC thay đổi									
	95%	97%	99%	100%	102%	105%	110%			
NPV	1.424.606 (1.416.287)	(265.682)	863.719	1.424.606	2.558.422	4.301.973	7.322.096			
IRR	8,97%	5,98%	7,22%	8,40%	10,11%	11,80%	14,60%			
NPV (Chú đầu tư)	2.086.816 (754.077)	396.528	1.525.929	2.086.816	3.220.632	4.964.184	7.984.306			
ROE	11,15%	6,19%	8,19%	10,17%	13,14%	16,21%	21,62%			

Các chỉ tiêu	Khi giá cho thuê TC thay đổi									
	95%	97%	99%	100%	102%	105%	110%			
NPV	1.424.606 (547.794)	562.405	1.669.709	2.227.905	3.361.422	5.104.513	8.123.839			
Khi giá mua tài sản thay đổi	94%	(687.445)	424.421	2.094.056	3.227.626	4.970.797	7.990.262			
	96%	(828.709)	286.424	1.401.946	1.960.193	4.837.065	7.856.666			
	97%	(972.311)	148.415	1.268.044	1.826.316	2.959.987	4.703.315			
	98%	(1.119.856)	10.394	1.134.129	1.692.425	2.826.146	4.569.550			
	99%	(1.267.597)	(127.638)	1.000.202	1.558.522	2.692.291	4.435.769			
	100%	(1.416.287)	(265.682)	863.719	1.424.606	2.558.422	4.301.973			

Các chỉ tiêu	Khi giá cho thuê TC thay đổi									
	95%	97%	99%	100%	102%	105%	110%			
IRR	8,97%	6,89%	8,13%	9,33%	11,10%	12,86%	15,78%			
Khi giá mua tài sản thay đổi	94%	6,74%	7,97%	9,17%	10,93%	12,68%	15,58%			
	95%	6,59%	7,82%	9,01%	10,76%	12,49%	15,38%			
	96%	6,44%	7,66%	8,85%	10,59%	12,32%	15,18%			
	97%	6,28%	7,51%	8,70%	10,43%	12,14%	14,98%			
	98%	6,13%	7,37%	8,55%	10,27%	11,97%	14,79%			
	99%	5,98%	7,22%	8,40%	10,11%	11,80%	14,60%			



PHỤ LỤC 8
THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN CỦA TÀU CHEMICAL SIZE 20.000 DWT

STT	Nội dung	Thông số
1	Năm đóng	Từ năm 2009 trở về sau
2	Nơi đóng	Japan / Korea
3	Loại tàu	SBT/IGS/IMO2/IMO3 (Oil-Chemical tanker)
4	Đăng kiểm	IACS
5	Mớn nước	Max. 10 M
6	Trọng tải	Max. 20.000 DWT
7	Dung tích hầm hàng (98%)	~ 21.000 CBM
8	Số hầm hàng	Min. 14
9	Số loại hàng	Min. 8
10	Loại hầm hàng	Stainless steel (Sus 316L)
11	Máy chính	Commonly Type: B&W-STX/ Doosan/ Hyundai; Mishubishi; Akashaka; Kobe.
12	Tốc độ khai thác có hàng	Min 11 Knots

39
NG
P
S
QU
TP

4

PHỤ LỤC 9
BẢNG THỐNG KÊ TC RATE TÀU CHEMICAL SIZE 20.000 DWT

Stt	Năm	USD/ngày
1	2012	13.056
2	2013	13.438
3	2014	14.042
4	2015	15.233
5	2016	15.492
6	2017	13.146
7	2018	12.896
8	2019	13.250
9	2020	13.479
	Trung bình	13.781
	90%	12.500

© Clarkson Research Services Limited 2021

2

PHỤ LỤC 07-2

THÔNG TIN DỰ ÁN ĐẦU TƯ MUA TÀU CHỖ DẦU/HÓA CHẤT SỐ 2 CÓ TRỌNG TẢI KHOẢNG 20.000 DWT.

(Đính kèm Nghị quyết số 02/NQ-VTSPK-DHĐCĐ ngày 08 tháng 04 năm 2021)

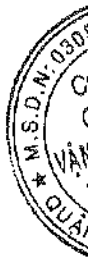
I. Thông tin dự án:

1. Tên dự án: **Dự án Đầu tư mua tàu chở dầu/hóa chất số 2 có trọng tải khoảng 20.000 DWT.**
2. Tên chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (Gas Shipping).
3. Tên đơn vị thực hiện: Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế.
4. Tổng mức đầu tư dự án (bao gồm giá mua tàu, chi phí khảo sát, giám định, nhận tàu, đào tạo, thuế nhập khẩu...): **16.387.000 USD.**
5. Mục đích của dự án: Đầu tư tàu chở dầu/hóa chất để khai thác trên thị trường quốc tế và tham gia vận chuyển nhập khẩu.
6. Phương thức thực hiện dự án: Mua tàu đã qua sử dụng.
7. Phương thức lựa chọn nhà cung cấp: Chào hàng cạnh tranh theo thông lệ quốc tế.
8. Tiến độ thực hiện: **Quý III-IV/2021.**
9. Nguồn vốn cho dự án: Vốn chủ sở hữu và vốn vay.

II. Các chỉ tiêu chính của dự án như sau (cho 01 tàu):

Stt	Chỉ tiêu	USD
1	Tổng vốn đầu tư	16.387.000
	Trong đó: Giá mua tàu	15.750.000
	- Vốn vay	11.025.000
	- Vốn chủ sở hữu	5.362.000
2	TCE năm đầu	11.892
3	Hiệu quả đầu tư của dự án	
	- NPV (i=7,5%)	1.424.606
	- IRR	8,97%
4	Hiệu quả đầu tư của Chủ đầu tư	
	- NPV (i=7,5%)	2.086.816
	- ROE	11,15%

(Chi tiết như Báo cáo nghiên cứu khả thi đính kèm).



[Handwritten signature]

TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI
DỰ ÁN ĐẦU TƯ MUA TÀU CHỖ DẦU/HÓA CHẤT SỐ 2
TRỌNG TẢI KHOẢNG 20.000 DWT

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 4/2021

MỤC LỤC

PHẦN I	4
TỔNG QUÁT VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	4
PHẦN II: THUYẾT MINH DỰ ÁN.....	5
CHƯƠNG I	5
SỰ CẦN THIẾT PHẢI ĐẦU TƯ	5
1. Căn cứ pháp lý:.....	5
2. Sự cần thiết phải đầu tư:	6
3. Mục tiêu của dự án:	6
4. Giới thiệu về Chủ đầu tư:.....	7
4.1. Tóm tắt về Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế:	7
4.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và các chỉ tiêu tài chính:.....	8
CHƯƠNG II.....	10
TỔNG QUAN VỀ THỊ TRƯỜNG VẬN TẢI DẦU/HÓA CHẤT.....	10
I. Thị trường vận tải xăng dầu trong nước:	10
II. Thị trường vận tải dầu/hóa chất quốc tế:	10
III. Thị trường mua/bán tàu và lực chọn phân khúc tàu:.....	13
1. Các tàu đã bán trong khoảng hơn 2 năm gần đây:	13
2. Các tàu đang chào bán:	14
CHƯƠNG III.....	17
KHÁI QUÁT VỀ TÀU DỰ KIẾN ĐẦU TƯ.....	17
I. Loại tàu và trọng tải tàu:	17
II. Nơi đóng:.....	17
III. Tuổi tàu:	17
IV. Đặc tính kỹ thuật:	18
V. Đánh giá tác động của công ước hạn chế khí thải SOx:.....	19
CHƯƠNG IV	20
TỔNG MỨC ĐẦU TƯ - CƠ CẤU NGUỒN VỐN	20
I. Quy mô và hình thức đầu tư tàu:.....	20
II. Tổng mức đầu tư của dự án:	20
III. Nguồn vốn và cơ cấu vốn đầu tư:.....	21

1. Đối với nguồn vốn đối ứng:.....	21
2. Đối với nguồn vốn vay:	21
IV. Khấu hao, giá trị thanh lý tài, thuế thu nhập DN và suất chiết khấu:	22
1. Khấu hao:	22
2. Giá trị thanh lý tài:.....	22
3. Thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%/năm.	23
4. Suất chiết khấu và CLTG của dự án:	23
CHƯƠNG V.....	24
HIỆU QUẢ KINH TẾ CỦA DỰ ÁN.....	24
I. Doanh thu của dự án:.....	24
II. Chi phí của dự án:.....	25
1. Chi phí biến đổi (Variable cost):.....	25
2. Chi phí cố định (Fixed cost):.....	25
III. Tính toán hiệu quả kinh tế của dự án:	26
1. Các thông số đầu vào áp dụng trong tính toán hiệu quả kinh tế của dự án:....	26
2. Hiệu quả kinh tế dự án:.....	27
2.1. Các chỉ tiêu hiệu quả kinh tế:.....	27
2.2. Hệ số trả nợ của dự án:	28
2.3. Đánh giá hiệu quả dự án:	28
3. Đánh giá rủi ro và các biện pháp phòng ngừa rủi ro:.....	28
3.1. Rủi ro về thị trường đầu ra:.....	28
3.2. Rủi ro về giá cước:	29
3.3. Rủi ro về giá tài:	29
3.4. Rủi ro về lãi suất vay vốn:	29
3.5. Rủi ro về tỷ giá:	30
PHẦN III.....	31
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	31

PHẦN I
TỔNG QUÁT VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên dự án: **Dự án Đầu tư mua tàu chở dầu/hóa chất số 2 có trọng tải khoảng 20.000 DWT.**
2. Tên chủ đầu tư: **Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (Gas Shipping).**
3. Tên đơn vị thực hiện: **Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế.**
4. Tổng mức đầu tư dự án (bao gồm giá mua tàu, chi phí khảo sát, giám định, nhận tàu, đào tạo, thuê nhập khẩu...): **16.387.000 USD.**
5. Mục đích của dự án: **Đầu tư tàu chở dầu/hóa chất để khai thác trên thị trường quốc tế và tham gia vận chuyển nhập khẩu.**
6. Phương thức thực hiện dự án: **Mua tàu đã qua sử dụng.**
7. Phương thức lựa chọn nhà cung cấp: **Chào hàng cạnh tranh theo thông lệ quốc tế.**
8. Tiến độ thực hiện: **Quý III-IV/2021.**
9. Nguồn vốn cho dự án: **Vốn chủ sở hữu và vốn vay.**

PHẦN II: THUYẾT MINH DỰ ÁN

CHƯƠNG I SỰ CẦN THIẾT PHẢI ĐẦU TƯ

1. Căn cứ pháp lý:

- Luật Hàng hải số 95/2015/QH13 của Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 25/11/2015;
- Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển;
- Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23/07/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển (có hiệu lực từ ngày 15/09/2020);
- Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01/09/2016 của Chính phủ và Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 sửa đổi bổ sung Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan;
- Quyết định số 1411/QĐ-DKVN ngày 27/3/2020 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn về việc ban hành Quy định phân cấp đầu tư của Tập đoàn DKVN;
- Công văn số 3708/QĐ-KTĐT ngày 31/7/2020 của Tập đoàn về việc thông báo Quyết định về việc sửa đổi, cập nhật tiêu chí phân nhóm đơn vị của QĐ 1411/QĐ-DKVN ngày 27/3/2020 và ban hành Bảng phân nhóm đơn vị;
- Nghị quyết số 305/NQ-DKVN ngày 13/01/2017 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc chấp thuận Chiến lược phát triển đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 và kế hoạch 5 năm giai đoạn 2016 - 2020 của Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí;
- Căn cứ Nghị quyết số 74/QĐ-VTDK-HĐQT ngày 12/12/2019 của HĐQT Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí về việc phê duyệt và ban hành “Quy chế quản lý vốn của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí đầu tư vào doanh nghiệp khác”;
- Căn cứ Công văn số 974/VTDK-KHĐT ngày 28/12/2020 của Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí về việc Chấp thuận Kế hoạch SXKD năm 2021 của Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế;
- Căn cứ Công văn số 99/VTDK-KHĐT ngày 05/02/2021 của Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí về việc Chấp thuận Kế hoạch đầu tư năm 2021 cho Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế;

- Điều lệ hoạt động của Công ty CP Vận tải Sản phẩm khí Quốc Tế;
- Căn cứ nhu cầu thực tế của thị trường và nguồn lực của Gas Shipping năm 2021.

2. Sự cần thiết phải đầu tư:

- Thống kê thị trường cho thấy, giá mua bán tàu chở dầu/hóa chất đang duy trì ở mức gần như thấp nhất trong vòng 10 năm gần đây. Do ảnh hưởng của Đại dịch Covid-19 nên giá tàu đang có xu hướng giảm và đang ở mức thấp như hiện nay là cơ hội để đầu tư góp phần mang lại hiệu quả và giảm thiểu các rủi ro cho Dự án về dài hạn. Giá cước vận chuyển hiện cũng đang ở mức thấp, nhưng đã có xu hướng âm dần lên; đã có rất nhiều nhận định tăng giá là xu hướng ổn định trong các năm tiếp theo. Đầu tư mua tàu tại vùng giá đáy - tương ứng với chi phí đầu tư ban đầu và fixcost thấp, khai thác tàu trong giai đoạn cước phục hồi và ổn định sẽ luôn được xem là thời điểm thuận lợi nhất để triển khai dự án đầu tư tàu đã qua sử dụng. Với một đội ngũ nhân sự có hơn 10 năm kinh nghiệm, hiện đang quản lý và khai thác 6 tàu định áp vận tải LPG với hiệu quả kinh tế cao liên tục trong những năm qua, chi phí quản lý và vận hành khai thác tàu chở dầu/hóa chất do Gas Shipping đầu tư phát sinh không lớn và chắc chắn sẽ có tính cạnh tranh so với các đơn vị khác khi cùng tiến vào lĩnh vực kinh doanh này.

- Qua những nghiên cứu, phân tích trên đây cho thấy nhu cầu về vận tải dầu/hóa chất trong nước và quốc tế là rất lớn. Việc đầu tư tàu sẽ góp phần nâng cao thị phần dịch vụ dầu khí của Công ty Gas Shipping tại thị trường trong nước và Quốc tế cùng với nguồn vốn đối ứng hiện có, Gas Shipping nhận thấy việc đầu tư tàu chở dầu/hóa chất với trọng tải khoảng 20.000 DWT là thật sự cần thiết, phù hợp với khả năng tài chính của đơn vị và tình hình thực tế của thị trường khai thác, nhằm giúp Công ty đa dạng và trẻ hóa Đội tàu, duy trì sự ổn định và phát triển hoạt động SXKD. Loại tàu dầu/hóa chất (oil/chemical tanker) trọng tải khoảng 20.000 DWT vừa phù hợp với chiến lược phát triển của PVTrans vừa phù hợp với nhu cầu vận chuyển cho các nhà máy lọc hóa dầu của PVN trong thời gian tới. Bên cạnh đó, size tàu dầu/hóa chất khoảng 20.000 DWT đang dần khẳng định vị thế do thuận lợi trong khai thác Quốc tế bởi tính linh hoạt trong size hàng, lịch trình.

3. Mục tiêu của dự án:

Mục tiêu của dự án là tranh thủ thời điểm thị trường thuận lợi hiện nay để đầu tư tàu chở dầu/hóa chất có trọng tải khoảng 20.000 DWT, khai thác trên thị trường quốc tế và tham gia vận chuyển ở Việt Nam cho các đơn vị trong và ngoài ngành (theo nguyên tắc lựa chọn ưu tiên phương án hiệu quả hơn). Dự án mang lại hiệu quả kinh tế cho chủ đầu tư, đồng thời tạo bước phát triển về quy mô vốn, tài sản cũng như năng lực phương tiện vận tải, đa dạng hóa loại tàu, tăng năng lực cạnh tranh, nhằm giữ vững vai trò và vị thế chủ đạo của Gas Shipping tại thị

trường trong nước, xây dựng và phát triển thương hiệu PV Trans/Gas Shipping trên thị trường quốc tế.

4. Giới thiệu về Chủ đầu tư:

4.1. Tóm tắt về Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế:

- Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (Gas Shipping) là đơn vị thành viên của Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PV Trans), được thành lập vào ngày 24/12/2007 và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/01/2008. Trụ sở chính: Tầng 9, Toà nhà Green Power, Số 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Lĩnh vực hoạt động chính: Kinh doanh dịch vụ vận tải sản phẩm khí/hóa chất bằng đường biển, thủy nội địa; kinh doanh và vận tải LPG bằng xe bồn.

- Năng lực vận chuyển bằng tàu: Khai thác đội tàu chuyên dụng vận tải LPG (Loại định áp - Pressurized) mang quốc tịch Việt Nam, gồm 06 tàu có sức chở từ 1.800 - 5.000 CBM, tương đương tổng sức chở gần 20.000 CBM.

- Trong giai đoạn 2008 - 2019, với vai trò đầu mối vận tải LPG tại thị trường nội địa, Gas Shipping đã đáp ứng kịp thời các yêu cầu của khách hàng, đảm bảo vận chuyển an toàn trên 7.610 chuyến tàu, tương đương khoảng trên 8,17 triệu tấn sản phẩm khí; đã hỗ trợ đắc lực cho Công ty Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR) và Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí (PV Gas Trading), Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn (NSRP), cũng như các khách hàng trong và ngoài nước khác trong công tác phân phối, kinh doanh sản phẩm LPG.

- Bên cạnh thị trường trong nước, trong thời gian qua Gas Shipping cũng tiếp tục mở rộng khai thác tàu trên thị trường quốc tế bằng việc đàm phán và ký hợp đồng vận chuyển với các khách hàng lớn và uy tín như Marubeni (Japan), Daelim (S.Korea), Itochu (Singapore), Petronas (Malaysia),... Địa bàn hoạt động thường xuyên cũng được mở rộng ra ngoài khu vực Đông Nam Á, đến các nước thuộc khu vực Đông Bắc Á như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan và Nam Trung Quốc... Các loại hình vận tải cũng được mở rộng và đa dạng hóa, từ hình thức cho thuê tàu Time charter, đến hình thức cho thuê theo hợp đồng COA và chạy spot.

- Có các Hệ thống quản lý an toàn lao động hàng hải, Hệ thống quản lý chất lượng hoàn chỉnh, được duy trì và cải tiến thường xuyên. Đội tàu của Gas Shipping đã có sire vetting của Total, Enoc, Petronas, PVN, Idemitsu,... đáp ứng yêu cầu của các khách hàng trong nước và quốc tế.

- Có bộ máy tinh gọn, đội ngũ CBCNV, thuyền viên có trình độ và kinh nghiệm trong lĩnh vực hàng hải, có tinh thần đoàn kết, luôn cố gắng nỗ lực để hoàn thành các nhiệm vụ được giao. Công tác quản lý từng bước hoàn thiện và nâng cao trong quá trình hoạt động.

4.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và các chỉ tiêu tài chính:

Sau hơn 12 năm đi vào hoạt động, Gas Shipping đã chứng tỏ là một đơn vị hoạt động hiệu quả và có những bước tiến vượt bậc. Tình hình tài chính của Công ty 5 năm gần đây, 2016 - 2020 được thể hiện qua các số liệu sau:

BIỂU 1 – KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH 05 NĂM GẦN NHẤT

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Doanh thu	1.140,41	1.291,86	1.550,25	1.408,24	1.567,63
2	Lợi nhuận trước thuế	56,60	65,03	80,17	65,68	75,18
3	Tổng tài sản	493,09	511,54	690,50	902,52	877,25
4	Vốn chủ sở hữu, trong đó:	376,89	387,64	403,61	452,20	461,73
	Vốn điều lệ	300,00	300,00	300,00	360,00	360,00

Trong giai đoạn 2008 - 2020, với vai trò đầu mối vận tải LPG tại thị trường nội địa, Gas Shipping đã đáp ứng kịp thời các yêu cầu của khách hàng, đảm bảo vận chuyển an toàn; đã hỗ trợ đắc lực cho Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR) và Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí (PV Gas Trading), Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn (NSRP), cũng như các khách hàng khác trong công tác xuất nhập khẩu, phân phối, kinh doanh sản phẩm LPG.

Bên cạnh thị trường nội địa, Gas Shipping tiếp tục mở rộng khai thác tàu trên thị trường quốc tế bằng việc tìm kiếm, đàm phán và ký hợp đồng vận chuyển với các khách hàng lớn và uy tín. Khu vực hoạt động cũng được mở rộng ra ngoài khu vực Đông Nam Á, đến các nước thuộc khu vực Đông Bắc Á như Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, và Bangladesh - Ấn Độ,... Các loại hình vận tải cũng được mở rộng và đa dạng hóa, từ hình thức cho thuê tàu Time charter, đến hình thức cho thuê theo hợp đồng COA và chạy spot cho các Chủ hàng lớn như Itochu, E1, Petredec, Daelim, Petronas, Marubeni....

Năng lực tài chính lành mạnh, hoạt động kinh doanh tăng trưởng bền vững đã cho thấy năng lực quản lý quản trị tốt của Công ty trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty cũng đã niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán từ năm 2012, qua đó vừa tăng thêm sự minh bạch tài chính vừa mang lại khả năng huy động vốn đa dạng cho công ty.

Sau hơn 13 năm đi vào hoạt động, Gas Shipping đã chứng tỏ là một đơn vị hoạt động hiệu quả. Trong giai đoạn khó khăn của thị trường vận tải vừa qua, Gas Shipping là một trong số ít công ty có kết quả kinh doanh tốt, cao hơn mức

d

bình quân của các công ty vận tải hàng lỏng hiện nay. Cụ thể, Công ty cũng đã vinh dự liên tục lọt vào Top 10 Công ty uy tín ngành Vận tải và Logistics trong năm 2019 và năm 2020.

Nhìn lại chặng đường phát triển và nguồn lực đã tích lũy được, Gas Shipping cho thấy tính khả thi cao trong việc đột phá đầu tư, quản lý khai thác lĩnh vực tàu chở dầu/hóa chất, từng bước đưa Công ty gia tăng về quy mô, phát triển thị trường, đa dạng về loại hình cung cấp dịch vụ vận tải nhưng vẫn đảm bảo bảo toàn và phát triển vốn.

CHƯƠNG II

TỔNG QUAN VỀ THỊ TRƯỜNG VẬN TẢI DẦU/HÓA CHẤT

I. Thị trường vận tải xăng dầu trong nước:

Tính đến thời điểm hiện tại, trong nước có 02 nhà máy lọc hóa dầu đã đi vào hoạt động và tạo ra thị trường vận chuyển xăng dầu tương đối ổn định cho Tổng công ty PVTrans và các đơn vị thành viên trong suốt thời gian qua:

+ Nhà máy lọc dầu (NMLD) Dung Quất hoạt động ổn định từ năm 2010 với công suất 6.5 triệu tấn sản phẩm/năm (khoảng 90% sản phẩm là xăng dầu; còn lại là LPG, hạt nhựa...). Sản lượng xăng dầu sản xuất từ NMLD Dung Quất đáp ứng được một phần nhu cầu tiêu thụ trong nước. Dự kiến NMLD Dung Quất sẽ nâng cấp mở rộng lên 10 triệu tấn/năm trong thời gian sắp tới.

+ NMLHD Nghi Sơn đã vận hành chính thức từ cuối năm 2018, với công suất khoảng 9 triệu m³ sản phẩm xăng dầu/năm, sau đó sẽ phát triển mở rộng lên 12 triệu m³/năm vào năm 2023. Theo các đánh giá, với công suất sản xuất dự kiến và hệ thống cầu cảng xuất hàng như hiện nay, để đảm bảo hệ số chiếm bến tối ưu ở mức an toàn (55%) thì yêu cầu tần suất dùng tàu dung tích lớn (size > 15,000m³) để nhận hàng của các đầu mối sẽ tăng lên và phương án chuyển hàng gửi kho để tránh tank-top cho NMLHD Nghi Sơn là cần thiết. Trong trường hợp việc gửi kho gặp khó khăn (kho bồn không còn sức chứa, sức mua giảm, việc rút hàng gửi kho chậm, ...) thì phương án xuất khẩu xăng dầu cũng đã được PVNDB (Chi nhánh Phân phối Sản phẩm lọc dầu Nghi Sơn của Tập đoàn) tính toán và đây cũng là cơ hội lớn khác cho PVTrans/Gas Shipping tham gia vận chuyển xăng dầu xuất khẩu khi có nhu cầu.

Như vậy, trong thời gian tới dự báo thị trường vận tải xăng dầu trong nước sẽ trở nên sôi động và đòi hỏi số lượng tàu tham gia vận tải nhiều hơn, các size hàng nhỏ (dưới 10,000 m³) dự báo cũng sẽ ít xuất hiện, thay vào đó là các size hàng lớn hơn để tiết kiệm chi phí, tỷ trọng các NMLD/NMLHD cho ra đời sản phẩm hóa chất cũng sẽ có xu hướng tăng lên.

II. Thị trường vận tải dầu/hóa chất quốc tế:

Theo nhận định của các nhà môi giới lớn, các chuyên gia kinh tế hàng đầu, vòng quay thị trường vận tải biển thường kéo dài khoảng 10 năm. Sau thời gian đạt cực thịnh vào các năm 2006 - 2007, giá cước/giá thuê tàu trời sụt dưới đáy các năm sau đó, đến nay thị trường vận tải biển nói chung và thị trường vận tải hàng lỏng nói riêng đã có dấu hiệu dần cải thiện, hồi phục. Một trong những nhân tố tác động tích cực lên thị trường vận tải biển đó là “cung - cầu” số lượng tàu dần lấy lại tình trạng cân bằng. Số lượng lớn các tàu cũ dần không còn phù hợp dẫn tới bị thị trường đào thải và phải phá dỡ. Các đơn đóng mới xuất hiện không nhiều

nên đã giảm đáng kể tình trạng dư thừa “cung” tàu, số lượng tàu đóng mới đưa vào khai thác trong năm 2020 chỉ là 34 tàu thay vì từ 58 - 107 tàu/năm trong giai đoạn 2017 - 2019. Bên cạnh đó, theo dự báo của Clarksons thì nhu cầu vận chuyển các sản phẩm hóa chất bằng đường biển năm 2021 là 325 triệu tấn, tăng 13 triệu tấn, tương đương 4% so với năm 2020. Ngoài ra, khối lượng hàng hóa luân chuyển bằng đường biển (Tonne miles) đối với tàu hóa chất trong năm 2021 cũng được dự báo là 1.343 tỷ tấn hải lý, tăng 4,2% so với năm 2020, việc này cũng dẫn đến phát sinh nhu cầu sử dụng đối với loại tàu này trên thị trường. Các tuyến hàng xung quanh khu vực Trung Đông, Đông Nam Á, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản cũng đã dần nhộn nhịp trở lại và tập trung nhiều vào các tàu dầu/hóa chất (oil/chemical tanker), phổ biến là các tàu có trọng tải khoảng 20.000 DWT.

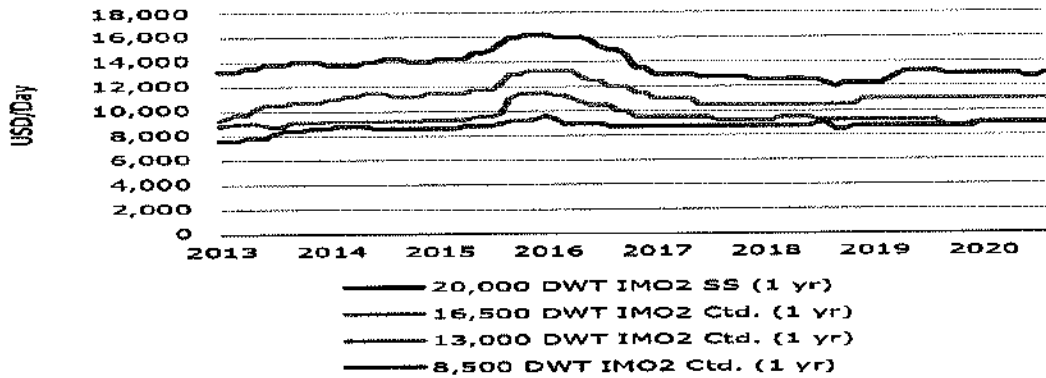
Trong phân khúc tàu dầu/hóa chất có trọng tải khoảng 20.000 DWT, giá cước tàu vận chuyển hóa chất luôn ở mức cao hơn so với vận chuyển xăng dầu và tương đối ổn định. Theo các báo cáo thị trường gần nhất, mặc dù ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 làm mất cân bằng cung - cầu dẫn đến việc giá cước/giá thuê tàu vận chuyển một số mặt hàng có dấu hiệu suy giảm mạnh. Tuy nhiên, do các loại hóa chất là mặt hàng chuyên biệt dành cho công nghiệp, cộng với kiểu thiết kế tàu mang tính đặc chủng chuyên dùng, có thể kết hợp vận chuyển đa dạng nhiều loại hàng hóa, nên trên thực tế thị trường vận chuyển dầu/hóa chất vẫn duy trì được sự ổn định nhất định, đặc biệt đối với các tàu có trọng tải khoảng 20.000 DWT.

Đối với thị trường khai thác chuyên (Spot): Do là dạng tàu dầu/hóa chất nên có nhiều sự lựa chọn mặt hàng chuyên chở. Từ khu vực Trung Đông, một trong những trung tâm dầu khí của thế giới, luôn có nhu cầu thuê tàu vận chuyển các lô hàng dầu sản phẩm (clean petroleum product) kết hợp hóa chất (chemical) như Paraxylene/Orthoxylene/ Methanol/Ethanol/Benzen/MTBE/Base Oil... chạy theo chuyên khối lượng khoảng 20.000 tấn trong nội bộ khu vực hoặc xuất đi Biển Đỏ (Red Sea), Đông Phi (East Africa). Đối với tuyến hàng hóa chất xuất từ Vùng Vịnh về phía Đông (Ấn Độ/Đông Nam Á) thì chiều ngược lại luôn có các mặt hàng để đưa tàu ngược trở lại như dầu cọ (palm) từ Indonesia, hoặc dầu sản phẩm từ Singapore/Thailand đi Ấn Độ/Maldives.

Đối với thị trường cho thuê định hạn (T/C): Theo các báo cáo của Maersk Brokers thì giá cho thuê định hạn bình quân của size tàu dầu/hóa chất khoảng 20.000 DWT IMO2 Stainless Steel trên thị trường đvào khoảng 13.000 USD/ngày cho thời hạn 01 năm, 13.500 USD/ngày cho thời hạn 03 năm, 13.750 USD/ngày cho thời hạn 05 năm, cho thấy thị trường này có xu hướng tích cực trong thời gian tới.

11/20
13/20
14/20
15/20
16/20
17/20
18/20
19/20
20/20
21/20
22/20
23/20
24/20
25/20
26/20
27/20
28/20
29/20
30/20

TIME CHARTER RATES (USD/DAY)			
	1 YEAR	3 YEARS	8 YEARS
20,000 DWT IMO2 SS	13,000	13,500	13,750
16,500 DWT IMO2 Ctd.	11,000	11,500	11,750
13,000 DWT IMO2 Ctd.	9,000	9,750	10,250
12,500 DWT IMO2 SS	11,000	11,750	12,000
8,500 DWT IMO2 Ctd.	9,000	9,500	9,750
6,000 DWT IMO2 Ctd.	8,000	8,250	8,750
3,500 DWT IMO2 Ctd.	6,000	6,500	6,750



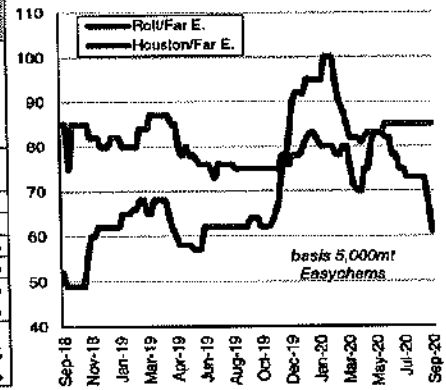
(Nguồn Maersk Brokers)

Theo báo cáo của Clarksons Research thì giá cước cho thuê T/C thời hạn 12 tháng đối với tàu dầu/hóa chất size 19.999 DWT Stainless Steel bình quân trong năm 2020 là 13.479 USD/ngày, tăng 5% so với mức bình quân năm 2018 (12.896 USD/ngày) và tăng 2% so với mức bình quân năm 2019 (13.250 USD/ngày). Cũng theo số liệu thống kê của Clarksons Research, giá cho thuê T/C thời hạn 12 tháng bình quân trong giai đoạn 2012 - 2020 là 13.781 USD/ngày, như vậy có thể nhận thấy thị trường giá cước cho thuê loại tàu này là khá ổn định.

Chemicals Markets...	Average		2020		Chem Market	
	2018	2019	Jul	Aug	11 Sep	Trends...
Voyage Rates (\$/mt)						
10,000 Gulf/WC India	27.12	28.07	25.00	24.00	23.00	SOFTER... -4%
15,000 Gulf/Ulsan	41.78	42.55	40.40	39.25	39.00	STEADY... -1%
15,000 Gulf/Med	49.07	50.20	53.20	56.75	52.00	WEAKER... -8%
15,000 Gulf/Rott.	52.29	53.98	66.00	60.25	56.00	SOFTER... -7%
5,000 Rott/Houston	35.15	35.76	37.40	38.00	36.00	STEADY... 0%
10,000 Rott/Houston	30.65	30.95	32.20	30.00	31.00	FIRM... 3%
5,000 Rott/Ulsan	87.86	79.60	85.00	85.00	85.00	STEADY... 0%
5,000 Singapore/Rott	79.92	73.58	69.20	87.25	67.00	STEADY... 0%
1,000- Sing./Houston	133.62	133.96	136.00	136.00	136.00	STEADY... 1%
12,000 Ulsan/Houston	44.94	51.39	47.70	47.00	51.50	FIRMER... 10%
5,000 Houston/Rott	47.88	52.35	50.20	52.50	50.00	SOFTER... -5%
5,000 Houston/Ulsan	56.84	64.80	74.80	73.00	61.00	WEAKER... -16%
12 mths TC, \$/day						
13,000 dwt IMO II	9,042	8,396	8,250	8,250	8,250	STEADY... 0%
19,999 dwt SS	12,896	13,227	13,250	13,250	13,250	STEADY... 0%

Easychems except for: - Stainless Steel.

Chemical Freight Rates, \$/mt



(Nguồn Clarksons)

Ngoài ra, theo các thông tin của các Đơn vị thành viên trong Tổng công ty đang khai thác dịch vụ vận tải dầu/hóa chất trên thị trường quốc tế, có điều kiện trao đổi làm việc trực tiếp với các kênh môi giới/khách hàng thuê tàu (Ultrana, Fairfield, MOL Chemical Tankers, GSB Tankers, AET, SeaStar, Jaldhi...) thì doanh thu ngày tàu (TCE) của size tàu khoảng 20.000 DWT IMO Stainless Steel trong trường hợp khai thác Spot đang dao động khoảng 13.000 - 14.000 USD/ngày tùy theo từng tuyến, giá này có thể cao hơn tùy vào địa điểm giao/trả tàu và từng con tàu cụ thể (giá cho thuê định hạn áp dụng trong giai đoạn Covid-19 đối với tàu tương đương PV Trans đang cho thuê hiện nay là 12.550 USD/ngày). Nhu cầu thuê tàu vận chuyển dầu/hóa chất trọng tải khoảng 20.000 DWT vẫn đang xuất hiện trên thị trường vào thời điểm hiện nay. Đối với các size tàu dầu/hóa chất có trọng tải lớn hơn (khoảng 25.000 DWT), qua thông tin thị trường tàu Beatrice (25.932 DWT, đóng Nhật Bản năm 2013, IMO, S/S) và tàu Clarice (25.926 DWT, đóng Nhật Bản năm 2014, IMO, S/S) vừa chốt cho Womar thuê định hạn 1 năm + 1 năm với giá cho thuê vào khoảng 14.500 USD/ngày.

Kết quả nghiên cứu thị trường quốc tế cho thấy nhu cầu đối với phân khúc size tàu dầu/hóa chất khoảng 20.000 DWT khá đa dạng, giá cho thuê luôn cao hơn so với mặt bằng các tàu vận tải dầu sản phẩm cùng loại và có tính ổn định cao hơn, tàu sau khi đầu tư sẽ dễ tìm kiếm khách hàng để đưa vào khai thác ngay sau khi được bàn giao. Vì vậy, việc đầu tư tàu dầu/hóa chất khoảng 20.000 DWT để tham gia thị trường vận chuyển quốc tế là phù hợp.

III. Thị trường mua/bán tàu và lựa chọn phân khúc tàu:

Dưới đây là thông tin thị trường nhận được từ các Brokers (Maersk, Clarksons, Fearnleys, SSY, EA Gibson, Sunscot Hongkong) về các giao dịch gần nhất. Tuy nhiên giá chào, giá mua bán dưới đây chỉ để tham khảo, giá chính xác thì tùy thời điểm chào tàu, thời điểm giao dịch giữa người mua và người bán.

1. Các tàu đã bán trong khoảng hơn 2 năm gần đây:

STT	Tên tàu	Năm đóng	DWT	Shipyard	Giá bán Tr USD	Thời gian bán
1.	Bunga Lotus	2012	19.992	Fukuoka	32 enbloc	09/2019
2.	Bunga Lucerne	2012	19.990	Fukuoka		
3.	ST Aqua	2006	23.322	Kurinoura	12	06/2018
4.	Chembulk Kings Point	2008	19.928	Kitanihon	13,7	03/2018
5.	Fairchem Yuka	2010	19.960	Usuki	18,5	04/2018
6.	Chemstar Seven	2005	19.870	Fukuoka	12,25	04/2018
7.	FSL Tokyo	2006	20.938	Shin Kurushima	13,8	01/2018
8.	Chembulk Tortola	2007	20.809	Kitanihon	9,2	09/2020
9.	Chembulk Singapore	2007	19.800	Kitanihon	8,5	09/2020

10.	Southern Jaguar	2009	19.997	Fukuoka	14	11/2019
11.	Southern Ibis	2009	19.905	Fukuoka	14	02/2020
12.	Arabian Orchid	2007	19.984	Fukuoka	14	01/2018
13.	Chembulk Jakarta	2009	19.935	Kitanihon Jpn	10,8	10/2020
14.	Mid Fortune	2009	19.945	Fukuoka	13,3	02/2021
Trung bình					13,1	

2. Các tàu đang chào bán:

Stt	Tên tàu	Năm đóng	DWT	Shipyards	Giá chào tham khảo (triệu USD)	Ghi chú
1.	FSL London	09/2006	19.966	Usuki	<10	Đã chào từ 2018 nhưng chưa có giao dịch mua bán.
2.	FSL New York	09/2006	19.970	Usuki	<10	
3.	As Orelia	01/2008	19.971	Usuki	13,3	
4.	As Omaria	11/2007	19.974	Usuki	12,3	
5.	As Olivia	07/2007	19.981	Usuki	12,3	
6.	Octaden	06/2007	19.983	Usuki	12,3	
7.	Lime Galaxy	12/2008	19.992	Usuki	10,2	
8.	Beech Galaxy	01/2007	19.998	Usuki	9,5	
9.	GT Star	01/2012	19.956	Usuki	17,5	
10.	Crimson Ray	07/2007	19.983	Fukuoka	16,2	
11.	Vale	11/2008	19.997	Sekwang, Korea	< 9	
12.	Volante	08/2008	19.998	Sekwang, Korea	< 9	
13.	Chem Bulldog	09/2010	21.006	Imabari	15	
14.	Southern Koala	06/2010	21.290	Imabari	15	
Giá chào trung bình khoảng 20.000 DWT khoảng 10 tuổi					15	

(Nguồn: tổng hợp)

Nhìn chung dòng tàu dầu/hóa chất khoảng 20.000 DWT có thị trường hoạt động ổn định, giá cước ít biến động, đa số các tàu có hợp đồng T/C dài hạn chở hóa chất (Acid Sunfurid, Ethanol...) cho các nhà máy sản xuất toàn thế giới. Dòng tàu này có biên độ cước thay đổi so với mức cước bình quân chỉ khoảng $\pm 10 - 17\%$ là mức biên độ biến đổi thấp nhất trong thị trường tàu tanker trong suốt 8 năm qua trên thị trường quốc tế. Tuy nhiên, do là những thị trường hẹp, mang tính đặc thù cao, đa phần Chủ tàu là Nhật Bản bảo hộ thị trường đặc thù từ khâu kiểm soát lượng tàu đóng mới ra thị trường nên hạn chế lớn nhất là số lượng tàu chào bán trên thị trường rất ít nên cơ hội cho người mua không nhiều.

Điểm lưu ý về mặt kỹ thuật của dự án này theo thông tin thị trường mua bán do các hãng môi giới uy tín cung cấp từ giai đoạn năm 2020 về trước, thì từ năm 2018 đến nay có khoảng 10 tàu khoảng 20.000 DWT đóng tại Usuki Shipyards

Cơ đã và đang chào bán nhưng rất ít người mua, chỉ có 3 giao dịch thực hiện thành công với tàu 10 – 11 tuổi, tất cả các giao dịch còn lại đều là các tàu không đóng tại Usuki. Qua khảo sát thực tế một vài tàu đóng tại Usuki vào giữa năm 2019 và tìm hiểu thêm về các thông tin này qua các hãng môi giới, được biết một số tàu khoảng 20.000 DWT đóng tại Usuki Shipyard giai đoạn 2006 - 2008 (12 – 14 tuổi) đã xảy ra tình trạng gãy vận thân vỏ tàu nên khó tìm được người mua. Hiện có 08 tàu đóng tại Usuki từ 12 – 14 tuổi vẫn đang chào bán trên thị trường với giá chào thấp hơn suốt 02 năm qua nhưng vẫn không có người mua. Do đó, để đảm bảo lựa chọn được tàu có tình trạng kỹ thuật tốt, chất lượng phù hợp với Dự án, công ty sẽ loại 09 tàu đóng tại Usuki, Nhật bản.

Theo thống kê của Clarksons, thì giá bán bình quân trong giai đoạn 2011 - 2020 đối với tàu Chemical Tanker Stainless Steel 19.999 DWT Resale là 32,19 triệu USD, còn đối với tàu Secondhand 5 tuổi là 22,85 triệu USD. Còn theo thống kê của Maersk Brokers, giá bán tàu dầu/hóa chất khoảng 20.000 DWT IMO2 Stainless Steel đóng mới đến 15 tuổi được thống kê như sau:

	VESSEL PRICES (USD MILL.)			
	NEWBUILD	SECOND-HAND		
		5 YEARS	10 YEARS	15 YEARS
25,000 DWT IMO2 SS	42.0	30.0	21.0	16.0
20,000 DWT IMO2 SS	33.0	22.0	14.0	10.0
16,500 DWT IMO2 Ctd.	24.0	18.0	11.0	8.5
13,000 DWT IMO2 Ctd.	22.0	12.0	8.5	5.0
12,500 DWT IMO2 SS	26.5	16.5	9.5	7.0
8,500 DWT IMO2 Ctd.	19.0	11.0	7.5	5.0
6,000 DWT IMO2 Ctd.	13.0	8.5	6.5	5.0
3,500 DWT IMO2 Ctd.	9.5	7.0	5.0	3.7

Nguồn: Maersk Brokers

Theo thông lệ, tất cả giá tàu nêu trên đều là giá do các Broker cung cấp để tham khảo, giá chào chính thức Chủ tàu chỉ đưa ra sau khi Người mua quan tâm và đã tiến hành kiểm tra tàu. Mặt khác, trong đánh giá hiệu quả kinh tế của dự án thì giá mua tàu là yếu tố chính cấu thành tổng mức đầu tư nhưng ngoài ra còn nhiều yếu tố khác như thời gian nhận tàu trước/sau dock, lắp/chưa lắp hệ thống BWTS, điểm nhận tàu gần/xa so với thị trường đầu ra của Công ty. Vì vậy việc xây dựng giá mua tàu theo từng phân khúc tuổi trong cấu thành của TMĐT tại BCNCKT này chỉ mang tính tương đối và khi đánh giá hiệu quả chung sẽ đánh giá trên tiêu chí TMĐT cuối cùng. Sau khi loại trừ 09 tàu đóng tại Usuki, Nhật bản, sáu (06) tàu còn lại có mức giá từ 9 – 16,2 triệu USD, cũng như theo thống kê giá tàu trung bình đã giao dịch thành công nêu trên, để đảm bảo tính thận trọng, dự phòng giá tàu biến động và mở ra cơ hội lựa chọn mua được tàu trẻ tốt hơn,

nên lựa chọn tàu dầu/hóa chất khoảng 20.000 DWT khoảng 10 tuổi với mức giá khoảng 15.75 triệu USD.

Như vậy, phân khúc và giá tàu dự kiến đầu tư: *Tàu dầu/hóa chất loại Stainless Steel có trọng tải khoảng 20.000 DWT (19.000 – 24.999 DWT) xuất xứ tại Nhật Bản/Hàn Quốc/EU khoảng 10 tuổi với mức giá 15 – 16 triệu USD.*

CHƯƠNG III

KHÁI QUÁT VỀ TÀU DỰ KIẾN ĐẦU TƯ

I. Loại tàu và trọng tải tàu:

Tàu chở dầu sản phẩm thông thường (CPP):

- Ưu điểm: Giá đầu tư ban đầu thấp, chi phí vận hành thấp hơn so với tàu chở hóa chất;
- Nhược điểm: Không chở được đa dạng mặt hàng nên giảm khả năng khai thác, giá thuê T/C thấp.

Tàu chở hóa chất (IMO 2,3):

- Ưu điểm: Chở được nhiều loại hàng, khả năng khai thác cao, giá cho thuê cao hơn so với tàu chở dầu (CPP).
- Nhược điểm: Giá đầu tư ban đầu cao, chi phí vận hành, bảo dưỡng cao hơn tàu chở CPP. Nếu dùng tàu hóa chất để chở dầu thì tốc độ trả hàng chậm do sử dụng nhiều bơm chìm và có nhiều hầm hàng.

Sau khi xem xét ưu, nhược điểm của 2 loại tàu, trên cơ sở tàu hóa chất có thể đa dạng hóa nguồn hàng phù hợp với nhiều thị trường khác nhau, sau khi đầu tư có thể khai thác được ngay, mặt khác xu hướng các nhà máy lọc dầu sau này cũng sẽ cho ra nhiều sản phẩm hóa dầu, **loại tàu chở hóa chất (IMO 2,3) sẽ được đề xuất lựa chọn.**

II. Nơi đóng:

Tàu đóng tại Trung Quốc: Mặc dù có giá thành thấp hơn các tàu đóng ở Nhật Bản/Hàn Quốc/Châu Âu... nhưng chất lượng thấp, tình trạng kỹ thuật kém, thường hay hỏng hóc bất thường làm chi phí sửa chữa, bảo dưỡng, cung cấp vật tư có thể tăng lên đáng kể và khó dự báo trước được.

Tàu đóng ở Châu Âu: Chất lượng thiết bị có độ tin cậy cao, tuy nhiên giá thành cao, thiết bị lắp ráp trên tàu khi bị hư hỏng rất khó sửa chữa, thay mới với chi phí cao.

Tàu đóng ở Nhật Bản/Hàn Quốc: Chất lượng tàu tốt, thuận tiện cho việc vận hành khai thác, bảo dưỡng và sửa chữa, giá cả phù hợp.

Từ các phân tích trên, đề xuất lựa chọn tàu đóng ở Nhật Bản/Hàn Quốc/EU.

III. Tuổi tàu:

Tuổi tàu của Dự án tại BCNCKT này đề xuất đáp ứng điều kiện theo đúng quy định hiện hành của nhà nước (Bộ luật Hàng hải 2015, Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ban hành ngày 27/12/2016 và Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23/07/2020).

L

IV. Đặc tính kỹ thuật:

Hiện tại, trên thị trường có 02 loại tàu dầu/hóa chất với hầm hàng Coated và Stainless steel. So sánh 02 loại tàu Coated và Stainless steel:

- Tàu có thiết kế về hầm hàng coated: Tùy theo loại sơn và thiết kế được sử dụng mà danh sách loại hàng được Đăng kiểm phê duyệt theo giấy chứng nhận COF (Certificate of Fitness), vì vậy danh sách hàng hóa cho loại tàu coated. Bên cạnh đó, tuổi thọ của lớp sơn hầm hàng thường là khoảng 10 năm thì bắt đầu lão hóa, cần phải sơn lại khi tàu từ 10 - 15 năm. Sau khi sơn lại thì chất lượng bề mặt hầm hàng thường khó đồng nhất và chi phí sơn hầm hàng rất lớn (khoảng 600 - 800 ngàn USD nếu làm tại Trung Quốc, khoảng 1 triệu - 1,2 triệu USD nếu làm tại Trung Đông). Mỗi lần sửa chữa docking thì mất thời gian nhiều hơn nếu có sơn hầm hàng.

- Tàu có thiết kế hầm hàng stainless steel: Loại tàu này có nhiều ưu điểm hơn tàu coated, danh sách COF sẽ nhiều loại hàng hơn. Trong thời gian sử dụng không cần phải sơn lại hầm hàng, việc rửa hầm sẽ tiến hành nhanh hơn, tiết kiệm chi phí vận hành, sửa chữa bảo dưỡng định kỳ rất lớn.

- Để tiếp tục tham gia hơn nữa vào thị trường quốc tế thì việc lựa chọn loại tàu coated là không phù hợp cho việc khai thác tàu của công ty sau khi đầu tư, do công ty không tập trung vào khai thác chuyên tuyến hay chuyên dụng một loại hóa chất nào trên thị trường mà sẽ tăng cường đa dạng hóa các mặt hàng chuyên chở.

- Qua phân tích đặc tính của 02 loại tàu trên và từ kinh nghiệm khai thác tàu dầu, tàu hóa chất của các đơn vị thành viên trong Tổng công ty và của các đơn vị shipping khác cho thấy, tàu hóa chất có ưu điểm kỹ thuật hơn, chi phí bảo dưỡng sửa chữa hầm hàng thấp hơn, chủng loại hàng hóa vận chuyển đa dạng hơn.

Như vậy, tàu có kết hầm hàng loại Stainless steel được Công ty GasShipping đề xuất lựa chọn vì phù hợp với mục tiêu, thị trường kinh doanh khai thác.

Các thông số kỹ thuật cơ bản của tàu:

Stt	Nội dung	Thông số
1.	Trọng tải tàu (Ship size)	Khoảng 20.000 DWT
2.	Tuổi tàu (Vessel age)	< 15 tuổi
3.	Nơi đóng (Where built)	Nhật Bản/Hàn Quốc/ EU
4.	Đăng kiểm (Class)	IACS
5.	Loại tàu (Type of vessel)	Oil/Chemical tanker

Stt	Nội dung	Thông số
6.	Loại sơn phủ hầm hàng (Type of Cargo tanks coating)	Stainless Steel
7.	Loại sơn phủ két slop (Type of Slop tanks coating)	Stainless Steel
8.	Số két hàng (Number of cargo tanks (include slop))	Min 14 tanks
9.	Tổng dung tích hầm hàng (Total cubic capacity of cargo tanks, including slop (98%))	Min 19.000 CBM
10.	IMO Class	IMO 2, IMO 3

Các tàu có sự cố lặp lại liên quan đến hệ thống máy chính, hộp số, máy đèn, hệ trục, hệ thống làm hàng, hoặc có lịch sử đâm va, mắc cạn, cháy nổ hoặc hư hỏng cấu trúc thân vỏ tàu, két hàng, két ballast sẽ không được xem xét lựa chọn.

V. Đánh giá tác động của công ước hạn chế khí thải SOx:

Công ước hạn chế khí thải SOx qui định việc hạn chế khí thải có hàm lượng lưu huỳnh trên 0,5% ra môi trường. Công ước này đã được Tổ chức hàng hải Quốc tế triển khai áp dụng từ 01/01/2020. Hiện dầu nhiên liệu low sulphur đã và đang được sản xuất đại trà và bán rộng rãi tại các cảng lớn trên thế giới.

Do đó, tại báo cáo này sẽ không tính chi phí lắp đặt hệ thống Scrubber.

CHƯƠNG IV

TỔNG MỨC ĐẦU TƯ - CƠ CẤU NGUỒN VỐN

I. Quy mô và hình thức đầu tư tàu:

Đầu tư tàu chở dầu/hóa chất đã qua sử dụng dưới 15 tuổi có trọng tải khoảng 20.000 DWT.

Việc mua tàu đã qua sử dụng có những ưu điểm sau:

- Tàu có sẵn trên thị trường, thuận tiện cho việc khảo sát đánh giá chọn lựa.
- Chi phí đầu tư phù hợp khả năng huy động vốn của Công ty.
- Với độ tuổi như trên, tàu đã được kiểm chứng qua thời gian hoạt động, đã được kiểm tra định kỳ nên thuận lợi cho việc khảo sát, đánh giá chất lượng trước khi mua tàu.
- Giá mua tàu thấp hơn các tàu mới, cần ít vốn đầu tư ban đầu hơn. Do đó thuận lợi cho việc thu xếp nguồn tài chính và chi phí kinh doanh.

II. Tổng mức đầu tư của dự án:

Để phù hợp với khả năng tài chính của Công ty, tình hình mua bán tàu trên thị trường, Gas Shipping lựa chọn phương án triển khai dự án đầu tư mua tàu chở dầu/hóa chất đã qua sử dụng đến dưới 15 tuổi có trọng tải khoảng 20.000 DWT, với tổng mức đầu tư dự kiến theo như bảng tổng hợp giá trị đầu tư và nguồn vốn như sau:

Đơn vị tính: USD

Stt	Nội dung	Tổng cộng
1	Giá mua 01 tàu (*)	15.750.000
2	Thuế nhập khẩu 2% (Phân nhóm 8901.20.70 - NĐ122/2016 v/v biểu thuế XNK)	315.000
3	Phí trước bạ 1%*(1+2+4) tối đa 500 triệu đồng (Nghị định 140/2016/NĐ-CP)	22.000
4	Chi phí khảo sát, giám định tàu và giao nhận tàu, kiểm toán quyết toán dự án đầu tư...(*)	300.000
5	Thuế VAT khâu nhập khẩu được miễn do trong nước chưa sản xuất được	
	TỔNG CỘNG 1 TÀU:	16.387.000

(*) Các mục 1,4 tùy theo con tàu được lựa chọn có thể bao gồm trong giá mua tàu hoặc tách riêng thành từng phần.

III. Nguồn vốn và cơ cấu vốn đầu tư:

Dự án được xây dựng để thực hiện đầu tư tàu dầu/hóa chất trọng tải khoảng 20.000 DWT. Về nguồn vốn đầu tư, Gas Shipping lựa chọn phương án cơ cấu vốn: Vốn vay tối đa 70% giá mua tàu, còn lại là Vốn chủ sở hữu.

Stt	Nội dung	ĐVT	Thành tiền
1	Tổng vốn đầu tư	USD	16.387.000
2	Vốn chủ sở hữu	USD	5.362.000
3	Vốn vay ngân hàng (tối đa 70% giá trị mua tàu)	USD	11.025.000

1. Đối với nguồn vốn đối ứng:

Trên cơ sở cân đối các chỉ tiêu tài chính của Công ty như vốn lưu động nhằm duy trì hoạt động kinh doanh một cách ổn định, nguồn để đảm bảo khả năng trả nợ ngắn hạn và dài hạn đến hạn phải trả, các khoản phải thu phải trả khác, nguồn vốn chủ sở hữu đối ứng cho đầu tư của Gas Shipping còn lại vào thời điểm cuối năm 2020 là 150 tỷ đồng. Là công ty đã niêm yết trên thị trường chứng khoán, tình hình tài chính lành mạnh và minh bạch, có những lợi thế kinh doanh nhất định sẽ là những cơ sở đảm bảo việc tăng vốn thành công và hiệu quả.

Tiếp theo để đảm bảo đủ vốn cho công tác đầu tư năm 2021, Gas Shipping dự kiến sẽ thực hiện việc phát hành 20 triệu cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn thêm 200 tỷ đồng. Từ 360 tỷ lên 560 tỷ để bổ sung vốn phục vụ cho kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư năm 2021 của Công ty Gas Shipping. Là công ty đã niêm yết trên thị trường chứng khoán, tình hình tài chính lành mạnh và minh bạch, có những lợi thế kinh doanh nhất định sẽ là những cơ sở đảm bảo việc tăng vốn thành công và hiệu quả.

Với tình hình tài chính lành mạnh, minh bạch, cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán lại được hỗ trợ toàn diện từ cổ đông Công ty mẹ PV Trans rất uy tín trong lĩnh vực vận tải tàu biển nói chung và hàng lỏng nói riêng, Gas Shipping tin tưởng rằng phương án tăng vốn của Gas Shipping sẽ thành công.

2. Đối với nguồn vốn vay:

Xác định rõ sự khó khăn của thị trường tín dụng ngân hàng, nhất là lĩnh vực cho vay đầu tư tàu biển, Gas Shipping đã chủ động làm việc với các ngân hàng/định chế tài chính để thu xếp vốn cho các dự án tàu. Đến hiện tại, Gas Shipping đã và đang làm việc với các ngân hàng có tính khả thi và cam kết cao trong việc thu xếp tín dụng là: Shinhan Bank, PVCombank, TPBank, MSB.

Trong thời gian vừa qua các nhà đầu tư cũng như các ngân hàng thương mại trong và ngoài nước đã tiếp xúc làm việc với Công ty Gas Shipping trong việc có thể thu xếp hạn mức cho vay mua tàu đến 70% giá mua tàu, với thời hạn từ 5-7 năm, tài sản đảm bảo là con tàu hình thành từ vốn vay/các khoản bảo lãnh khác.

Tùy trường hợp chủ đầu tư mua tàu bao nhiêu tuổi sẽ ấn định các thông số cụ thể. Sau khi Dự án được phê duyệt, các ngân hàng sẽ triển khai phê duyệt tín dụng chính thức với mức lãi suất USD vào khoảng 6%.

Trong dự án này, để đảm bảo tính khả thi của dự án, cũng như đảm bảo khả năng thu xếp vay vốn từ các tổ chức tín dụng để tài trợ khoản vay đầu tư, trong BCNCKT này thông số về khoản vay được xây dựng cơ bản như sau:

- + Lãi suất cho vay: 6,0%/năm;
- + Trả nợ: 2 kỳ/năm; Thời hạn vay: 7 năm.

Do thực tế không thể có được hợp đồng tín dụng trước khi dự án được phê duyệt, đặc biệt trong bối cảnh khó khăn cung cấp tín dụng từ phía các ngân hàng thương mại như đã trình bày ở trên, nên Công ty xác định trước tiên phải đánh giá khả thi toàn diện và trình phê duyệt dự án song song với quá trình làm việc và tìm kiếm các cam kết tài trợ tín dụng. Cuối cùng, trên cơ sở dự án đã được phê duyệt, khi đã có được các cam kết cung cấp tín dụng phù hợp thì mới đủ điều kiện triển khai mua tàu.

Nguồn trả nợ vay: Khấu hao, lợi nhuận sau thuế từ việc khai thác tàu và các nguồn khác của Công ty.

IV. Khấu hao, giá trị thanh lý tàu, thuế thu nhập DN và suất chiết khấu:

1. Khấu hao:

Trên cơ sở Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và số năm khai thác còn lại của dự án, thời gian khấu hao của dự án tối đa là 15 năm. Khấu hao thực tế của dự án sẽ được cập nhật theo tuổi tàu, trong đó tàu được đầu tư đảm bảo tàu khai thác không quá 25 năm. Trong dự án này Gas Shipping dự kiến sẽ lựa chọn tàu dưới 10-12 tuổi và khấu hao trong khoảng 12 năm.

2. Giá trị thanh lý tàu:

Theo các cập nhật, báo cáo thống kê về giá tàu thanh lý của các nhà môi giới hàng đầu như Clarkson Researchs, Athennia Shipbrokers đối với loại tàu dầu/hóa chất tại các thị trường phá dỡ hàng đầu là Pakistan, Bangladesh và Ấn Độ từ năm 2010 và giá tàu thanh lý bình quân giai đoạn 10 năm (2010 – 2020) cụ thể như sau:

THỊ TRƯỜNG PAKISTAN											
Năm	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Oil/Chemical	427	505	450	425	450	285	300	430	430	380	355
Giá bình quân giai đoạn (2010 - 2020), ĐV USD/LTD											403
THỊ TRƯỜNG BANGLADESH											

Năm	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Oil/ Chemical	360	495	403	415	430	280	315	425	415	370	350
Giá bình quân giai đoạn (2010 - 2020), ĐV USD/LTD											387
THỊ TRƯỜNG ÁN ĐỘ											
Oil/ Chemical	437	456	375	410	400	285	280	425	425	360	340
Giá bình quân 10 năm (2010 - 2020), ĐV USD/LTD											381

Nguồn Clarkson, Athennia Shipbroker, Sunscot HK 2020

Theo số liệu thống kê trên, giá sắt thép thanh lý bình quân giai đoạn 2010 - 2020 là 381- 403 USD/LTD. Tuy nhiên, để đảm bảo tính thận trọng trong xây dựng Báo cáo chấp thuận chủ trương đầu tư tàu và thời điểm thu hồi của dự án sau 12 năm, với giá sắt vụn thanh lý áp dụng cho dự án được tính với giá thanh lý 380 USD/LTD.

Trọng tải tịnh (lightship) của tàu trong tải từ 19.000 – 24.999 DWT khoảng từ 5.150 – 5.600 LDT, để thận trọng, lựa chọn lightship của loại tàu này là 5.200 LDT.

Giá trị thanh lý tàu: 5.200 LDT x 380 USD/tấn = 1.976.000 USD.

3. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%/năm.

4. Suất chiết khấu và CLTG của dự án:

- Phần vốn chủ sở hữu đầu tư có lãi suất kì vọng là 10%/năm.
- Phần vốn vay từ ngân hàng có chi phí sử dụng vốn là 6,0%/năm.
- Hệ số rủi ro đối với lĩnh vực vận chuyển và tàng trữ dầu khí: 1%.
- Bảng tính dòng tiền và hiệu quả kinh tế của dự án lập bằng USD cho cả doanh thu và chi phí.
- Tổng suất chiết khấu dự án = 1% + [10% x (VCSH/TMĐT) + 6,0% x (Vốn vay/TMĐT) x (1-20%)] = 7,5%.

Để đảm bảo tính thận trọng trong đánh giá dòng tiền trả nợ và rà soát lợi nhuận hạch toán trên sổ sách kế toán hàng năm, trong bảng đánh giá hiệu quả mặc dù nguồn thu cước dự báo là USD, tương ứng có nguồn lợi nhuận chênh lệch tỷ giá bù đắp, tuy nhiên vẫn xem xét đến chênh lệch tỷ giá trên dư nợ gốc ngoại tệ là 2%/năm.

CHƯƠNG V

HIỆU QUẢ KINH TẾ CỦA DỰ ÁN

I. Doanh thu của dự án:

Hiện nay, phương án khai thác phổ biến mà Công ty Gas Shipping và các đơn vị thành viên đang khai thác là khai thác Spot và cho thuê Time charter trên thị trường trong nước và quốc tế. Trên thực tế thì phương án khai thác Spot sẽ có hiệu quả cao hơn, tuy nhiên lại thiếu ổn định, do đó phương án cho thuê time charter vẫn được các chủ tàu tại Việt Nam sử dụng là phương án khai thác chính, cùng với lợi thế về dòng tiền thu luôn ổn định trong suốt thời gian cho thuê.

Qua các báo cáo và nghiên cứu thị trường, thị trường hợp tàu phải khai thác spot ngắn hạn, có thể xem xét khai thác tuyến từ Vùng Vịnh đi Ấn Độ/Trung Quốc/Đông Nam Á và chở dầu sản phẩm/dầu cò từ ĐNA về lại Ấn Độ/Maldives/Trung Đông hoặc vận chuyển dầu sản phẩm kết hợp hóa chất trong khu vực Trung Đông hoặc từ Trung Đông đi Biển Đỏ/Đông Phi hoặc về chạy cho các NMLHD trong nước.

Việc đầu tư tàu đã qua sử dụng với mức giá thấp hơn so với tàu đóng mới là một lợi thế về chi phí ban đầu để Gas Shipping chủ động trong việc vận chuyển dầu/hóa chất nhập khẩu và tham gia thị trường khai thác quốc tế. Qua khảo sát thị trường vận tải dầu/hóa chất trong suốt thời gian vừa qua cùng với nhu cầu của thị trường vận tải khu vực Châu Á - Thái Bình Dương cũng như nhập khẩu về Việt Nam, Gas Shipping lựa chọn hình thức cho thuê Time charter làm cơ sở tính toán hiệu quả trong suốt vòng đời dự án, việc này để tiện so sánh với các thống kê giá cước đối với thị trường vận tải quốc tế (thống kê theo TCE).

Doanh thu hàng năm của dự án sẽ được tính toán trên các biến số sau:

- Giá cho thuê định hạn: Do đặc thù của ngành vận tải biển có giá cước/giá cho thuê tàu chịu tác động bởi nhiều yếu tố địa chính trị, các nhà phân tích chuyên ngành đều không đưa ra các dự báo dài hạn mà chỉ dự báo trong ngắn hạn thông thường từ 02 - 03 năm. Vì vậy, các dự án đầu tư tàu thường lấy giá tính doanh thu theo số liệu thống kê bình quân của các năm gần nhất, có tham khảo dự báo chuyên gia và áp dụng tỷ lệ dự phòng theo kinh nghiệm. Theo báo cáo thống kê của Clarksons thì giá cho thuê định hạn thời hạn 01 năm của tàu vận chuyển dầu sản phẩm/hóa chất có trọng tải 19.999 DWT Stainless Steel vào thời điểm hiện nay đang là 13.479 USD/ngày, giá cho thuê theo thống kê bình quân của giai đoạn 2012 - 2020 là 13.781 USD/ngày. Sau khi áp dụng tỷ lệ dự phòng (giảm khoảng 10%) thì giá cho thuê định hạn đưa vào tính toán trong dự án là 12.500 USD/ngày áp dụng cho 05 năm đầu tiên (chưa trừ chi phí môi giới khoảng 2,5%).

- Doanh thu từ năm thứ 6 được tính toán giảm còn 95%, đến năm thứ 11 giảm tiếp bằng 95% so với năm thứ 6.

- Số ngày khai thác tàu trong năm: Bằng 365 ngày trừ đi thời gian sửa chữa bảo dưỡng trong năm và thời gian dừng thương mại (tạm tính 5 ngày/năm). Số ngày sửa chữa bảo dưỡng những năm không có sửa chữa lớn là 05 ngày trong 5 năm đầu, 10 ngày từ năm thứ 6 và 15 ngày từ năm thứ 11; Số ngày sửa chữa bảo dưỡng trong năm có sửa chữa định kỳ trên dock là 25 ngày.

- Doanh thu trong năm được tính như sau:

$$\text{Doanh thu năm} = \text{Doanh thu TCE} \times \text{Số ngày khai thác}$$

II. Chi phí của dự án:

Chi phí hàng năm của dự án, tùy vào số năm khai thác và tuổi tàu bao gồm: Chi phí cố định và chi phí biến đổi.

1. Chi phí biến đổi (Variable cost):

Là các khoản chi phí phát sinh khi tàu hoạt động, đối với dự án thì đây là **Chi phí khai thác (running cost)**, chi phí khai thác có thể bao gồm các hạng mục chi tiết phí như sau:

- Chi phí nhiên liệu.
- Chi phí cảng phí, đại lý, hoa tiêu (2 đầu cảng bốc và dỡ).
- Chi phí nước ngọt (phục vụ sinh hoạt cho thuyền viên).
- Chi phí môi giới, chi phí khác.

Do tàu được khai thác theo hình thức cho thuê TC nên chi phí nhiên liệu và chi phí cảng phí, đại lý, hoa tiêu sẽ do người thuê tàu chịu (trừ trong thời gian sửa chữa). Do đó, dự án chỉ tính toán chi phí nước ngọt, chi phí môi giới, chi phí khác.

2. Chi phí cố định (Fixed cost):

Là các khoản chi phí phát sinh kể cả khi tàu không hoạt động, đối với dự án thì chi phí cố định có thể bao gồm các hạng mục như: Chi phí hoạt động (Operation cost hay OPEX) và Chi phí vốn (Capital Cost hay CAPEX).

Trên cơ sở số liệu chi phí hoạt động của một số tàu cùng loại tại các đơn vị thành viên của Tổng công ty thì chi phí (Opex) của tàu hóa chất khoảng 20.000 DWT vào khoảng 4.568 USD/ngày. Ngoài ra, trong việc tính toán HQT của phương án cơ sở để đảm bảo tính an toàn của dự án, chi phí Opex dự kiến tăng 5% mỗi 5 năm.

(Chi tiết tính toán các loại chi phí được thể hiện trong các Phụ lục tính toán hiệu quả kinh tế đính kèm)

III. Tính toán hiệu quả kinh tế của dự án:

1. Các thông số đầu vào áp dụng trong tính toán hiệu quả kinh tế của dự án:

Bảng thông số đầu vào áp dụng trong tính toán hiệu quả kinh tế của dự án sẽ bao gồm các nội dung sau:

Stt	Nội dung	Đơn vị	Giá trị	Ghi chú
I	Thông số tính tổng mức đầu tư		16.387.000	
1	Giá mua tàu	USD	15.750.000	Tàu dưới 15 tuổi
2	Thuế nhập khẩu (2%)	USD	315.000	Phân nhóm 8901.20.70 - ND122/2016 biểu thuế XNK)
3	Thuế trước bạ	USD	22.000	Tối đa 500 triệu đồng
4	Chi phí khảo sát, giám định, nhận tàu, đào tạo,...	USD	300.000	
II	Thông số vốn đầu tư			
1	Vốn vay ngân hàng	USD	11.025.000	70% giá mua tàu
2	Vốn chủ sở hữu đối ứng	USD	5.362.000	Phần còn lại của Tổng mức đầu tư trừ đi phần vay ngân hàng
3	Lãi vay ngân hàng	%/năm	6%	Tham khảo lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại và chào giá của các ngân hàng
4	Thời hạn vay ngân hàng	Năm	7	Tham khảo thông lệ cho vay của các ngân hàng thương mại và chào giá của các ngân hàng
5	Kỳ hạn trả nợ gốc	Lần/năm	2	
6	Kỳ hạn trả lãi vay	Lần/năm	2	
III	Thông số tàu và hoạt động khai thác tàu			
1	Tuổi tàu dự kiến mua	Tuổi	10	
2	Tuổi tàu dự kiến khai thác tối đa	Tuổi	25	Theo thông lệ đối với tàu vận chuyển dầu/hóa chất
3	Số năm khai thác tàu	Năm	15	
4	Số ngày khai thác trung bình trong năm	Ngày	344	
5	Số ngày tàu nghỉ khai thác để sửa chữa định kỳ	Ngày/lần	25	Theo tham khảo kinh nghiệm sửa chữa tàu 20.000 DWT
IV	Thông số về CAPEX của tàu			
1	Thời gian khấu hao	Năm	12	
2	Phương pháp khấu hao		Đều	Khấu hao đường thẳng
3	Chênh lệch tỷ giá	%/năm	2%	Theo mức chung hàng năm đối với ngoại tệ USD

Stt	Nội dung	Đơn vị	Giá trị	Ghi chú
V	Thông số về OPEX của tàu			
1	Chi phí sửa chữa định kỳ	USD/lần	750.000	Theo kinh nghiệm sửa chữa tàu 20.000 DWT.
2	Cách thức phân bổ tổng chi phí các lần IS/SS trong cả đời dự án		Đều	Chia đều cho tổng số năm hoạt động của dự án
3	Chi phí bảo hiểm Hull and Machine	USD/năm	51.516	Tham khảo PSM/Phuong Nam/TCT
4	Chi phí bảo hiểm P&I; thuyền viên	USD/năm	107.085	Tham khảo PSM/Phuong Nam/TCT
5	Các chi phí văn phòng, quản lý, thuyền viên...		62.732	Tham khảo từ kinh nghiệm khai thác tàu
VI	Thông số để xác định tỷ suất hoàn vốn nội bộ tối thiểu (IRRmin)		7,5%	
1	Tỷ suất sinh lợi của chủ sở hữu	%/năm	10%	
2	Hệ số rủi ro lĩnh vực vận tải dầu khí	%/năm	1%	Theo quy định của ngành dầu khí
VII	Các chỉ tiêu khác			
1	Trọng lượng tàu không	LTD	5.200	Theo đặc điểm kỹ thuật của tàu
2	Đơn giá bán tàu thanh lý	USD/LTD	380	
3	Tổng giá trị thanh lý tàu	USD	1.976.000	
4	Tổng số ngày trong năm	Ngày	365	
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	%/năm	20%	Theo quy định nhà nước

2. Hiệu quả kinh tế dự án:

Trong giai đoạn thị trường hiện nay, mục tiêu đầu tư được ưu tiên đó là hiệu quả, có thời gian hoạt động đủ dài, nhưng cũng phải thu hồi vốn nhanh, giá đầu tư vừa phải và mức độ mất giá cũng ít hơn so với các tàu trẻ tuổi. Do vậy, đây là tuổi tàu đầu tư khả thi cho Gas Shipping triển khai dự án. Tuy nhiên, nếu thị trường mua bán tàu đầu năm 2021 có cung nhiều hơn cầu, giá tàu trẻ hơn hấp dẫn và thấp hơn kế hoạch tổng mức đầu tư được duyệt và nhiều tàu để lựa chọn thì Gas Shipping sẽ ưu tiên mua tàu trẻ hơn để vừa đạt mục tiêu hiệu quả kinh tế vừa đạt mục tiêu trẻ hóa đội tàu của Công ty.

2.1. Các chỉ tiêu hiệu quả kinh tế:

Kết quả tính toán các chỉ tiêu hiệu quả kinh tế của dự án được tập hợp trong bảng sau:

Handwritten mark

Stt	Chỉ tiêu	USD
1	Tổng vốn đầu tư	16.387.000
	Trong đó: Giá mua tàu	15.750.000
	- Vốn vay	11.025.000
	- Vốn chủ sở hữu	5.362.000
2	TCE năm đầu	11.892
3	Hiệu quả đầu tư của dự án	
	- NPV (i=7,5%)	1.424.606
	- IRR	8,97%
4	Hiệu quả đầu tư của Chủ đầu tư	
	- NPV (i=7,5%)	2.086.816
	- ROE	11,15%

2.2. Hệ số trả nợ của dự án:

Năm dự án	1	2	3	4	5	6	7
Hệ số trả nợ	1,02	1,12	1,15	1,08	1,25	1,04	1,18

2.3. Đánh giá hiệu quả dự án:

Căn cứ kết quả tính toán nêu trên, chúng ta nhận thấy như sau:

- Hệ số trả nợ của mỗi năm đều lớn hơn 1 và tăng dần theo thời gian khai thác chứng tỏ dự án đạt được tính khả thi của khả năng trả nợ, khả năng thu hồi vốn tốt.

- Đối với hiệu quả tài chính của dự án: Dự án có các chỉ tiêu NPV = 1.424.606 USD > 0 và IRR = 8,97% > i = 7,5% chứng tỏ dự án đạt được tính khả thi về hiệu quả tài chính.

- Đối với hiệu quả tài chính của Chủ đầu tư: Dự án có các chỉ tiêu NPV = 2.086.816 USD > 0 và ROE = 11,15% > i = 10% chứng tỏ dự án đạt được tính khả thi về hiệu quả tài chính.

- Phân tích độ nhạy của dự án: Chi tiết tại phụ lục đính kèm.

3. Đánh giá rủi ro và các biện pháp phòng ngừa rủi ro:

3.1. Rủi ro về thị trường đầu ra:

Trong trường hợp tàu không có hợp đồng định hạn hoặc khi hết hạn hợp đồng định hạn mà không được tái tục thì Gas Shipping sẽ khai thác tàu theo hình thức spot. Qua tính toán hiệu quả dự án cho thấy phương án khai thác spot có những chỉ tiêu hiệu quả dự án tốt hơn so với phương án cho thuê định hạn. Tuy

nhiên, phương án khai thác spot tiềm ẩn rủi ro bởi các hợp đồng mang tính chất ngắn hạn gây khó khăn cho việc bảo đảm nguồn hàng, có thể dẫn đến việc tàu phải nằm chờ phát sinh chi phí và làm giảm hiệu quả của dự án.

3.2. Rủi ro về giá cước:

Đây có thể là rủi ro lớn nhất đối với dự án của Gas Shipping tuy nhiên với diễn tình hình thị trường trong quá khứ và hiện tại, dự báo thị trường trong những năm tới thì kế hoạch giá cước của dự án là khá thận trọng với mức giá cho thuê TC bình quân trong 05 năm đầu dự án trong khoảng 12.500 USD/ngày tương đương ~ 90% so với giá cước trung bình giai đoạn 2019 - 2020, doanh thu 5 năm tiếp theo được tính toán giảm còn 95%. Trường hợp giá cước vẫn diễn biến xấu và thấp hơn mức dự kiến như trong dự án thì Chủ đầu tư bằng kinh nghiệm quản lý và khai thác tàu của mình sẽ thực thi các giải pháp nhằm tiết kiệm tối đa chi phí của dự án như chi phí thuyền viên, chi phí bảo trì bảo dưỡng, chi phí vật tư tiêu hao, chi phí bảo hiểm, chi phí lãi vay, chi phí quản lý... để đảm bảo dự án vẫn có hiệu quả hoặc giảm thiểu tối đa những thua lỗ để vượt qua giai các đoạn khó khăn.

Ngoài ra, việc không ngừng nâng cao kỹ năng quản lý, khai thác tàu, đặc biệt là loại tàu dầu/hóa chất đối với Gas Shipping là công việc cấp thiết và phải làm ngay từ những ngày đầu giúp giảm thiểu các chi phí phát sinh do lỗi chủ quan trong vận hành và khai thác tàu.

3.3. Rủi ro về giá tàu:

Một rủi ro có khả năng xảy ra cao đối với dự án là sự biến động giá tàu và theo đó dẫn đến biến động về tổng mức đầu tư của dự án. Giá tàu hiện đang được đánh giá thấp nhất trong vòng 10 năm qua và hiện tại giá tàu đang có xu hướng tăng lên cùng với sự cải thiện trong giá cước vận chuyển trên thị trường vận tải biển nói chung và thị trường vận tải dầu/hóa chất nói riêng. Tuy nhiên, mặc dù giá cước có xu hướng tăng nhưng một số chủ tàu có nhu cầu bán tàu sau khi kết thúc hợp đồng cho thuê Time charter hiện tại, nên dự báo thị trường mua bán tàu trong thời gian tới sẽ sôi động trở lại, do vậy, xác suất để giá tàu tăng mạnh là tương đối thấp, chưa kể đến áp lực cơ cấu lại đội tàu của các chủ tàu khi phải đáp ứng các yêu cầu của công ước quốc tế liên quan đến hệ thống quản lý nước dẫn, Hệ thống xử lý khí thải động cơ chính của tàu dẫn đến các chủ tàu sẽ có xu hướng bán tàu cao tuổi để chuyển sang tàu trẻ tuổi hơn.

3.4. Rủi ro về lãi suất vay vốn:

Dự án đầu tư dự kiến sẽ vay vốn ngân hàng theo hình thức vay USD với lãi suất vay tính bằng lãi suất khoảng 6%/năm. Theo tính toán độ nhạy của dự án cho thấy, nếu lãi suất tăng lên 6,6%/năm thì dự án vẫn có hiệu quả kinh tế. Tuy nhiên, nếu lãi suất vay là 6,6% thì có nghĩa lãi suất USD kỳ hạn 6 tháng sẽ khoảng 2,6%/năm và đây là mức rất khó có thể xảy ra do thực tế cho thấy mức lãi suất

USD kỳ hạn 6 tháng bình quân trong vòng 20 năm, 15 năm và 10 năm vừa qua lần lượt là 2,5%, 1,8%/năm và 1,0%/năm. Như vậy, rủi ro về lãi vay đã được nhận diện và kiểm soát được.

3.5. Rủi ro về tỷ giá:

Do dự án đầu tư vay vốn bằng đồng USD nên một trong các rủi ro là sự biến động tỷ giá giữa đồng VND đối với đồng USD. Đây là rủi ro hầu như không thể tránh khỏi do xu hướng mất giá của đồng VND đối với đồng USD vẫn diễn ra theo xu hướng tăng đều hàng năm. Tuy nhiên, hiện tại Việt Nam vẫn đang kiểm soát mức độ mất giá bình quân hàng năm trong khoảng 1,5 - 2%/năm nên rủi ro về sự mất giá với mức độ lớn là ít xảy ra. Để kiểm soát rủi ro này dự án đã tính toán khoản chi phí dự phòng rủi ro chênh lệch tỷ giá là 2%/năm trên tổng mức dư nợ ngoại tệ, bên cạnh đó nguồn thu của dự án là USD. Như vậy, rủi ro này cũng được đánh giá và có biện pháp kiểm soát.



1

PHẦN III

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở nghiên cứu, phân tích, đánh giá Báo cáo nghiên cứu khả thi được trình bày ở trên, Dự án đầu tư mua tàu chở dầu/hóa chất có trọng tải khoảng 20.000 DWT (từ 19.000- 24.999 DWT) là dự án đầu tư có tính khả thi, đảm bảo hiệu quả kinh tế, khả năng trả nợ vay, mang lại doanh thu và lợi nhuận cho Công ty Gas Shipping, đồng thời tận dụng được các ưu thế về nguồn lực hiện có của Tổng công ty và Công ty.

Trên cơ sở các đánh giá phân tích về thị trường vận tải, thị trường mua bán tàu đã qua sử dụng đối với loại tàu hóa chất, không quá 15 tuổi, trọng tải khoảng 20.000 DWT, thì đây là thời điểm phù hợp để công ty triển khai dự án đầu tư mua tàu chở dầu/hóa chất, góp phần giữ vững và phát triển thị phần, thị trường quan trọng này theo định hướng đầu tư phát triển của Tổng công ty đã được Tập đoàn Dầu khí và Hội đồng Quản trị Tổng công ty phê duyệt.

Ngay từ giai đoạn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi những tác động của thị trường đã được nhận diện, soát xét, lượng hóa và có giải pháp kiểm soát trong việc tính toán hiệu quả kinh tế của Dự án và nhận diện cũng như đưa ra phương thức quản lý rủi ro là hoàn toàn phù hợp với kế hoạch SXKD năm 2021 và chiến lược đến 2025 của Công ty.

Giá bán tàu chở dầu/hóa chất hiện nay được đánh giá đang ở mức gần như thấp nhất trong vòng 10 năm trở lại đây, do đó năm 2021 là thời điểm thuận lợi để xem xét triển khai đầu tư tàu đã qua sử dụng. Như đã phân tích ở phần giá mua bán tàu, tổng mức đầu tư 16.387.000 USD đối với tàu không quá 15 tuổi là phù hợp đối với thị trường mua bán tàu hiện nay. Việc lựa chọn đầu tư tàu không quá 15 tuổi với mức giá thấp hơn nhiều so với tàu đóng mới tạo lợi thế về chi phí ban đầu cho Gas Shipping trong việc tham gia vận chuyển dầu/hóa chất nhập khẩu và thị trường khai thác quốc tế.

Dự án áp dụng giá cho thuê TC là 12.500 USD/tàu/ngày tương đương 90% giá cho thuê TC bình quân thời hạn 12 tháng trong giai đoạn 2012 - 2020 trên thị trường là phù hợp và có sự thận trọng nhất định. Kết quả tính toán và phân tích hiệu quả kinh tế dự án cho thấy dự án có các chỉ tiêu hiệu quả chứng tỏ dự án đạt được tính khả thi về hiệu quả kinh tế, cụ thể chỉ tiêu của dự án như sau:

- NPV = 1.424.606 USD > 0;
- IRR = 8,97% > i = 7,5%.

Dự án Đầu tư tàu chở dầu/hóa chất có trọng tải khoảng 20.000 DWT của Gas Shipping mang ý nghĩa chiến lược trong việc đa dạng hóa và mở rộng thị

trường vận tải của Công ty trên thị trường quốc tế, góp phần tăng quy mô phương tiện, năng lực vận chuyển của Gas Shipping, đóng góp tích cực cho ngân sách Nhà nước, tạo thêm việc làm cho người lao động và thực hiện đúng nhiệm vụ tăng cường khai thác trên thị trường quốc tế mà Gas Shipping đã được Tổng công ty giao.

Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế kính đề nghị các cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt Báo cáo Nghiên cứu khả thi Dự án đầu tư mua tàu chở dầu/hóa chất để Công ty có thể tiến hành triển khai Dự án trong thời gian sớm nhất.

Trân trọng kính trình./.

1

53
ĐN
O
TÀI
Í Q
71

PHU LUC:

**DỰ ÁN ĐẦU TƯ MUA TÀU
CHỖ DẦU/HÓA CHẤT SỐ 2 TRỌNG TẢI KHOẢNG 20.000 DWT**

PHỤ LỤC 1
TỔNG MỨC ĐẦU TƯ DỰ ÁN
DỰ ÁN ĐẦU TƯ MUA TÀU CHEMICAL SIZE 20.000 DWT

STT	Nội dung	ĐVT	Thành tiền
1	Giá mua tàu đã bao gồm CP lắp đặt hệ thống xử lý nước ballast (*)	USD	15.750.000
2	Thuế nhập khẩu 2% (phân nhóm 8901.20.70 - ND122/2016 v/v biểu thuế XNK)	USD	315.000
3	Phí trước bạ 1%*(1+2+4) tối đa 500 triệu đồng (Nghị định 140/2016/NĐ-CP)	USD	22.000
4	Chi phí khảo sát, giám định tàu và giao nhận tàu, kiểm toán quyết toán dự án đầu tư...(*)	USD	300.000
	Tổng giá trị đầu tư chưa VAT	USD	16.387.000
5	Thuế VAT khâu nhập khẩu = 10% * (Giá mua tàu + Thuế NK)	USD	
	TỔNG CỘNG:	USD	16.387.000

(*) Các mục 1,4 tùy theo con tàu được lựa chọn có thể bao gồm trong giá mua tàu hoặc tách riêng thành từng phần

PHÁP TẾ CHIN

A

PHỤ LỤC 2
THÔNG SỐ TÍNH TOÁN
DỰ ÁN ĐẦU TƯ MUA TÀU CHEMICAL SIZE 20.000 DWT

STT	NỘI DUNG	ĐVT	Giá trị	Ghi chú
I	THÔNG SỐ ĐẦU TƯ			
1	Tổng giá trị đầu tư (bao gồm VAT)	USD	16.387.000	
	Trong đó: Giá trị đầu tư ban đầu (chưa bao gồm VAT)	USD	16.387.000	
	Trong đó: VAT của dự án	USD	0	
2	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư:			
	- Vốn vay NH (70% giá mua tàu)	USD	11.025.000	
	- Vốn chủ sở hữu	USD	5.362.000	
3	Lãi suất vay ngân hàng	%/năm	6,0%	
4	Kỳ trả nợ gốc	kỳ/năm	2	
5	Chi phí chênh lệch tỷ giá gốc vay ngoại tệ	%/năm	2%	
6	Suất chiết khấu dự án	%	7,5%	
7	Tuổi tàu tạm tính	năm	10	
8	Vòng đời khai thác tàu	năm	25	
9	Số năm khai thác	năm	15	
10	Số ngày khai thác trung bình trong năm			
	<i>Dưới 15 tuổi</i>	<i>ngày / năm</i>	348	
	<i>Từ 16 - 20 tuổi</i>	<i>ngày / năm</i>	344	
	<i>Từ 21 - 23 tuổi</i>	<i>ngày / năm</i>	342	
	<i>Từ 24 - 25 tuổi</i>	<i>ngày / năm</i>	335	
	<i>Ngày dừng sửa chữa trong năm có IS/SS</i>	<i>ngày / năm</i>	25 ngày	
11	Thời gian khấu hao	Năm	12	
12	Thuế thu nhập doanh nghiệp	%	20%	
II	DOANH THU			
1	Giá cho thuê định hạn TC (khai thác quốc tế)			
	<i>Dưới 15 tuổi</i>	<i>USD/ngày</i>	12.500	
	<i>Từ 16 - 20 tuổi (giảm 5%)</i>	<i>USD/ngày</i>	11.875	
	<i>Từ 21 - 25 tuổi (giảm 5%)</i>	<i>USD/ngày</i>	11.281	
2	Giá bán thanh lý tàu (380 USD x 5,200 LDT)	USD	1.976.000	
III	CHI PHÍ			
1	Chi phí hoạt động Opex (vật tư, phụ tùng, sửa chữa, thuyền viên, bảo hiểm, ...) khai thác tuyến quốc tế			
	<i>Dưới 15 tuổi</i>	<i>USD/ngày</i>	4.568	<i> bình quân</i>
	<i>Từ 16 - 20 tuổi (tăng 5%)</i>	<i>USD/ngày</i>	4.796	<i> bình quân</i>
	<i>Từ 21 - 25 tuổi (tăng 5%)</i>	<i>USD/ngày</i>	5.036	<i> bình quân</i>
2	Chi phí vốn Capex + Chênh lệch tỷ giá (năm thứ nhất)	USD/ngày	6.050	

M.S.D.N.
 *

C.B.
 H.

d

**PHỤ LỤC 3
TÍNH TOÁN HIỆU QUẢ KINH TẾ DỰ ÁN TÀU CHEMICAL SIZE 20.000 DWT**

Tuổi tàu	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
Năm dự án																
Vốn đầu tư của CSH	0															
Vốn đầu tư của VAT	16.387.000															
Vốn vay NH (70% giá mua tàu)	5.562.000															
Vốn đầu tư của CSH	11.025.000															
Vốn vay NH (70% giá mua tàu)	3.916.802															
Tổng đầu tư	14.941.802															
I. Doanh thu khai thác	4.043.200															
1.1. Doanh thu khai thác	11.882															
1.2. TCE (USD/ngày)	340															
1.3. Số ngày khai thác trong năm	380															
1.4. Thu hồi vốn đầu tư	3.975.416															
II. CHI PHÍ	1.867.208															
2.1. Chi phí Opex (USD/năm)	4.568															
2.2. Chi phí Capex	1.365.583															
2.2.1. Chi phí mua tàu	637.875															
2.2.2. Chi phí trả lãi vay vốn	173.250															
2.2.3. Chi phí thành lập và giá USD/VND	9.050															
Chi phí Opex + Capex (USD/ngày)	5.933															
2.3. Phần bù chi phí quản lý	57.784															
III. LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	13.557															
3.1. Thuế TNDN (20%)	54.227															
IV. LỢI NHUẬN SAU THUẾ	767															
LNST (USD/ngày)	1.767.208															
V. ĐỒNG TIỀN DỰ ÁN	1.767.208															
5.1. Chi phí đầu tư ban đầu	2.275.992															
5.2. Chi phí dự án (không gồm lãi vay+K+Ch+Cl+G)	2.282.436															
5.3. Đồng tiền trước thuế của dự án	(14.124.564)															
5.4. Đồng tiền thuần của dự án	1.177.208															
5.5. Lãi kế đồng tiền trước thuế khấu	2.104.562															
5.6. Đồng tiền chiết khấu	(16.387.000)															
5.7. Lãi kế đồng tiền sau chiết khấu	1.424.606															
5.8. Hiện giá đồng tiền thuần NPV	8,97%															
5.9. Tỷ suất sinh lời nội bộ của dự án IRR	2,18															
5.10. Hiệu số thu chi (BC)	23,99															
5.11. Thời gian hoàn vốn chiết khấu																
VI. ĐỒNG TIỀN CHU ĐÁU TƯ																
6.1. Đồng tiền đầu tư của chủ đầu tư	(5.362.000)															
6.2. Đồng tiền thuần của chủ đầu tư	(5.362.000)															
6.3. Đồng tiền sau chiết khấu	(5.317.898)															
6.4. Lãi kế đồng tiền sau chiết khấu	2.006.816															
6.5. Hiện giá đồng tiền NPV	11,15%															
6.6. Tỷ suất sinh lời vốn chủ sở hữu ROE	11,76															
6.7. Thời gian HV chiết khấu của CST																
VII. CÂN ĐỐI THU CHI																
7.1. Tổng nguồn trả nợ	2.282.436															
7.2. Tổng nghĩa vụ trả nợ (trai góc + lãi)	2.212.875															
7.3. Trả nợ gốc (USD/năm)	1.575.000															
7.4. Trả nợ gốc cuối kỳ	11.025.000															
7.5. Dự nợ gốc cuối kỳ	9.450.000															
7.6. Lãi suất NH (%/năm)	6,0%															
7.7. Trả lãi vay NH	637.875															
Cân Bằng trả nợ	49.561															

N/A W O C 10

PHỤ LỤC 4
DỰ KIẾN TCE TÀU CHEMICAL SIZE 20,000 DWT

Đơn vị tính: USD

Năm thứ	Thời gian	Số ngày thực hiện	Số ngày offshore sửa chữa	Số ngày offshore TM	Số ngày vận doanh	Đơn giá cho thuê T/C/ ngày	Tổng tiền cho thuê TC	Cảng phí	Chi phí bunker	CP Comm.	CP Nước ngọt	Chi phí khác	Tổng CP khai thác	TCE/Net earning trên ngày vận doanh	TCE tính toán trong dự án
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)-(2)-(3)-(4)	(6)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)=[(10)+(11)+(12)+(13)+(14)]	(16)=(9)-(15)	(17)	
1	Năm thứ nhất: cho thuê T/C; dự kiến dock SS	365	25	0	340	12.500	4.250.000	20.000	41.550	106.250	24.000	15.000	206.800	11.892	11.892
2	Năm thứ hai: cho thuê T/C	365	5	5	355	12.500	4.437.500	20.000	68.232	110.938	24.000	15.000	238.170	11.829	11.829
3	Năm thứ ba: cho thuê T/C	365	5	5	355	12.500	4.437.500	20.000	68.232	110.938	24.000	15.000	238.170	11.829	11.829
4	Năm thứ tư: cho thuê T/C; dự kiến dock IS	365	25	5	335	12.500	4.187.500	20.000	101.472	104.688	24.000	15.000	265.160	11.708	11.708
5	Năm thứ năm: cho thuê T/C	365	5	5	355	12.500	4.437.500	20.000	68.232	110.938	24.000	15.000	238.170	11.829	11.829
6	Năm thứ sáu: cho thuê T/C; dự kiến dock SS	365	25	5	335	11.875	3.978.125	20.000	101.472	99.453	24.000	15.000	259.925	11.099	11.099
7	Năm thứ bảy: cho thuê T/C	365	10	5	350	11.875	4.156.250	20.000	76.542	103.906	24.000	15.000	239.448	11.191	11.191
8	Năm thứ tám: cho thuê T/C	365	10	5	350	11.875	4.156.250	20.000	76.542	103.906	24.000	15.000	239.448	11.191	11.191
9	Năm thứ chín: cho thuê T/C; dự kiến dock IS	365	25	5	335	11.875	3.978.125	20.000	101.472	99,453	24.000	15.000	259,925	11,099	11,099
10	Năm thứ mười: cho thuê T/C	365	10	5	350	11.875	4.156.250	20.000	76.542	103.906	24.000	15.000	239.448	11.191	11.191
11	Năm thứ mười một: cho thuê T/C; dự kiến dock SS	365	25	5	335	11.281	3.779.219	20.000	101.472	94.480	24.000	15.000	254.952	10.520	10.520
12	Năm thứ mười hai: cho thuê T/C	365	15	5	345	11.281	3.892.031	20.000	84.852	97.301	24.000	15.000	241.153	10.582	10.582
13	Năm thứ mười ba: cho thuê T/C	365	15	5	345	11.281	3.892.031	20.000	84.852	97.301	24.000	15.000	241.153	10.582	10.582
14	Năm thứ mười bốn: cho thuê T/C; dự kiến dock IS	365	25	5	335	11.281	3.779.219	20.000	101.472	94.480	24.000	15.000	254.952	10.520	10.520
15	Năm thứ mười lăm: cho thuê T/C; dự kiến thanh lý vào cuối năm	365	25	5	335	11.281	3.779.219	20.000	101.472	94.480	24.000	15.000	254.952	10.520	10.520
Tổng 15 năm		5.475	250	70	5.155		61.296.719	300.000	1.254.408	1.532.418	360.000	225.000	3.671.826	11.178	11.172

PHỤ LỤC 5
NGÂN SÁCH HOẠT ĐỘNG TÀU CHEMICAL SIZE 20.000 DWT

Stt	Hạng mục	Ngân sách (USD)			Ghi chú
		Năm	Tháng	Ngày	
1	THUYỀN VIÊN VIỆT NAM	670.024,65	55.835,39	1.835,68	
1,1	Chi phí lương	518.959	43.246,60	1.421,81	22 thuyền viên
1,2	Chi phí thay ca + khác ...	80.000	6.666,67	219,18	
1,3	Chi phí ăn ca	71.066	5.922,13	194,70	8,85USD/người/ ngày x 22 người
2	VẬT TƯ PHỤ TÙNG, SỬA CHỮA & KIỂM ĐỊNH	260.000,00	21.666,67	712,33	
2,1	Vật tư, phụ tùng	170.000,00	14.166,67	465,75	
2,2	Sửa chữa, bảo dưỡng & kiểm định đăng kiểm	90.000,00	7.500,00	246,58	
3	CHI PHÍ SỬA CHỮA LỚN - PHÂN BỐ	300.000,00	25.000,00	821,92	Dock 750k USD/lần
4	THIẾT BỊ AN TOÀN, BẢO HỘ, ÁN PHẨM HÀNG HẢI, CƯỚC THÔNG TIN LIÊN LẠC CỦA TÀU	65.850,00	5.487,50	180,41	
4,1	Sửa chữa, Bảo dưỡng: TB an toàn, TBHH, TTLL. Cung cấp bảo hộ lao động & án phẩm HH...	40.850,00	3.404,17	111,92	
4,2	Cước thông tin liên lạc của tàu	25.000,00	2.083,33	68,49	
5	DẦU NHỜN (LO)	150.000,00	12.500,00	410,96	
6	BẢO HIỂM	158.601,00	13.216,75	434,52	
6,1	Thân tàu (H&M)	51.516	4.293,00	141,14	
6,2	Crews	10.560	880,00	28,93	
6,3	P&I	96.525	8.043,75	264,45	
7	PHÍ QUẢN LÝ KT và TM	62.731,91	5.227,66	171,87	
7,1	Phí quản lý kỹ thuật	25.532	3.000,00	100,00	
7,2	Phí liên quan kiểm tra/đánh giá an toàn/đánh giá rủi ro, an ninh và vetting tàu.	31.700	2.642	86,85	
7,3	Phí đào tạo thuyền viên	5.500	458,33	15,07	
7,4	Phí quản lý khai thác thương mại	0,00	0,00		
TỔNG OPEX		1.667.207,56	138.933,96	4.567,69	

b

PHỤ LỤC 6
PHƯƠNG ÁN TRẢ NỢ NGÂN HÀNG CỦA CÔNG TY

Vốn đầu tư mua tàu: 15.750.000 USD
 Vốn vay ngân hàng: 11.025.000 USD
 Lãi suất năm: 6,0% năm

ĐVT: USD

NĂM	LẦN TRẢ	NỢ GỐC	TRẢ GỐC 1 KỶ	TRẢ LÃI 1 KỶ	GỐC + LÃI TRẢ 1 KỶ	GỐC TRẢ 1 NĂM	LÃI TRẢ 1 NĂM	GỐC + LÃI TRẢ 1 NĂM
1	1	11.025.000	787.500	330.750	1.118.250	1.575.000	637.875	2.212.875
	2	10.237.500	787.500	307.125	1.094.625			
2	3	9.450.000	787.500	283.500	1.071.000	1.575.000	543.375	2.118.375
	4	8.662.500	787.500	259.875	1.047.375			
3	5	7.875.000	787.500	236.250	1.023.750	1.575.000	448.875	2.023.875
	6	7.087.500	787.500	212.625	1.000.125			
4	7	6.300.000	787.500	189.000	976.500	1.575.000	354.375	1.929.375
	8	5.512.500	787.500	165.375	952.875			
5	9	4.725.000	787.500	141.750	929.250	1.575.000	259.875	1.834.875
	10	3.937.500	787.500	118.125	905.625			
6	11	3.150.000	787.500	94.500	882.000	1.575.000	165.375	1.740.375
	12	2.362.500	787.500	70.875	858.375			
7	13	1.575.000	787.500	47.250	834.750	1.575.000	70.875	1.645.875
	14	787.500	787.500	23.625	811.125			
TỔNG CỘNG						11.025.000	2.480.625	13.505.625

HÀNG TIỀN CHỈ

/

PHỤ LỤC 7
PHÂN TÍCH ĐỘ NHẠY DỰ ÁN

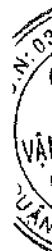
Các chỉ tiêu		Khi giá cho thuê TC thay đổi								
		95%	97%	99%	100%	102%	105%	110%		
NPV	1.424.606	(1.416.287)	(265.682)	863.719	1.424.606	2.558.422	4.301.973	7.322.096		
IRR	8,97%	5,98%	7,22%	8,40%	8,97%	10,11%	11,80%	14,60%		
NPV (Chủ đầu tư)	2.086.816	(754.077)	396.528	1.525.929	2.086.816	3.220.632	4.964.184	7.984.306		
ROE	11,15%	6,19%	8,19%	10,17%	11,15%	13,14%	16,21%	21,62%		

Các chỉ tiêu		Khi giá cho thuê TC thay đổi								
		95%	97%	99%	100%	102%	105%	110%		
NPV	1.424.606	(547.794)	562.405	1.669.709	2.227.905	3.361.422	5.104.513	8.123.839		
Khi giá mua tàu thay đổi	94%	(687.445)	424.421	1.535.834	2.094.056	3.227.626	4.970.797	7.990.262		
	95%	(828.709)	286.424	1.401.946	1.960.193	3.093.814	4.837.065	7.856.666		
	96%	(972.311)	148.415	1.268.044	1.826.316	2.959.987	4.703.315	7.723.051		
	97%	(1.119.856)	10.394	1.134.129	1.692.425	2.826.146	4.569.550	7.589.417		
	98%	(1.267.597)	(127.638)	1.000.202	1.558.522	2.692.291	4.435.769	7.455.765		
100%	(1.416.287)	(265.682)	863.719	1.424.606	2.558.422	4.301.973	7.322.096			

Các chỉ tiêu		Khi giá cho thuê TC thay đổi								
		95%	97%	99%	100%	102%	105%	110%		
IRR	8,97%	6,89%	8,13%	9,33%	9,92%	11,10%	12,86%	15,78%		
Khi giá mua tàu thay đổi	94%	6,74%	7,97%	9,17%	9,76%	10,93%	12,68%	15,58%		
	95%	6,59%	7,82%	9,01%	9,60%	10,76%	12,49%	15,38%		
	96%	6,44%	7,66%	8,83%	9,44%	10,59%	12,32%	15,18%		
	97%	6,28%	7,51%	8,70%	9,28%	10,43%	12,14%	14,98%		
	98%	6,13%	7,37%	8,55%	9,12%	10,27%	11,97%	14,79%		
100%	5,98%	7,22%	8,40%	8,97%	10,11%	11,80%	14,60%			

PHỤ LỤC 8
THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN CỦA TÀU CHEMICAL SIZE 20.000 DWT

STT	Nội dung	Thông số
1	Năm đóng	Từ năm 2009 trở về sau
2	Nơi đóng	Japan / Korea
3	Loại tàu	SBT/IGS/IMO2/IMO3 (Oil-Chemical tanker)
4	Đăng kiểm	IACS
5	Mớn nước	Max. 10 M
6	Trọng tải	Max. 20.000 DWT
7	Dung tích hầm hàng (98%)	~ 21.000 CBM
8	Số hầm hàng	Min. 14
9	Số loại hàng	Min. 8
10	Loại hầm hàng	Stainless steel (Sus 316L)
11	Máy chính	Commonly Type: B&W-STX/ Doosan/ Huyndai; Mishubishi; Akashaka; Kobe.
12	Tốc độ khai thác có hàng	Min 11 Knots



d

PHỤ LỤC 9
BẢNG THỐNG KÊ TC RATE TÀU CHEMICAL SIZE 20.000 DWT

Stt	Năm	USD/ngày
1	2012	13.056
2	2013	13.438
3	2014	14.042
4	2015	15.233
5	2016	15.492
6	2017	13.146
7	2018	12.896
8	2019	13.250
9	2020	13.479
	Trung bình	13.781
	90%	12.500

© Clarkson Research Services Limited 2021

d

PHỤ LỤC 08
BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
(Đính kèm Nghị quyết số 02/NQ-VTSPK-ĐHĐCĐ ngày 08 tháng 04 năm 2021)

PHẦN I
KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT NĂM 2020

1. Hoạt động của BKS:

Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ của Công ty bầu gồm 03 thành viên:

- Bà Nguyễn Thị Thu Sương (Trưởng BKS kiêm nhiệm).
- Bà Huỳnh Thị Hồng Hạnh (TV BKS kiêm nhiệm).
- Ông Nguyễn Bá Nghị (TV BKS kiêm nhiệm).

Trong năm 2020 BKS đã tổ chức 04 cuộc họp của BKS, bao gồm đánh giá hoạt động kế toán và tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty trong 6 tháng đầu năm và cả năm 2020.

BKS tập trung vào thực hiện kiểm soát các nội dung đã quy định trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và quy chế hoạt động của BKS. Thông qua các hoạt động như sau:

- Giám sát hoạt động của Công ty theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty CP Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (Gas Shipping).
- Tham gia 100% các buổi họp của HĐQT về kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư và đánh giá tình hình thực hiện kết quả kinh doanh.
- Xem xét các Báo cáo tài chính định kỳ và các yêu cầu của tổ chức kiểm toán độc lập.
- Tổ chức các cuộc họp định kỳ để triển khai chức năng, nhiệm vụ của BKS.
- BKS đã tiến hành kiểm soát độc lập hoạt động của Công ty, bao gồm:
 - + Chấp hành và triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT;
 - + Quy trình, quy định quản lý nội bộ của Công ty;
 - + Việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020;
 - + Xem xét, thẩm định Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2020 của Công ty.

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty:

Năm 2020, dịch bệnh COVID-19 và giá dầu suy giảm là hai yếu tố tác động tiêu cực đến nền kinh tế nói chung và thị trường vận tải nói riêng, Công ty Gas Shipping đã nỗ lực hết mình, hoàn thành tốt các các chỉ tiêu kế hoạch SXKD.

Kết quả đạt được (Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020):

- Doanh thu và thu nhập khác: 1.568 tỷ đồng (đạt 125% kế hoạch).
- Lợi nhuận trước thuế: 75,2 tỷ đồng (đạt 114% kế hoạch).
- Lợi nhuận sau thuế: 60 tỷ đồng (đạt 114% kế hoạch).
- Nộp ngân sách Nhà nước: 17,5 tỷ đồng (đạt 56% kế hoạch).
- Tổng tài sản đến 31/12/2020 là: 877 tỷ đồng, giảm 25 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2019 (902 tỷ đồng).
- Tỷ suất LN sau thuế/Vốn Chủ sở hữu (ROE) năm 2020 đạt 13% (năm 2019 là 11,6%).
- Tỷ suất LN sau thuế/Tổng Tài sản (ROA) năm 2020 đạt 6,8% (năm 2019 là 5,8%).
- Hệ số nợ/Tổng tài sản thời điểm 31/12/2020 là 0,47 lần (năm 2019 là 0,5 lần), đảm bảo mức an toàn cho sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển.
- Hệ số bảo toàn vốn tại thời điểm 31/12/2020 đạt 1,02 lần so với năm trước (Vốn CSH tại thời điểm 31/12/2020 là 461,8 tỷ đồng/Vốn CSH tại thời điểm 31/12/2019 là 452,2 tỷ đồng), Công ty Gas Shipping đã bảo toàn và phát triển được vốn.

3. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị (HĐQT) đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác của pháp luật.
- Định kỳ ít nhất mỗi quý một lần HĐQT đã duy trì đều đặn họp HĐQT, HĐQT đã kịp thời đánh giá hoạt động của Công ty, ban hành các nghị quyết thuộc thẩm quyền để giải quyết các đề xuất của các thành viên HĐQT và Ban Giám đốc (BGĐ). Các thành viên HĐQT hoạt động theo các nhiệm vụ được phân công cũng như hoạt động chung của HĐQT.
- HĐQT đã tiến hành phê duyệt chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh theo nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 và giám sát, thúc đẩy việc thực hiện kế hoạch trong bối cảnh thực tế năm 2020 có nhiều khó khăn từ thị trường trong và ngoài nước.
- BKS nhận thấy các nghị quyết của HĐQT thường được ban hành và triển khai nhanh và có sự giám sát thực hiện. HĐQT đã đưa ra được quyết sách chiến lược để xây dựng và phát triển Công ty đảm bảo cho sự phát triển bền vững, mang lại giá trị Công ty cao.

4. Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý:

- Năm 2020 tuy có nhiều sự khó khăn về điều kiện kinh doanh nhưng nhịp độ kinh doanh vẫn được duy trì và ổn định. BGĐ đã nỗ lực điều hành sản xuất kinh doanh để đạt hiệu quả cao nhất.
- BGĐ đã tiến hành tìm kiếm cơ hội kinh doanh, phát triển và trẻ hóa đội tàu, nhằm đáp ứng thị trường trong giai đoạn sau, đặc biệt bắt nhịp với sự phát triển của thị trường vận tải dầu khí.

- BKS nhận thấy rằng Ban điều hành đã thực hiện các hoạt động kinh doanh của Công ty với hiệu quả cao và tuân thủ đúng các nghị quyết của HĐQT.

5. Sự phối hợp giữa Ban kiểm soát, HĐQT và Ban điều hành:

- Trong năm 2020 sự phối hợp giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc được thực hiện tốt.
- HĐQT và BGD cũng như các Phòng chuyên môn của Công ty đã tạo điều kiện và hỗ trợ rất nhiều cho BKS để BKS có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

6. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2020:

BKS đã thực hiện việc thẩm định BCTC năm 2020 của Công ty và thống nhất xác nhận kết quả cụ thể như sau:

- BCTC năm 2020 đã được thực hiện kiểm toán theo quy định tại Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam đã được lựa chọn thực hiện việc kiểm toán BCTC năm 2020 của Công ty.
- Các số liệu trong BCTC kiểm toán năm 2020 được HĐQT đưa ra trong Báo cáo trình Đại hội đồng Cổ đông thể hiện tính minh bạch, trung thực, khách quan tình hình tài chính - kế toán hiện tại của Công ty.
- Trong năm 2020, Công ty đã bảo toàn và phát triển được vốn chủ sở hữu, thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm bảo toàn vốn gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh: Thực hiện đúng chế độ quản lý vốn, quản lý tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính và chế độ kế toán theo quy định.
- Công ty đã thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin định kỳ của các Tổ chức niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh theo quy định về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

7. Kết luận và kiến nghị:

Thông qua hoạt động kiểm soát năm 2020, BKS Công ty Gas Shipping nhận thấy HĐQT và Ban Điều hành đã tuân thủ luật pháp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Những Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đều căn cứ theo thẩm quyền và Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Ban Điều hành đã điều hành Công ty thực hiện đúng Nghị quyết và Quyết định của HĐQT, chấp hành theo đúng pháp luật hiện hành.

Trong năm 2021, BKS kiến nghị HĐQT và Ban điều hành như sau:

- Triển khai thực hiện phương án tăng vốn điều lệ để có đủ nguồn lực thực hiện dự án đầu tư trong năm 2021 (nếu được ĐHĐCĐ thông qua).
- Có các phương án và giải pháp để khai thác có hiệu quả các tàu đã lớn tuổi để đảm bảo phòng tránh rủi ro trong hoạt động kinh doanh.
- Kiểm soát chặt chẽ hoạt động, tăng cường tiết kiệm chi phí và có phương án khai thác đội tàu phù hợp để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.



[Handwritten signature]

- Tiếp tục nâng cao công tác quản lý, quản trị để không ngừng nâng cao giá trị Công ty và tối đa hóa lợi ích của cổ đông.

PHẦN II

KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2021

Thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của BKS theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, BKS dự kiến kế hoạch hoạt động năm 2021 như sau:

- Tiếp tục duy trì việc họp BKS 4 lần/năm vào ngày 15 của tháng đầu tiên của Quý;
- Tham gia tối thiểu 70% các cuộc họp của HĐQT, giám sát việc thực hiện theo nghị quyết của HĐQT và Ban Điều hành Công ty;
- Thực hiện thẩm định các báo cáo tài chính hàng quý, bán niên và thường niên năm 2021 và kiến nghị với HĐQT và Ban Điều hành Công ty;
- Tham gia giám sát các dự án đầu tư của Công ty phát sinh trong năm trong tất cả các khâu: Lập, triển khai, quyết toán... (nếu có);
- Rà soát hoạt động sửa chữa lớn định kỳ của Đội tàu Công ty phát sinh trong năm 2021, đảm bảo đúng quy trình, thủ tục và không vượt quá ngân sách, dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Xem xét thư quản lý của Công ty kiểm toán độc lập và ý kiến phản hồi của Ban Điều hành Công ty, theo dõi việc khắc phục theo khuyến nghị của Cơ quan kiểm toán và các Cơ quan thanh kiểm tra (nếu có).
- Tiến hành kiểm soát chuyên đề hoạt động của Công ty Gas Shipping (nếu có điều kiện).

339
ÔNG
ĐỒ P
TÀI
CHÍ C
7.7

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG
BAN KIỂM SOÁT**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ
(GAS SHIPPING)**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 4 năm 2021

MỤC LỤC

I. QUY ĐỊNH CHUNG:	2
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.	2
Điều 2. Giải thích từ ngữ.	2
Điều 3. Nguyên tắc hoạt động.	2
II. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN):	3
Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát.	3
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm soát.	3
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát.	3
Điều 7. Trưởng Ban Kiểm soát.	4
Điều 8. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát.	4
Điều 9. Cách thức bầu miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát.	5
Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát.	5
Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát.	6
III. BAN KIỂM SOÁT:	7
Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát.	7
Điều 13. Phân công nhiệm vụ của các thành viên Ban Kiểm soát.	9
Điều 14. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát.	9
Điều 15. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng Cổ đông.	10
IV. CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT:	10
Điều 16. Cuộc họp của Ban Kiểm soát.	10
Điều 17. Biên bản họp Ban Kiểm soát.	11
V. BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH:	11
Điều 18. Trình báo cáo hàng năm.	11
Điều 19. Tiền lương và quyền lợi khác.	11
Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan.	12
VI. MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT:	13
Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban Kiểm soát.	13
Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành.	13
Điều 23. Mối quan hệ với Hội đồng Quản trị.	13
Điều 24. Khen thưởng, kỷ luật.	13
VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH:	13
Điều 25. Hiệu lực thi hành.	13

Căn cứ xây dựng:

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty số 02/NQ-VTSPK-ĐHĐCĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021.

I. QUY ĐỊNH CHUNG:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát được áp dụng cho Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Kiểm soát và các đối tượng có liên quan khác được quy định tại quy chế này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ.

1. Công ty: Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế;
2. Điều lệ Công ty: Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế;
3. Đại hội đồng Cổ đông: Đại hội đồng Cổ đông Công ty;
4. Hội đồng Quản trị: Hội đồng Quản trị Công ty;
5. Ban Kiểm soát: Ban Kiểm soát Công ty;
6. Ban Giám đốc: Ban Giám đốc Công ty;
7. Luật Doanh nghiệp: Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động.

Ban Kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông, trước pháp luật về các phần công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

II. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT:

Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát.

1. Tuân thủ đúng quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; Không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm soát.

1. Ban Kiểm soát có từ ba (03) đến năm (05) thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Số lượng cụ thể Thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông quyết định.
2. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát.

1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật doanh nghiệp;
2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
4. Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
5. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

6. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó;
7. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 7. Trưởng Ban Kiểm soát.

1. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
2. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát do Điều lệ Công ty quy định bao gồm:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng Quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;
 - c. Chủ trì lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để trình Đại hội đồng Cổ đông;
 - d. Điều phối và chịu trách nhiệm chung về các hoạt động của Ban Kiểm soát.
 - e. Các quyền và nghĩa vụ khác được quy định tại Điều lệ và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 8. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát.

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban Kiểm soát, việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:
 - a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban Kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước năm (05) ngày làm việc khi khai mạc Đại hội đồng Cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông làm ứng cử viên Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông thì số ứng cử viên còn lại sẽ do Hội đồng Quản trị và/hoặc Ban Kiểm soát đề cử hoặc trường hợp khác được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế Nội bộ về quản trị công ty và Quy chế Hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Hội đồng Quản trị/Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên

phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng Cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Cách thức bầu miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát.

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.
2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu hoặc theo phương thức bầu dồn phiếu. Trước khi họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu thành viên Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị xem xét sẽ quyết định lựa chọn phương thức biểu quyết phù hợp với các quy định tại Điều lệ này.

Trường hợp biểu quyết theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.

Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Trưởng Ban Kiểm soát được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Ban Kiểm soát trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Ban Kiểm soát đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Ban Kiểm soát.

Trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Ban Kiểm soát phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát.

Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát.

1. Đại hội đồng Cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức bằng văn bản gửi Công ty và được chấp thuận;

c. Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Ban Kiểm soát Công ty có thể tạm miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong các trường hợp nêu trên. Việc tạm miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng Cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, việc miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban Kiểm soát tạm miễn nhiệm.

Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Ban Kiểm soát Công ty có thể bầu người khác có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp tạm thời làm thành viên Ban Kiểm soát để thay thế thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm. Việc bầu bổ sung tạm thời thành viên Ban Kiểm soát mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng Cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, việc tạm bổ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban Kiểm soát tạm bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát mới được tính từ ngày việc tạm bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát đó.

Trong trường hợp thành viên Ban Kiểm soát mới không được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Ban Kiểm soát cho đến trước thời điểm diễn ra cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Ban Kiểm soát tạm bổ nhiệm vẫn được coi là có hiệu lực.

2. Đại hội đồng Cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát.

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban Kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng Cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;

- d. Các chức danh quản lý khác;
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
 - g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban Kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

III. BAN KIỂM SOÁT:

Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát.

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; Tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro của Công ty và cảnh báo sớm cho Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng Quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng Quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng Cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng Quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng Cổ đông.
14. Thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày trong trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; Tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động của Công ty.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng Quản trị, Giám đốc và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua.
23. Chứng kiến Hội đồng Quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng Quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

24. Trường Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng Cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 13. Phân công nhiệm vụ của các thành viên Ban Kiểm soát.

1. Việc phân công nhiệm vụ giữa các thành viên trong Ban Kiểm soát phải được thực hiện thông qua cuộc họp của Ban Kiểm soát. Các nội dung phân công cho từng thành viên Ban Kiểm soát phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể của từng thành viên. Trường hợp phát sinh các vấn đề chưa được quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn trong xử lý công việc thì thành viên Ban Kiểm soát được phân công có trách nhiệm phản ánh với Trưởng Ban Kiểm soát để thống nhất giải quyết.
2. Các phần công việc không phân công cho các thành viên khác thuộc trách nhiệm của Trưởng Ban Kiểm soát.
3. Trên cơ sở kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát được Đại hội đồng Cổ đông thông qua, Trưởng Ban Kiểm soát sẽ chịu trách nhiệm triển khai kế hoạch công tác kiểm tra, giám sát định kỳ hàng quý, năm tới các thành viên Ban Kiểm soát theo các nội dung công việc đã được phân công.

Điều 14. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát.

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị, bao gồm:
 - a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị và tài liệu kèm theo;
 - b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị;
 - c. Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng Quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.
2. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; Có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
3. Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban Kiểm soát hoặc Ban Kiểm soát.

Điều 15. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng Cổ đông.

1. Ban Kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày trong trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
 - b. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
 - c. Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng Cổ đông của Ban Kiểm soát nhưng Hội đồng Quản trị không thực hiện.
2. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban Kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

IV. CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT:

Điều 16. Cuộc họp của Ban Kiểm soát.

1. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban Kiểm soát.
2. Trường hợp cần thiết, Ban Kiểm soát có thể họp bất thường trên cơ sở đề nghị của 1 thành viên Ban Kiểm soát. Trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập và tiến hành họp Ban Kiểm soát bất thường.

Nếu Trưởng Ban Kiểm soát không triệu tập cuộc họp thì những người mong muốn tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 2 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Ban Kiểm soát bất thường.

3. Thông báo và chương trình họp:
 - Cuộc họp được tiến hành theo thông báo của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc theo thỏa thuận của thành viên còn lại của Ban Kiểm soát trong trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt. Thông báo phải nêu rõ chương trình họp, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ đưa ra bàn bạc, biểu quyết tại cuộc họp.
 - Các ý kiến, kiến nghị của Ban Kiểm soát phải được thông qua bằng phương pháp biểu quyết theo nguyên tắc đa số quá bán. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban Kiểm soát. Trường hợp họp trực tuyến hoặc phiếu lấy lấy ý kiến bằng văn bản cũng áp dụng nguyên tắc quá bán nêu trên.

- Thành viên Ban Kiểm soát có ý kiến khác với ý kiến, kiến nghị của Ban Kiểm soát, có quyền bảo lưu ý kiến của mình và được quyền đề nghị ghi vào Biên bản cuộc họp.
4. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 17. Biên bản họp Ban Kiểm soát.

Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ tại đơn vị nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.

V. BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH:

Điều 18. Trình báo cáo hàng năm.

Các Báo cáo của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị, Giám đốc để trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; Giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng Quản trị, Giám đốc và những người điều hành Công ty khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; Tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 19. Tiền lương và quyền lợi khác.

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Đại hội đồng Cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.
2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan.

1. Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan. Việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban Kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
4. Thành viên Ban Kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban Kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
5. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

VI. MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban Kiểm soát.

Các thành viên Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban Kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành.

Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 23. Mối quan hệ với Hội đồng Quản trị.

Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng Quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị.

Điều 24. Khen thưởng, kỷ luật.

1. Trưởng Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Kiểm soát và Ban Kiểm soát có thành tích trong công tác kiểm tra, kiểm soát và các hoạt động có liên quan có thể được xem xét khen thưởng theo quy định tại quy chế nội bộ của Công ty.
2. Trưởng Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Kiểm soát và Ban Kiểm soát vi phạm các qui định của pháp luật hiện hành trong kiểm tra, kiểm soát và các hoạt động có liên quan hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vụ lợi, có động cơ cá nhân xâm phạm lợi ích hợp pháp của Công ty thì tùy theo mức độ sai phạm mà xử lý kỷ luật về hành chính hay truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

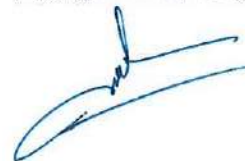
VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH:

Điều 25. Hiệu lực thi hành.

Quy chế Hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế bao gồm 7 Chương, 25 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 4 năm 2021.

TM. BAN KIỂM SOÁT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Thu Sương



305
CÔ
CỔ
N TÀ
KHÍ
7-7

PHỤ LỤC 09

LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2021.

(Đính kèm Nghị quyết số 02/NQ-VTSPK-ĐHĐCĐ ngày 08 tháng 04 năm 2021)

1. Thông qua danh sách 03 công ty kiểm toán độc lập đề Hội đồng Quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế trong năm 2021, cụ thể như sau:
 - Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (DELOITTE);
 - Công ty TNHH Kiểm toán Ernst & Young Việt Nam (E&Y);
 - Công ty TNHH Hãng kiểm toán (AASC).
2. Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong ba công ty kiểm toán nêu trên thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính, soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của năm tài chính 2021 theo quy định hiện hành.